

CÔNG TY TNHH HOÀNG ANH QUY NHƠN



BÁO CÁO
ĐỀ XUẤT CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG
của Cơ sở
NHÀ MÁY CHẾ BIẾN LÂM SẢN XUẤT KHẤU

Địa điểm: Lô B33, B34 và B38, Khu công nghiệp Phú Tài,
phường Trần Quang Diệu, thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định.

Quy Nhơn, tháng 12 năm 2024

CÔNG TY TNHH HOÀNG ANH QUY NHƠN



BÁO CÁO
ĐỀ XUẤT CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG
của Cơ sở
NHÀ MÁY CHẾ BIẾN LÂM SẢN XUẤT KHẨU

Địa điểm: Lô B33, B34 và B38, Khu công nghiệp Phú Tài,
phường Trần Quang Diệu, thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định.

CHỦ ĐẦU TƯ
CÔNG TY TNHH
HOÀNG ANH QUY NHƠN
Giám Đốc

ĐƠN VỊ LẬP BÁO CÁO
CÔNG TY TNHH CÔNG NGHỆ
MÔI TRƯỜNG TÍN MỸ
Giám Đốc

Đoàn Thị Nguyên Vinh

Nguyễn Thành Nhân

Quy Nhơn, tháng 12 năm 2024

MỤC LỤC

MỤC LỤC	i
DANH MỤC TỪ VIẾT TẮT.....	v
DANH MỤC BẢNG	vi
DANH MỤC HÌNH	vii
CHƯƠNG I.....	2
THÔNG TIN CHUNG VỀ CƠ SỞ	2
1.1 Tên chủ cơ sở.....	2
1.2. Tên cơ sở	2
1.3. Công suất, công nghệ, sản phẩm sản xuất của cơ sở.....	6
1.3.1. Công suất của cơ sở	6
1.3.2. Công nghệ sản xuất của cơ sở.....	6
1.3.3. Sản phẩm của cơ sở	8
1.3.4. Danh mục máy móc, thiết bị phục vụ cho sản xuất.....	8
1.4. Nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu, phế liệu, điện năng, hóa chất sử dụng, nguồn cung cấp điện, nước của cơ sở.....	12
1.4.1. Nhu cầu nguyên vật liệu cho quá trình sản xuất.....	12
1.4.2. Nhu cầu sử dụng điện	13
1.4.3. Nhu cầu sử dụng nước	13
1.4.4. Nhu cầu hóa chất.....	15
1.5. Các thông tin khác liên quan đến dự án	15
1.5.1. Hiện trạng hạ tầng KCN	15
1.5.2. Tổng mức đầu tư và nguồn vốn đầu tư mở rộng	16
1.5.3. Thời gian xây dựng và thời gian hoạt động.....	16
1.5.4. Nhu cầu về lao động	16
1.5.5. Tiêu thụ sản phẩm.....	16
1.5.6. Cây xanh	17
CHƯƠNG II.....	18
SỰ PHÙ HỢP CỦA CƠ SỞ VỚI QUY HOẠCH.....	18

KHẢ NĂNG CHỊU TẢI CỦA MÔI TRƯỜNG	18
2.1. Sự phù hợp của cơ sở với quy hoạch bảo vệ môi trường quốc gia, quy hoạch tỉnh, phân vùng môi trường.	18
2.2. Sự phù hợp của cơ sở đối với khả năng chịu tải của môi trường	18
CHƯƠNG III	20
KẾT QUẢ HOÀN THÀNH CÁC CÔNG TRÌNH, BIỆN PHÁP	20
BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG CỦA CƠ SỞ	20
3.1. Công trình, biện pháp thoát nước mưa, thu gom và xử lý nước thải.....	20
3.1.1. Thu gom, thoát nước mưa.....	20
3.1.2. Thu gom, thoát nước thải.....	21
3.1.3. Xử lý nước thải	22
3.2. Công trình, biện pháp xử lý bụi, khí thải:.....	23
3.2.1. Giảm thiểu ô nhiễm bụi, khí thải từ quá trình vận chuyển nguyên liệu, sản phẩm	23
3.2.2. Đối với bụi từ hoạt động sản xuất.....	23
3.2.3. Đối với khí thải từ nồi hơi	29
3.2.4. Mùi hôi từ khu vực tập trung rác thải sinh hoạt và khu vệ sinh	31
3.3. Công trình lưu giữ, xử lý chất thải rắn thông thường.....	32
3.3.1. Đối với chất thải rắn sinh hoạt.....	32
3.3.2. Đối với chất thải rắn công nghiệp thông thường	32
3.4. Công trình, biện pháp lưu giữ, xử lý chất thải nguy hại và chất thải công nghiệp phải kiểm soát.....	33
3.5. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung.....	35
3.6. Phương án phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường	35
3.7. Các nội dung thay đổi so với bản đăng ký đạt tiêu chuẩn môi trường	37
CHƯƠNG IV	41
NỘI DUNG ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG.....	41
4.1. Nội dung đề nghị cấp giấy phép môi trường đối với nước thải.....	41
4.1.1. Nội dung cấp phép xả nước thải	41

4.1.2. Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với thu gom, xử lý nước thải	41
4.2. Nội dung đề nghị cấp giấy phép đối với khí thải	42
4.2.1. Nội dung cấp phép khí thải	42
4.2.2. Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với thu gom, xử lý bụi, khí thải	46
4.2.2. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường	48
4.3. Nội dung đề nghị cấp phép đối với tiếng ồn, độ rung	49
4.3.1. Nội dung đề nghị cấp phép	49
4.3.2. Yêu cầu về bảo vệ môi trường đối với tiếng ồn, độ rung	50
4.4. Yêu cầu quản lý chất thải	50
4.4.1. Quản lý chất thải	50
4.4.2. Yêu cầu về phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường	52
CHƯƠNG V	54
KẾT QUẢ QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG CỦA CƠ SỞ	54
5.1. Kết quả quan trắc môi trường định kỳ đối với nước thải:	54
5.2. Kết quả quan trắc môi trường đối với bụi, khí thải:	55
CHƯƠNG VI	58
CHƯƠNG TRÌNH QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG CỦA CƠ SỞ	58
6.1. Kế hoạch vận hành công trình xử lý chất thải của dự án	58
6.1.1. Thời gian dự kiến vận hành thử nghiệm	58
6.1.2. Kế hoạch quan trắc chất thải đánh giá hiệu quả xử lý của các công trình, thiết bị xử lý chất thải	58
6.2. Chương trình quan trắc chất thải theo quy định của pháp luật	61
6.2.1. Chương trình quan trắc định kỳ	61
6.2.2. Chương trình quan trắc tự động, liên tục chất thải	62
6.3. Kinh phí thực hiện quan trắc môi trường	62
CHƯƠNG VII	63
KẾT QUẢ KIỂM TRA, THANH TRA	63
VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI CƠ SỞ	63
CHƯƠNG VIII	64

CAM KẾT CỦA CHỦ CƠ SỞ	64
PHỤ LỤC	65

DANH MỤC TỪ VIẾT TẮT

BTCT	: Bê tông cốt thép
BTNMT	: Bộ Tài nguyên Môi trường
CTNH	: Chất thải nguy hại
KCN	: Khu công nghiệp
PCCC	: Phòng cháy chữa cháy
QCVN	: Quy chuẩn Việt Nam
TCVN	: Tiêu chuẩn Việt Nam
TCXDVN	: Tiêu chuẩn Xây dựng Việt Nam
TNHH	: Trách nhiệm hữu hạn
UBND	: Ủy ban nhân dân

DANH MỤC BẢNG

Bảng 1. 1. Các hạng mục công trình tại nhà máy	4
Bảng 1. 2. Danh mục máy móc, thiết bị của nhà máy	8
Bảng 1. 3. Nhu cầu sử dụng nguyên vật liệu tại nhà máy	12
Bảng 1. 4. Tổng hợp nhu cầu dùng nước	14
Bảng 1. 5. Nhu cầu hóa chất sử dụng	15
Bảng 3. 1. Thông số kỹ thuật của hệ thống xử lý bụi chuyển tinh chế - Chi tiết thẳng ...	24
Bảng 3. 2. Thông số của hệ thống xử lý hơi dung môi, bụi sơn.....	28
Bảng 3. 3. Thông số kỹ thuật hệ thống xử lý khí thải nồi hơi 4,5 tấn/giờ.....	30
Bảng 3. 4. Thành phần và khối lượng phát sinh CTR công nghiệp thông thường.....	33
Bảng 3. 5. Khối lượng chất thải nguy hại và chất thải công nghiệp phải kiểm soát phát sinh trong quá trình hoạt động.....	33
Bảng 4. 1. Giá trị giới hạn đối với tiếng ồn.....	49
Bảng 4. 2 Giá trị giới hạn đối với độ rung.....	49
Bảng 4. 3. Khối lượng, chủng loại chất thải nguy hại và chất thải công nghiệp phải kiểm soát trong Nhà máy	50
Bảng 4. 4. Khối lượng, chủng loại chất thải rắn công nghiệp thông thường	50
Bảng 5. 1. Kết quả phân tích nước thải của nhà máy	54
Bảng 5. 2. Kết quả môi trường không khí năm 2023	55
Bảng 5. 3. Kết quả phân tích khí thải nồi hơi của nhà máy.....	56
Bảng 6. 1. Thời gian dự kiến thực hiện vận hành thử nghiệm	58
Bảng 6. 2. Thông tin quá trình lấy mẫu	59
Bảng 6. 3. Dự kiến kinh phí thực hiện quan trắc môi trường hằng năm	62

DANH MỤC HÌNH

Hình 1. 1. Vị trí nhà máy	3
Hình 1. 2. Sơ đồ công nghệ sản xuất gỗ	7
Hình 1. 3. Dải cây xanh tại khu vực nhà máy	17
Hình 3. 1. Sơ đồ mạng lưới thu gom và thoát nước mưa của nhà máy	20
Hình 3. 2. Mương thoát nước mưa hiện hữu xung quanh nhà máy.....	20
Hình 3. 3. Sơ đồ mạng lưới thu gom thoát nước thải của nhà máy	21
Hình 3. 4. Sơ đồ mạng lưới thu gom, thoát nước thải của dự án	21
Hình 3. 5. Sơ đồ hệ thống bể tự hoại	22
Hình 3. 6. Sơ đồ hệ thống thu gom và xử lý bụi gỗ	24
Hình 3. 7. Hệ thống thu gom và xử lý bụi nhà xưởng.....	27
Hình 3. 8. Sơ đồ xử lý khói thải	30
Hình 3. 9. Hệ thống xử lý khói thải nội hơi.....	31
Hình 3. 10. Sơ đồ quy trình thu gom chất thải rắn sinh hoạt.....	32
Hình 3. 11. Khu vực lưu chứa chất thải nguy hại.....	32

CHƯƠNG I

THÔNG TIN CHUNG VỀ CƠ SỞ

1.1 Tên chủ cơ sở

- Tên chủ cơ sở: Công ty TNHH Hoàng Anh Quy Nhơn
- Địa chỉ: Lô B33, B34 và B38, Khu công nghiệp Phú Tài, phường Trần Quang Diệu, thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định.
- Người đại diện: (Bà) Đoàn Thị Nguyên Vinh
- Chức vụ : Giám đốc
- Điện thoại : 056 3741177
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 4101435124 đăng ký lần đầu ngày 03 tháng 12 năm 2014, thay đổi lần thứ 03 ngày 07 tháng 8 năm 2018 do Phòng Đăng ký kinh doanh thuộc Sở Kế hoạch và đầu tư tỉnh Bình Định cấp.

1.2. Tên cơ sở

“Mở rộng nhà xưởng sản xuất khu A”

(Sau đây gọi tắt là Dự án hoặc Nhà máy)

- Địa điểm cơ sở: Lô B33, B34 và B38, Khu công nghiệp Phú Tài, phường Trần Quang Diệu, thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định.

Vị trí tiếp giáp của các khu vực sau:

- Phía Đông tiếp giáp: Đường quốc lộ 1A;
- Phía Tây tiếp giáp: Đường trục KCN;
- Phía Nam tiếp giáp: Công ty TNHH Phước Hưng;
- Phía Bắc tiếp giáp: Đường số 21.



Hình 1. 1. Vị trí nhà máy

- Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số BK319558, số vào sổ cấp GCN số CT01462, do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bình Định cấp ngày 31/08/2012.
- Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số CR792503, số vào sổ cấp GCN số CT08927, tại thửa đất số 63, tờ bản đồ số 44 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bình Định cấp ngày 16/09/2019.
- Quyết định số 2005/QĐ-UB ngày 29/6/1998 của UBND tỉnh Bình Định về việc giao địa điểm cho Công ty TNHH Hoàng Anh để triển khai phương án đền bù và lập dự án đầu tư xây dựng nhà máy chế biến lâm sản xuất khẩu.
- Giấy xác nhận bản cam kết bảo vệ môi trường của dự án Xây dựng Nhà máy gỗ Hoàng Anh Quy Nhơn số 52/GXN-UBND ngày 18/7/2008.
- Cơ quan thẩm định thiết kế xây dựng, cấp các loại giấy phép liên quan đến môi trường của dự án đầu tư: Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh Bình Định là cơ quan phê duyệt thiết kế xây dựng và các loại thủ tục liên quan đến dự án đầu tư như sau:
 - + Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư số 35221000053, chứng nhận lần đầu ngày 30 tháng 6 năm 2009 do Ban quản lý Khu kinh tế tỉnh Bình Định cấp.

*Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường của cơ sở: “Nhà máy chế biến lâm sản xuất khẩu”.
Địa điểm thực hiện: Lô B33, B34 và B38, Khu công nghiệp Phú Tài, thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định.*

+ Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư số 35221000053, chứng nhận lần đầu ngày 30 tháng 6 năm 2009 và chứng nhận thay đổi lần thứ nhất ngày 30 tháng 12 năm 2009, do Ban quản lý Khu kinh tế tỉnh Bình Định cấp.

+ Giấy xác nhận đăng ký đề án bảo vệ môi trường đơn giản dự án Nhà máy chế biến lâm sản xuất khẩu của Chi nhánh công ty CP Hoàng Anh Gia Lai – Nhà máy gỗ Hoàng Anh Quy Nhơn số 66/GXN-BQL cấp ngày 11/01/2013 do Ban quản lý Khu Kinh tế tỉnh Bình Định cấp.

+ Quyết định số 526/QĐ-BQL ngày 09/4/2010 của Ban quản lý Khu kinh tế tỉnh Bình Định về việc điều chỉnh quy hoạch chi tiết mặt bằng tổng thể tỷ lệ 1/500 Chi nhánh Công ty CP Hoàng Anh Gia Lai – Nhà máy gỗ Hoàng Anh Quy Nhơn.

+ Văn bản số 1189/BQL-QLQHXD ngày 21/06/2016 của Ban quản lý khu kinh tế tỉnh Bình Định về việc thỏa thuận QH TMB điều chỉnh dự án Nhà máy chế biến lâm sản xuất khẩu và tiêu thụ nội địa tại lô B33, B34, B38 thuộc KCN Phú Tài của Công ty TNHH Hoàng Anh Quy Nhơn.

+ Giấy phép xây dựng số 34/GPXD-BQL cấp ngày 12/08/2016 do Ban quản lý Khu Kinh tế tỉnh Bình Định cấp.

Quy mô dự án đầu tư của cơ sở:

Bảng 1. 1. Các hạng mục công trình tại nhà máy

STT	Hạng mục	Diện tích (m ²)	Tỷ lệ (%)
I	Đất xây dựng công trình	25.816	62,83%
1	Nhà bảo vệ	46	
2	Nhà để xe công nhân 1	283,55	
3	Gara ô tô	84	
4	Kho hóa chất	72	
5	Nhà làm việc	222,72	
6	Nhà vệ sinh	29,12	
7	Nhà căn tin + mẫu đối chứng	145,6	
8	Bãi chứa gỗ	882	

*Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường của cơ sở: “Nhà máy chế biến lâm sản xuất khẩu”.
Địa điểm thực hiện: Lô B33, B34 và B38, Khu công nghiệp Phú Tài, thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định.*

STT	Hạng mục	Diện tích (m ²)	Tỷ lệ (%)
9	Xưởng cưa CD	931	
10	Kho chứa gỗ	1.064	
11	Khu vực ngâm gỗ	280	
12	Lò sấy hơi nước + lò hơi	2.688	
13	Kho chứa chất thải nguy hại	13,23	
14	Phân xưởng sản xuất số 1	1.280	
15	Xưởng tạo phôi	2.944	
16	Xưởng sản xuất số 2	2.940	
17	Xưởng sản xuất số 3	4.368	
18	Xưởng lắp ráp	2.119	
19	Xưởng phun sơn	1.431	
20	Kho thành phẩm	2.130	
21	Lò hút bụi	236	
22	Xưởng cơ khí số 1	108	
23	Xưởng cơ khí số 2	60	
24	Nhà vệ sinh số 1	16	
25	Đài nước	47	
26	Trạm biến áp	33	
27	Bể xử lý nước thải	18	
28	Bể nước PCCC	75	
29	Nhà vệ sinh số 2	24	
30	Nhà đóng gói bao bì	404	
31	Lò sấy hơi	128,80	
32	Bể nước	24	

*Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường của cơ sở: “Nhà máy chế biến lâm sản xuất khẩu”.
Địa điểm thực hiện: Lô B33, B34 và B38, Khu công nghiệp Phú Tài, thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định.*

STT	Hạng mục	Diện tích (m²)	Tỷ lệ (%)
33	Kho văn phòng	9,60	
34	Nhà trưng bày sản phẩm	376	
35	Xưởng bao bì đóng gói	672	
II	Diện tích cây xanh	9.001,95	21,91 %
III	Đất giao thông nội bộ	6.270,6	15,26 %
IV	Tổng cộng	41.088,7	100,0 %

Nguồn: Bản vẽ Quy hoạch sử dụng đất tỷ lệ 1/500

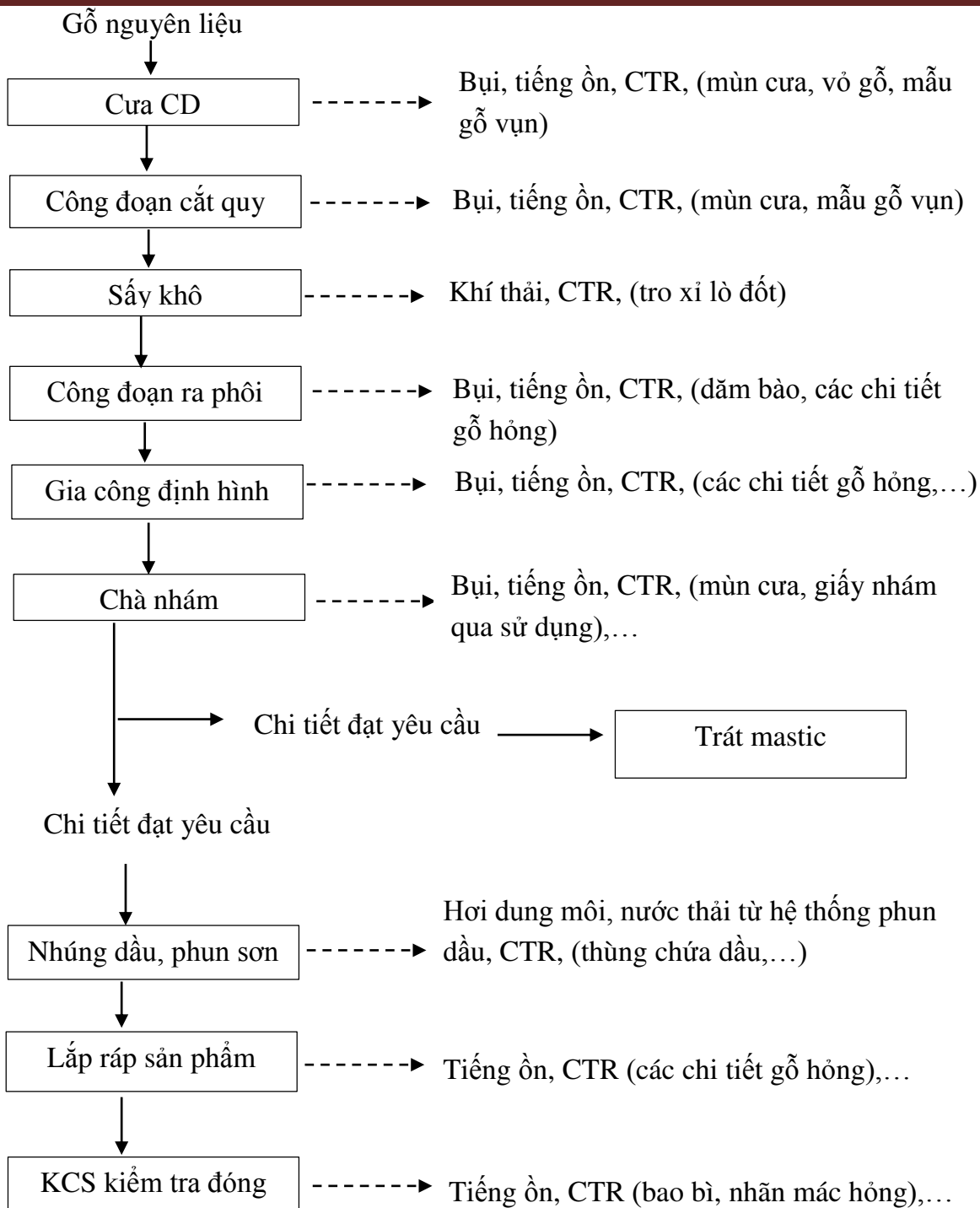
1.3. Công suất, công nghệ, sản phẩm sản xuất của cơ sở

1.3.1. Công suất của cơ sở

Quy mô công suất của cơ sở là 2.500m³ gỗ nguyên liệu/năm và 1.450 m³ gỗ tinh chế / năm (tương đương 5.800 m³ gỗ tròn/ năm).

1.3.2. Công nghệ sản xuất của cơ sở

- Trong sản xuất chế biến gỗ thì quy trình sản xuất luôn là điều quan trọng quyết định đến giá thành và chất lượng sản phẩm. Để cho ra những sản phẩm tốt dự án đã nghiên cứu và đưa ra quy trình chuẩn để đầu tư, nhằm nâng cao chất lượng của sản phẩm từ gỗ như sau:



Hình 1. 2. Sơ đồ công nghệ sản xuất gỗ

➤ **Thuyết minh quy trình công nghệ sản xuất:**

Công đoạn cưa xẻ và cắt quy cách: Là công đoạn cưa, cắt gỗ nguyên liệu dạng lớn để tạo ra các khúc gỗ, tấm gỗ có độ dài và độ dày nhất định tùy theo yêu cầu của từng đơn hàng.

Công đoạn sấy: là công đoạn gia nhiệt cho gỗ trong hệ thống sấy gia nhiệt với thời gian từ 15- 20 ngày nhằm mục đích đáp ứng các yêu cầu của khách hàng về chất lượng gỗ như: độ ẩm của gỗ, hạn chế mức thấp nhất độ cong vênh, nứt, toét của thanh gỗ,...

Công đoạn tạo ra phôi và gia công định hình: là công đoạn tạo phôi sản phẩm và gia công định hình sơ bộ các chi tiết của sản phẩm như: tạo độ cong cho chi tiết, đục lỗ, tạo rãnh...

Công đoạn chà nhám: là công đoạn xử lý bề mặt của các chi tiết gỗ để loại bỏ các tạp chất, chất thô, bụi bẩn bám trên bề mặt.

Công đoạn phun sơn, nhúng xử lý dầu: là công đoạn phun lên các chi tiết gỗ các loại dầu bảo quản và các loại dung môi sơn để làm tăng độ bền cho các chi tiết gỗ trong quá trình sử dụng.

Công đoạn lắp ráp sản phẩm: là công đoạn gắn kết các chi tiết đã hoàn thiện để tạo thành sản phẩm chính thức.

Công đoạn kiểm tra chất lượng sản phẩm: là công đoạn kiểm tra về màu sắc, bề mặt, độ cong, vênh... của sản phẩm để phát hiện các sai sót trong quá trình chế biến. Sản phẩm sau khi đạt tất cả các tiêu chuẩn sẽ được bao gói và nhập kho.

1.3.3. Sản phẩm của cơ sở

Đồ gỗ nội, ngoại thất làm từ gỗ có nguồn gốc nội địa hoặc nhập khẩu, sản xuất và xuất khẩu đến thị trường nước ngoài : Châu Âu, Mỹ....

1.3.4. Danh mục máy móc, thiết bị phục vụ cho sản xuất

Bảng 1. 2. Danh mục máy móc, thiết bị của nhà máy

STT	Tên thiết bị	Số lượng	Tình trạng
1	Máy khoan 4 đầu (nk từ đài loan)	1	70%
2	Máy bào 04 mặt - m515	1	70%
3	Máy đánh mộng mxb - 3510 (02 bộ)	2	70%

*Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường của cơ sở: “Nhà máy chế biến lâm sản xuất khẩu”.
Địa điểm thực hiện: Lô B33, B34 và B38, Khu công nghiệp Phú Tài, thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định.*

STT	Tên thiết bị	Số lượng	Tình trạng
4	Máy ghép ngang mh 1925 x 13	1	70%
5	Máy ghép dọc mbh 1530	1	70%
6	Máy bào 4 mặt m515	1	70%
7	Dây chuyền sơn tĩnh điện	1	70%
8	Máy làm mộng dương yrt - 115	1	70%
9	Máy làm mộng âm nhiều mũi	1	80%
10	Máy khâu veneer mh 1190	1	70%
11	Máy phay mộng răng lược	2	70%
12	Máy chà nhám thùng (nk)	1	70%
13	Máy nén khí, sấy khô (01 bộ)	1	80%
14	Máy ripsaw 5rs-12tk	11	80%
15	Máy bào 4 mặt vh-m515	1	80%
16	Máy ghép hình	1	95%
17	Máy chà nhám thùng (02 cái)	2	70%
18	Máy phay (enshu)	1	70%
19	Máy khoan lắ ngang yc-6	1	70%
20	Máy ghép dọc (02 cái - ht)	2	90%
21	Máy chà nhám (ht)	1	90%
22	Máy finger đài loan (02 cái - ht)	2	70%
23	Máy rong lipso đl (ht)	1	70%
24	Máy bào 4 mặt (ht)	1	90%
25	Máy phay mộng oval dương	1	70%
26	Bộ máy nén khí trục vít	1	70%
27	Hệ thống hút bụi	2	70%

*Đơn vị tư vấn: Công ty TNHH Công nghệ Môi trường Tín Mỹ
VPDD: 22 Mai Hắc Đế, phường Ghềnh Ráng, thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định
Điện thoại: 02563.749.590*

*Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường của cơ sở: “Nhà máy chế biến lâm sản xuất khẩu”.
Địa điểm thực hiện: Lô B33, B34 và B38, Khu công nghiệp Phú Tài, thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định.*

STT	Tên thiết bị	Số lượng	Tình trạng
28	Dây chuyền sơn	1	70%
29	Máy nén khí trục vít	1	80%
30	Máy sy	1	80%
31	Máy khâu veneer	1	95%
32	Tháp sơn	1	70%
33	Máy khoan TK 676/NK/KD TG: 17941	3	80%
34	Máy cửa bàn trượt MJ6130	1	80%
35	Máy ovan dương (2cái)	2	70%
36	Xe nâng	3	75%
37	Máy cửa bàn trượt MJ6130	1	75%
38	Máy mộng âm 2 đầu	1	75%
39	Máy hàn	2	80%
40	Máy cửa RipsawYFR 303	2	80%
41	Máy ghép dọc, máy cửa Ripsaw	1	80%
42	Máy cửa lipsaw	1	95%
43	Máy mộng âm YOM 33L	1	95%
44	Máy mộng dương YRT115	1	95%
45	Máy router dùng hơi RH -YL750	1	95%
46	Máy mộng âm Yom 120	2	80%
47	Máy carsaw lưỡi trên	1	90%
48	Máy khoan nằm 6 mũi	3	80%
49	Máy cắt sắt	2	80%
50	máy mộng âm YOM 120	2	80%
51	Máy chà nhám thùng SY 2560RP	1	80%

*Đơn vị tư vấn: Công ty TNHH Công nghệ Môi trường Tín Mỹ
VPDD: 22 Mai Hắc Đế, phường Ghềnh Ráng, thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định
Điện thoại: 02563.749.590*

*Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường của cơ sở: “Nhà máy chế biến lâm sản xuất khẩu”.
Địa điểm thực hiện: Lô B33, B34 và B38, Khu công nghiệp Phú Tài, thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định.*

STT	Tên thiết bị	Số lượng	Tình trạng
52	Máy khoan đã qua sử dụng (Phú Sỹ)	1	80%
53	Máy làm mộng oval âm YOM 120	1	70%
54	Máy phay	1	80%
55	Máy cưa ripsaw rs 365	1	80%
56	Máy cưa CD 4	1	70%
57	Máy bơm nước chữa cháy	1	75%
58	Máy cắt	1	75%
59	Dây chuyền sơn palet 183m(ksd3080)	1	75%
60	Máy chà nhám	1	80%
61	Máy chà nhám băng	1	80%
62	Máy cưa CD 700	1	75%
63	Máy chà nhám veneer SR-RP1300	1	75%
64	Máy chếp hình CNC (TK 145760-31/08/17)	1	80%
65	Máy CNC đục mộng MXS2538X5	1	80%
66	Máy CNC mài nhẵn MSZ4121A	1	80%
67	Máy ghép cao tần TGG-GCTB	1	75%
68	Máy phay rãnh chống mo mặt bàn	1	75%
69	Máy ép nóng 3 lấc BY 214	1	80%
70	Máy phay router CNC 3 đầu K60MT*3	1	70%
71	Máy khoan bộ MD 03	1	80%
72	Máy khoan nan liên kết 20 đầu	1	80%
73	Máy chà nhám chổi F200MA-4U	1	95%
74	Máy chếp hình tròn DT1280	1	70%
75	Máy mộng âm CNC 4 đầu, SX4-1500	1	80%

*Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường của cơ sở: “Nhà máy chế biến lâm sản xuất khẩu”.
Địa điểm thực hiện: Lô B33, B34 và B38, Khu công nghiệp Phú Tài, thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định.*

STT	Tên thiết bị	Số lượng	Tình trạng
76	Dây chuyền sơn treo	1	70%
77	Dây chuyền sơn treo, HT hút bụi sơn	1	70%
78	Máy sơn tĩnh điện JD-30E	1	80%
79	Máy chà nhám chổi thùng 1300DNN	1	85%

Nguồn: Công ty TNHH Hoàng Anh Quy Nhơn

1.4. Nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu, phế liệu, điện năng, hóa chất sử dụng, nguồn cung cấp điện, nước của cơ sở

1.4.1. Nhu cầu nguyên vật liệu cho quá trình sản xuất

a. Nguyên liệu gỗ sản xuất:

- Gỗ được nhập khẩu 90% từ các nước:
- + Gỗ xẻ, gỗ tròn nhập từ các tỉnh: Quảng Nam, Phú Yên, Quảng Trị....
- + Gỗ tròn nhập bằng đường biển qua Cảng Quy Nhơn: gỗ bạch đàn (URUGUAY)
- Ước tính nhu cầu khoảng: 1.150m³ gỗ quy tròn/năm; 2.050m³ gỗ xẻ/năm.

b. Nguyên phụ liệu cho sản xuất gỗ

Bảng 1. 3. Nhu cầu sử dụng nguyên vật liệu tại nhà máy

STT	Nguyên liệu	Đơn vị/năm	Số lượng
1	Giấy nhám	Cuộn	190

Nguồn: Công ty TNHH Hoàng Anh Quy Nhơn

- Nguồn cung cấp: nhập từ các xưởng sản xuất trong nước ở khu vực Quy Nhơn, Đà Nẵng, thành phố Hồ Chí Minh.

c. Nhiên liệu sử dụng cho nồi hơi

Công ty đầu tư, lắp đặt 01 nồi hơi 3,5 tấn/h để sấy gỗ, sử dụng nguồn bụi từ nhà chứa bụi và củi gỗ phế thải từ quá trình chế biến của nhà máy để làm nguồn nhiên liệu đốt cho hệ thống nồi hơi. Với định mức tiêu hao nhiên liệu khoảng 50kg củi/ 1 tấn (với độ ẩm <35%) thì lượng củi tiêu hao dùng để đốt nồi hơi khoảng 1,2 tấn/ngày (với thời gian đốt củi là 24giờ/ngày - chia theo ca).

1.4.2. Nhu cầu sử dụng điện

- Mục đích sử dụng: Chiếu sáng, chạy máy bơm nước, vận hành máy móc thiết bị sản xuất và hoạt động của văn phòng.
- Tổng nhu cầu sử dụng điện khoảng 75.754 KWh/tháng (*theo Hóa đơn điện từ tháng 09/2024-11/2024*)
- Nguồn cung cấp: Nguồn điện cung cấp cho hoạt động của dự án được lấy từ hệ thống cấp điện 22Kv của KCN thông qua 02 Trạm biến áp nằm phía Đông giáp đường Trung Tâm của Khu công nghiệp.

1.4.3. Nhu cầu sử dụng nước

- Nguồn cấp: Nhu cầu sử dụng nước của dự án chủ yếu là cho mục đích sinh hoạt của công nhân, tưới cây xanh, cấp nước cho PCCC. Hiện tại, nhà máy đang sử dụng nguồn nước cấp hiện hữu tại Khu công nghiệp. Công ty đã ký hợp đồng với Công ty Cổ phần cấp thoát nước Bình Định. (*Hợp đồng dịch vụ cấp nước số E/2120/HĐ đính kèm phụ lục*).
- Nhu cầu sử dụng nước: lượng nước sử dụng cho nhu cầu của Nhà máy được sử dụng cho sinh hoạt, sản xuất (cung cấp cho nồi hơi và cấp cho bồn chứa nước hệ thống xử lý bụi sơn) và tưới cây xanh trung bình khoảng 95 m³/tháng (*Theo hóa đơn tiền nước từ tháng 09/2024 đến tháng 11/2024*).

❖ Nước cấp cho mục đích sinh hoạt:

Với số lượng CBCNV hiện tại của nhà máy là 200 người. Căn cứ theo tiêu chuẩn TCXDVN 13606:2023 – Cấp nước, mạng lưới đường ống và công trình, tiêu chuẩn thiết kế của Bộ xây dựng thì tiêu chuẩn cấp nước phục vụ cho mục đích sinh hoạt là 45 lít/người/ca. Lượng nước cấp cho sinh hoạt của CBCNV của nhà máy là:

$$Q_{\text{sinh hoạt}} = 200 \text{ người} \times 45 \text{ lít/người/ca} = 9.000 \text{ lít/ngày} = \mathbf{9,0 \text{ m}^3/\text{ngày}}$$

❖ Nước sử dụng tưới cây, rửa đường

Căn cứ theo tiêu chuẩn TCXDVN 13606:2023 thì lượng nước dùng cho mục đích tưới cây có thể được ước tính như sau:

$$Q_{\text{tưới}} = 9.001,95 \text{ m}^2 \times 3 \text{ lít/m}^2 = 27.005,85 \text{ lít/ngày} \approx \mathbf{27 \text{ m}^3/\text{ngày}}$$

Tuy nhiên, thực tế lượng nước phục vụ cho tưới cây không cao như tính toán, ước tính hằng ngày công tác tưới tiêu, chăm sóc cây trồng trong khuôn viên dự án khoảng **5m³/ngày**.

❖ Nước cấp cho sản xuất

- Hệ thống xử lý bụi sơn màng nước:

+ Nhà máy sử dụng 05 hệ thống xử lý bụi sơn bằng màng nước (trong đó 02 hệ thống hoạt động thường xuyên, 03 hệ thống dự phòng), có kích thước bể chứa nước 4m x 1m x 0,4m. Do đó, lượng nước cần cung cấp cho 5 bể này là: $(4\text{m} \times 1\text{m} \times 0,4\text{m}) \times 5 \text{ bể} = 8\text{m}^3$.

+ Tuy nhiên, trong quá trình hoạt động để đảm bảo tránh xảy ra tình trạng chảy tràn nước gây lãng phí và gây mất vệ sinh khu vực, do vậy lượng nước lưu chứa tại các khoang chứa nước chỉ chiếm khoảng $\frac{3}{4}$ dung tích khoang. Thực tế lượng nước cấp ban đầu cho công đoạn này là: $8 \times \frac{3}{4} = 6\text{m}^3$.

+ Nhà máy sẽ tiến hành thay nước và vệ sinh khoang chứa nước định kỳ mỗi 06 tháng tùy theo nhu cầu sản xuất của Nhà máy, vì vậy lượng nước cấp vào cho công đoạn này là 06 – 12 tháng/1 lần (tùy theo nhu cầu của đơn hàng).

- Hệ thống xử lý khí thải lò hơi:

+ Nước cấp cho tháp rửa nước (kích thước Ø640 x 1.220mm: ước tính khoảng 0,3m³ /lần và được tuần hoàn tái sử dụng.

+ Nước cấp cho Bể đập bụi: ước tính khoảng 0,7 m³/ lần (bể đập bụi có kích thước: 1,4m x 0,5m x 1,0m). Định kỳ, khoảng 6 – 12 tháng, nhà máy sẽ tiến hành vệ sinh vớt cặn và thay nước tùy theo nhu cầu hoạt động của nhà máy.

+ Vậy tổng lượng nước cấp cho hệ thống xử lý khí thải lò hơi là **1,0m³** và định kỳ thay nước từ 06-12 tháng tùy vào đơn hàng của Nhà máy.

- Nước bổ sung do hao hụt:

+ Bồn chứa nước của hệ thống xử lý bụi sơn được thiết kế theo dạng bồn hở, không có nắp đậy, nên trong quá trình hoạt động sẽ có một lượng nước bốc hơi ra bên ngoài. Để đảm bảo đủ nước trong quá trình hoạt động của hệ thống, nhà máy cung cấp lượng nước hao hụt khoảng **0,5m³/ngày**.

❖ **Nước cấp cho PCCC**

Nước dự phòng cho PCCC được chứa tại bể chứa có diện tích 75m², đặt tại khu vực phía Nam nhà máy.

- Như vậy, tổng lượng nước cấp cho nhà máy khi hoạt động ổn định (*không tính nước cấp cho hoạt động PCCC*) là:

Bảng 1. 4. Tổng hợp nhu cầu dùng nước

STT	Nhu cầu cấp nước	Lưu lượng
1	Nước cấp sinh hoạt	9,0m ³ /ngày
2	Nước cấp cho hệ thống phun sơn màng nước	6m ³ / 06-12 tháng

Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường của cơ sở: “Nhà máy chế biến lâm sản xuất khẩu”.
Địa điểm thực hiện: Lô B33, B34 và B38, Khu công nghiệp Phú Tài, thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định.

STT	Nhu cầu cấp nước	Lưu lượng
3	Nước dùng để xử lý khói thải nồi hơi	1,0m ³ / 06-12 tháng
4	Nước bổ sung do hao hụt	0,5m ³ /ngày
5	Nước tưới cây, rửa đường	5m ³ /ngày

Nguồn: Công ty TNHH Hoàng Anh Quy Nhơn

1.4.4. Nhu cầu hóa chất

Bảng 1. 5. Nhu cầu hóa chất sử dụng

STT	Nguyên liệu	Thành phần	Đơn vị/năm	Số lượng
1	Dầu màu	- Dầu tự nhiên - Hỗn hợp dung môi - Hỗn hợp màu	kg	12.495
2	Dầu DO (xe nâng)	-	Lít	3.300

Nguồn: Công ty TNHH Hoàng Anh Quy Nhơn

1.5. Các thông tin khác liên quan đến dự án

1.5.1. Hiện trạng hạ tầng KCN

- Thoát nước mưa, nước thải: tại khu vực Dự án, chủ đầu tư KCN Phú Tài đã đầu tư hoàn thiện hệ thống thu gom và thoát nước mưa, nước thải dọc theo tuyến đường trục và các tuyến đường nội bộ của KCN, để phục vụ cho việc lưu thoát nước mưa, nước thải của các dự án, nước thải được thu gom đầu nối đưa về hệ thống xử lý nước thải 2.000 m³/ngày đêm đã được Chủ đầu tư KCN Phú Tài đầu tư xây dựng để xử lý nước thải phát sinh của các dự án trong KCN Phú Tài, Long Mỹ theo đúng quy định. Hệ thống XLNT đã lắp đặt trạm quan trắc nước thải tự động với các chỉ tiêu giám sát cơ bản là lưu lượng (đầu vào, đầu ra), nhiệt độ, BOD, pH, TSS, amoni theo quy định.

- Giao thông: giao thông nội bộ trong KCN hiện đã được Chủ đầu tư hạ tầng KCN xây dựng hoàn thiện đáp ứng nhu cầu vận chuyển nguyên vật liệu, sản phẩm ra vào KCN.

- Cấp điện: Hệ thống cấp điện trong KCN đã lắp đặt hoàn thiện và đảm bảo cung cấp nguồn điện phục vụ cho các dự án thứ cấp trong KCN.

*Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường của cơ sở: “Nhà máy chế biến lâm sản xuất khẩu”.
Địa điểm thực hiện: Lô B33, B34 và B38, Khu công nghiệp Phú Tài, thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định.*

- Cấp nước: Khu vực dự án đã có đường ống cấp nước sạch do Công ty CP cấp thoát nước Bình Định đầu tư và cung cấp nước sạch cho các nhà máy.

- Hiện trạng thu gom và xử lý chất thải rắn: Hiện nay, trên địa bàn KCN đã có công ty Cổ phần Môi trường Bình Định tiến hành thu gom xử lý toàn bộ lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh từ các doanh nghiệp; Công ty TNHH TM&MT Hậu Sanh thu gom, xử lý chất thải công nghiệp và nguy hại.

1.5.2. Tổng mức đầu tư và nguồn vốn đầu tư

- Vốn đầu tư phần mở rộng của cơ sở: 10.018.000.000 (Tám tỷ, một trăm bốn mươi một triệu, bảy trăm lẻ năm nghìn đồng).

- Trong đó:

+ Xây dựng cơ bản: 7.818.000.000 (Bảy tỷ, tám trăm mười tám triệu đồng).

+ Máy móc, thiết bị: 2.200.000.000 (Hai tỷ, hai trăm triệu đồng).

- Nguồn vốn: Công ty TNHH Hoàng Anh Quy Nhơn.

1.5.3. Thời gian xây dựng và hoạt động

- Năm 1998: Lập dự án đầu tư xây dựng Nhà máy chế biến lâm sản xuất khẩu.

- Đối với phần mở rộng:

+ Năm 2009: Khởi công xây dựng và hoàn thành xây dựng nhà xưởng Khu A.

+ Năm 2010: Hoàn thành việc lắp đặt máy móc thiết bị cho Nhà xưởng Khu A và đưa Nhà xưởng Khu A vào sản xuất.

- Vị trí khu đất thuê lại được xác định cụ thể như sau: Hợp đồng số 11/2015/HĐ-TLĐ-A ngày 23 tháng 09 năm 2015 về việc thuê lại đất gắn kết cấu hạ tầng tại KCN Phú Tài giữa Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Bình Định và Công ty TNHH Hoàng Anh Quy Nhơn, diện tích 41.088,7 m².

1.5.4. Nhu cầu về lao động

Hiện tại nhà máy đang hoạt động và sử dụng 100% nguồn nhân lực trong nước. Tổng số cán bộ công nhân viên cần thiết để vận hành nhà máy là 200 người. Nhà máy ưu tiên sử dụng lao động tại địa phương.

1.5.5. Tiêu thụ sản phẩm

Thị trường tiêu thụ là các nước thuộc: (Châu Âu; Mỹ, Canada, Pháp, Tây Ban Nha ...) và tiêu thụ nội địa.

*Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường của cơ sở: “Nhà máy chế biến lâm sản xuất khẩu”.
Địa điểm thực hiện: Lô B33, B34 và B38, Khu công nghiệp Phú Tài, thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định.*

1.5.6. Cây xanh

Khu vực nhà máy đã trồng dải cây xanh cách ly theo quy định có diện tích 9.001,95m² với mục đích tạo không gian xanh cho khu vực cũng như là giảm thiểu lượng bụi phát tán ra ngoài môi trường (*Theo Bản vẽ Quy hoạch sử dụng đất*).



Hình 1. 3. Dải cây xanh tại khu vực nhà máy

CHƯƠNG II

SỰ PHÙ HỢP CỦA CƠ SỞ VỚI QUY HOẠCH, KHẢ NĂNG CHỊU TẢI CỦA MÔI TRƯỜNG

2.1. Sự phù hợp của cơ sở với quy hoạch bảo vệ môi trường quốc gia, quy hoạch tỉnh, phân vùng môi trường.

- Cơ sở “Nhà máy chế biến lâm sản xuất khẩu và tiêu thụ nội địa” giấy phép xây dựng số 34/GPXD-BQL do Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh cấp ngày 12 tháng 08 năm 2016.
- Cơ sở “Mở rộng nhà xưởng sản xuất khu A” giấy chứng nhận đầu tư số 35221000053, chứng nhận lần đầu ngày 30 tháng 06 năm 2009, chứng nhận thay đổi lần thứ nhất ngày 30 tháng 12 năm 2009.
- Cơ sở “Nhà máy chế biến lâm sản xuất khẩu và tiêu thụ nội địa” đã được Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bình Định cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CR792503 ngày 16/09/2019.
- Cơ sở Nhà máy gỗ Hoàng Anh Quy Nhơn đã được Ban quản lý Khu kinh tế tỉnh Bình Định Quyết định số 526/QĐ-BQL ngày 09/4/2010 về việc điều chỉnh quy hoạch chi tiết mặt bằng tổng thể tỷ lệ 1/500. Đồng thời cấp Văn bản số 1189/BQL-QLQH XD ngày 21/06/2016 về việc thỏa thuận QH TMB điều chỉnh dự án Nhà máy chế biến lâm sản xuất khẩu và tiêu thụ nội địa tại lô B33, B34, B38 thuộc KCN Phú Tài của Công ty TNHH Hoàng Anh Quy Nhơn.
- Cơ sở “Xây dựng nhà máy chế biến lâm sản xuất khẩu” đã được Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bình Định cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BK319558 ngày 31/08/2012.
- Bên cạnh đó Nhà máy nằm trong KCN Phú Tài nên không có dân cư sinh sống, khu vực có nguồn lao động trẻ dồi dào, do đó Dự án sẽ tạo việc làm cho lao động và cải thiện đời sống sinh hoạt của người dân. Điều này cho thấy địa điểm đầu tư Nhà máy hoàn toàn phù hợp với đặc điểm môi trường tự nhiên, kinh tế - xã hội tại khu vực.

2.2. Sự phù hợp của cơ sở đối với khả năng chịu tải của môi trường

- Cơ sở được thực hiện tại Lô B33, B34 và B38 của KCN Phú Tài, phường Trần Quang Diệu, thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định. KCN Phú Tài đã đầu tư hoàn chỉnh hệ thống cấp điện, cấp nước và xử lý nước thải nên toàn bộ lượng nước thải của nhà máy được thu gom và xử lý theo quy định.

*Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường của cơ sở: “Nhà máy chế biến lâm sản xuất khẩu”.
Địa điểm thực hiện: Lô B33, B34 và B38, Khu công nghiệp Phú Tài, thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định.*

- Khu công nghiệp Phú Tài hiện đã được cấp GPMT. Chủ đầu tư KCN Phú Tài đầu tư xây dựng hệ thống xử lý nước thải 2.000m³/ngày.đảm bảo khả năng tiếp nhận toàn bộ lượng nước thải phát sinh của dự án.
 - Khí thải phát sinh từ bể đập bụi của hệ thống xử lý khói thải lò hơi và khí thải, hơi môi từ quá trình phun sơn đều được xử lý đảm đạt tiêu chuẩn trước khi thải ra ngoài môi trường.
 - Toàn bộ lượng chất thải rắn phát sinh từ nhà máy cũng đã được công ty hợp đồng với công ty Cổ phần Môi trường đô thị Quy Nhơn tiến hành thu gom xử lý theo quy định.
 - Lượng chất thải nguy hại phát sinh tại nhà máy được lưu chứa tại kho chứa chất thải nguy hại và định kỳ chuyển giao cho Công ty Cổ phần Cơ – Điện – Môi trường Lilama (Lilama Eme) với tần suất là 1 lần/ năm.
- Từ những lý do nêu trên cho thấy các thành phần có nguy cơ gây ô nhiễm phát sinh tại cơ sở đều được thu gom và xử lý đạt quy chuẩn hiện hành trước khi thải ra ngoài môi trường nên khả năng chịu tải của môi trường hoàn toàn có khả năng đáp ứng được lượng chất thải của cơ sở.

CHƯƠNG III

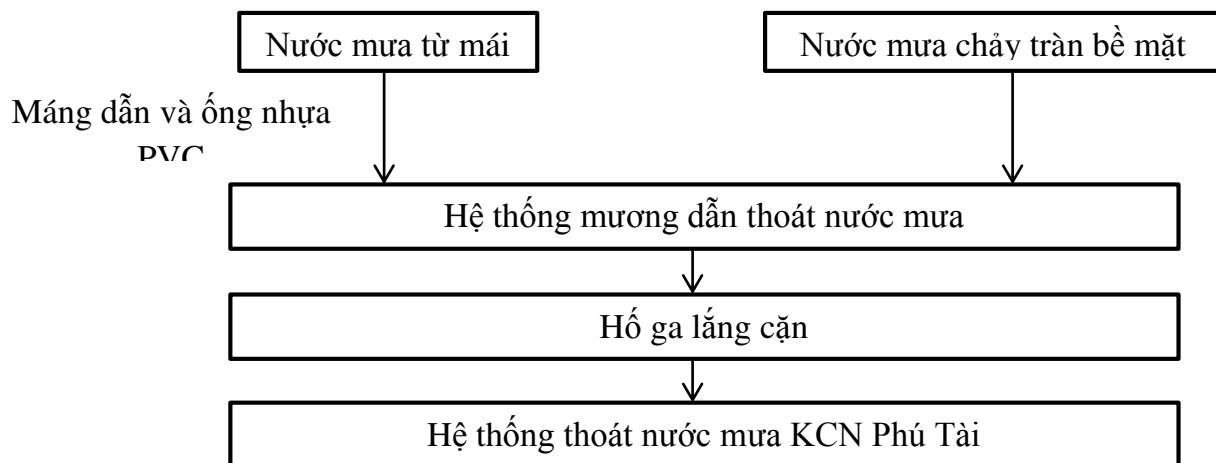
KẾT QUẢ HOÀN THÀNH CÁC CÔNG TRÌNH, BIỆN PHÁP BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG CỦA CƠ SỞ

3.1. Công trình, biện pháp thoát nước mưa, thu gom và xử lý nước thải

3.1.1. Thu gom, thoát nước mưa

- Hệ thống thu gom nước mưa được xây dựng riêng biệt với hệ thống thoát nước thải. Hệ thống thu gom nước mưa của nhà máy cùng thoát theo địa hình các hạng mục, được thu gom đầu nối vào các hố ga nội bộ được dẫn qua hệ thống mương rộng 0,4 m, sau đó đầu nối vào hệ thống thoát nước của KCN tại điểm M1, M2, M3, M4.

- Mạng lưới thu gom và thoát nước mưa của nhà máy được thể hiện theo sơ đồ sau:



Hình 3. 1. Sơ đồ mạng lưới thu gom và thoát nước mưa của nhà máy

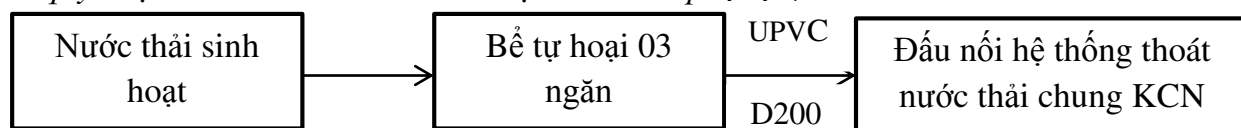


Hình 3. 2. Mương thoát nước mưa hiện hữu xung quanh nhà máy

3.1.2. Thu gom, thoát nước thải

a. Nước thải sinh hoạt:

- Toàn bộ lượng nước thải sinh hoạt tại nhà máy được thu gom và xử lý bằng bể tự hoại 03 ngăn chống thấm đặt ngầm dưới nhà vệ sinh, sau đó tự chảy theo đường ống UPVC D200mm đầu nối vào hệ thống thu gom nước thải chung của KCN Phú Tài tại điểm T (Bản vẽ quy hoạch thoát nước thải sinh hoạt đính kèm phụ lục).



Hình 3. 3. Sơ đồ mạng lưới thu gom thoát nước thải của nhà máy

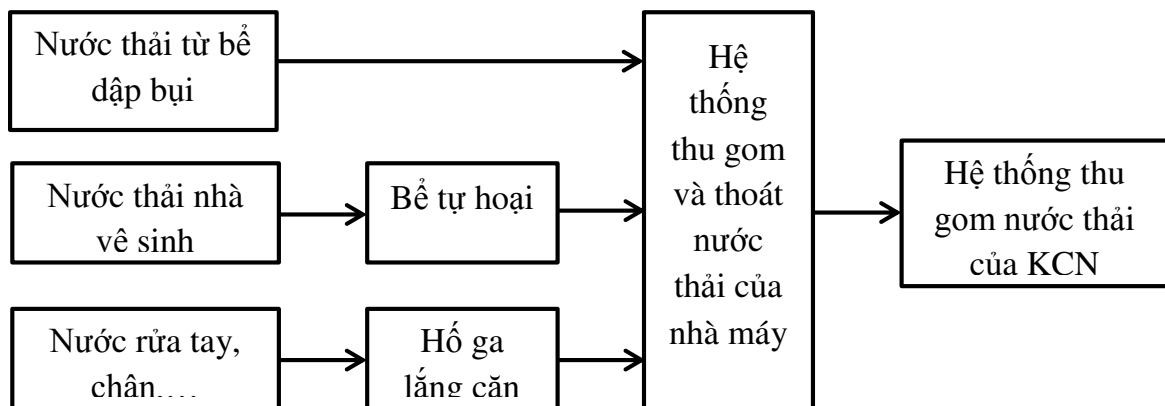
b. Nước thải sản xuất:

- Hiện tại, nhà máy không còn công đoạn luộc gỗ nên không có nước thải sản xuất phát sinh từ công đoạn này.

- Đối với hệ thống phun sơn: Công ty sử dụng công nghệ thu hồi bụi sơn bằng 03 thiết bị tháp xử lý bụi sơn kiểu màng nước, định kỳ 06 tháng/lần (có thể ngắn hơn tùy nhu cầu sản xuất của khách hàng), nhà máy sẽ vệ sinh và thay nước bể chứa của tháp xử lý bụi sơn. Nước thải từ bể chứa sẽ được xả về bể thu gom nước thải xây bằng BTCT. Định kỳ, chủ cơ sở ký hợp đồng với Công ty TNHH TM&MT Hậu Sanh để thu gom.

- Nước thải từ hệ thống xử lý nồi hơi: Nước thải từ hệ thống Tháp rửa để xử lý khói thải phát sinh khoảng 0,3m³ và nước thải tại bể dập bụi phát sinh khoảng 0,7m³ được tuần hoàn tái sử dụng, không thải ra môi trường bên ngoài. Định kỳ 06 tháng nhà máy sẽ thay nước và vệ sinh, lượng nước này nhà máy xả ra hệ thống nước thải tập trung của KCN để xử lý.

➤ Sơ đồ thu gom nước thải của nhà máy như sau:

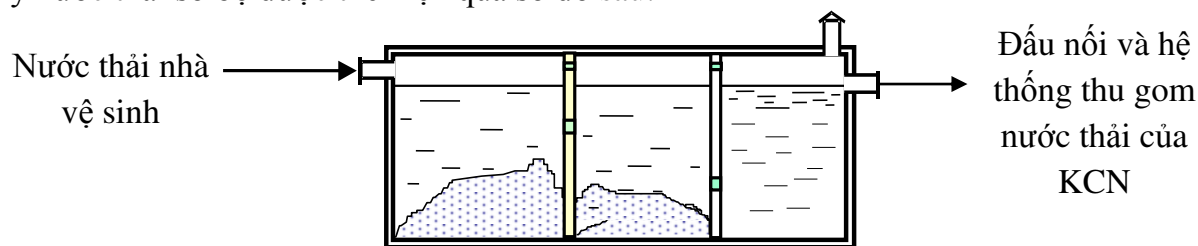


Hình 3. 4. Sơ đồ mạng lưới thu gom, thoát nước thải của dự án

3.1.3. Xử lý nước thải

❖ Công trình xử lý nước thải sinh hoạt (bể tự hoại)

- Công ty xây dựng công trình bể tự hoại tại khu vực Nhà vệ sinh.
- Quy trình vận hành công trình thu gom và xử lý sơ bộ nước thải sinh hoạt của dự án như sau: Nước thải sinh hoạt → Bể tự hoại 03 ngăn → Đầu nối vào hệ thống thu gom nước thải của KCN. Bể tự hoại 03 ngăn xây ngầm bằng bê tông, chống thấm. Quy trình xử lý nước thải sơ bộ được thể hiện qua sơ đồ sau:



Hình 3. 5. Sơ đồ hệ thống bể tự hoại

- Bể tự hoại 03 ngăn thông dụng được dùng để xử lý cục bộ nước thải từ khu nhà vệ sinh có kết cấu như sau:
 - + Ngăn thứ nhất: ngăn tự hoại;
 - + Ngăn thứ hai: ngăn lắng;
 - + Ngăn thứ ba: ngăn lọc.
- Bể có ống thông hơi ra bên ngoài, có hộp bảo vệ và có nắp để hút cặn. Nắp bể được làm bằng đan bê tông cốt thép; được xây dựng bằng bê tông chống thấm. Bể tự hoại là công trình đồng thời làm hai chức năng: lắng và hủy cặn lắng. Cặn lắng giữ lại trong bể từ 6 – 8 tháng, dưới ảnh hưởng của vi sinh vật kỵ khí các chất hữu cơ bị phân hủy.
- Hiện tại lưu lượng nước thải sinh hoạt phát sinh không lớn, KCN Phú Tài đã có hệ thống thu gom và xử lý nước thải, do đó toàn bộ lượng nước thải phát sinh tại nhà máy đều được xử lý sơ bộ qua bể tự hoại và dẫn về khu xử lý nước thải tập trung của KCN Phú Tài.
- Nước thải sau khi xử lý sơ bộ đạt cấp độ đầu nối nước thải là 1,5C theo Bảng quy định cấp độ xử lý nước thải ban hành kèm theo Quyết định số 404/QĐ-ĐTXD ngày 13/04/2012 của công ty CP ĐT&XD Bình Định (Theo Hợp đồng thu gom, xử lý nước thải giữa công ty TNHH Hoàng Anh Quy Nhơn và Công ty Cổ phần Đầu tư & Xây dựng Bình Định số 46/2020 /HD-XLNT).

3.2. Công trình, biện pháp xử lý bụi, khí thải:

3.2.1. Giảm thiểu ô nhiễm bụi, khí thải từ quá trình vận chuyển nguyên liệu, sản phẩm

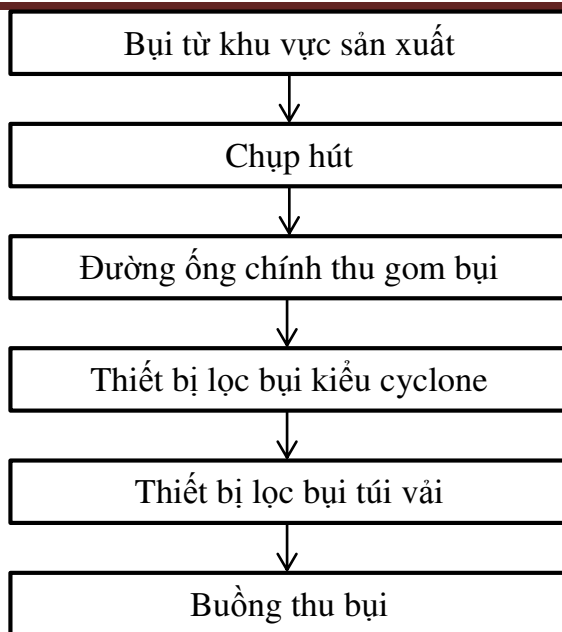
Để hạn chế tối đa lượng bụi, khí thải phát sinh từ quá trình vận chuyển nguyên liệu, sản phẩm, thời gian qua Công ty đã và sẽ duy trì thực hiện các biện pháp sau:

- Bố trí khu vực đỗ xe gần cổng ra vào, các xe chạy trong khuôn viên Nhà máy phải giảm tốc độ.
- Xe vận chuyển nguyên liệu, sản phẩm phải tắt máy trong thời gian bốc xếp.
- Thường xuyên quét dọn, vệ sinh khu vực tập kết củi nhiên liệu, kho chứa và khu vực đỗ xe để hạn chế đối đa bụi phát tán từ mặt đất.
- Xây dựng chế độ vận hành của xe vận chuyển và điều tiết xe phù hợp để tránh làm gia tăng mật độ xe.
- Che chắn, phủ bạt kín nguyên nhiên liệu, sản phẩm trong quá trình vận chuyển nguyên vật liệu.
- Giảm tần suất hoạt động của các thiết bị, phương tiện vận tải vào các giờ nghỉ trưa và ban đêm sau 22 h.
- Không sử dụng phương tiện vận chuyển quá cũ để vận chuyển nguyên liệu và sản phẩm. Bảo trì thường xuyên để giảm thiểu khí thải do các phương tiện này thải ra.
- Không sử dụng các nhiên liệu độc hại.
- Chở đúng trọng tải được cấp phép, không chở quá tải
- Kiểm tra, bảo hành xe đúng theo quy định của nhà sản xuất.
- Nhân viên lái xe có bằng cấp, chứng chỉ phù hợp với loại xe đang vận chuyển, nắm vững và lái xe đúng luật an toàn giao thông đường bộ, hạn chế tối đa các tai nạn có thể xảy ra khi vận chuyển nguyên liệu và sản phẩm.

3.2.2. Đối với bụi từ hoạt động sản xuất

a. Công trình thu gom và xử lý bụi gỗ

Toàn bộ lượng bụi thu gom từ các công đoạn sản xuất của nhà máy được đưa về nhà chứa bụi gỗ hiện hữu của nhà máy. Quy trình xử lý như sau:



Hình 3. 6. Sơ đồ hệ thống thu gom và xử lý bụi gỗ

- Thiết bị xử lý bụi bao gồm hệ thống các chụp hút cục bộ, hệ thống ống dẫn, các quạt hút và đẩy khí, buồng lắng bụi, cyclone hút bụi và các túi vải lọc bụi. Bụi phát sinh trong các công đoạn chế biến sẽ được các chụp hút cục bộ thu gom, quạt hút sẽ liên tục hút khí từ các chụp cục bộ dẫn khí có chứa bụi về hệ thống xử lý, bao gồm buồng lắng bụi, cyclone thu bụi và lọc bụi tay áo để loại sạch bụi gỗ ra khỏi dòng thải trước khi vào môi trường. Quạt thổi và quạt hút có tác dụng tạo lực âm lớn trong các ống dẫn để tăng hiệu quả thu gom bụi và mạc gỗ.

Bảng 3. 1. Thông số kỹ thuật của hệ thống xử lý bụi

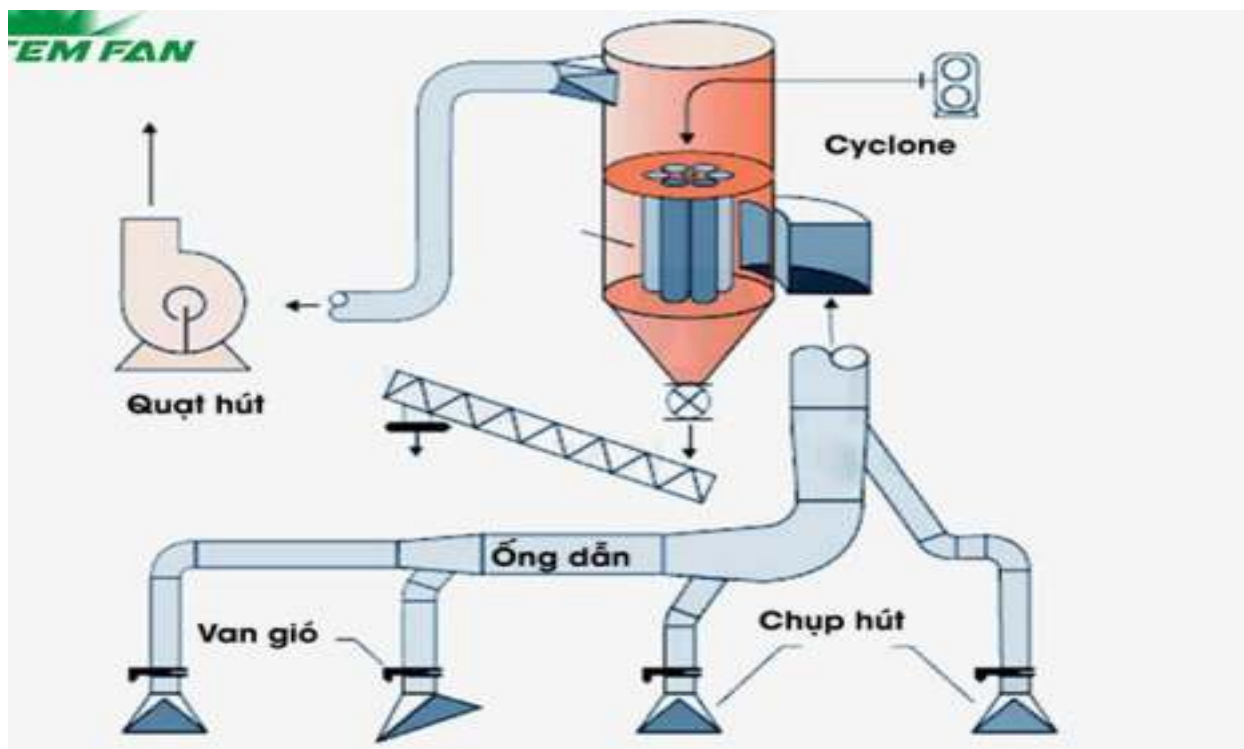
STT	Tên thiết bị	Số lượng	Kích thước/ Đặc tính kỹ thuật
I.	Hệ thống hút bụi dây chuyền I		
1	Nhà chứa bụi	1	Kích thước: D x R = 10m x 4m Diện tích: 40m ² Vật liệu: xây gạch, trát vữa, có cửa ra vào
2	Quạt hút ly tâm	1	Lưu lượng: 60.000m ³ /h Công suất: 75KW Áp lực: 390-400mm/H ₂ O

*Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường của cơ sở: “Nhà máy chế biến lâm sản xuất khẩu”.
Địa điểm thực hiện: Lô B33, B34 và B38, Khu công nghiệp Phú Tài, thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định.*

STT	Tên thiết bị	Số lượng	Kích thước/ Đặc tính kỹ thuật
3	Cyclone	2	2 Bầu lắng hướng tâm Ø1.000, cao 4.000mm. Bộ thoát hơi
4	Ống dẫn chính (dày 1,2mm)	1	Vật liệu: Tôn tráng kẽm Đường kính: Ø630 Chiều dài: 100 mét
5	Ống dẫn phụ (dày 0,7mm)	40	Đường kính: Ø125 Chiều dài: 120 mét
6	Miệng hút có van chặn	40	
II.	Hệ thống hút bụi dây chuyền II		
1	Quạt hút ly tâm	1	Lưu lượng: 60.000m ³ /h Công suất: 75KW Áp lực: 390-400mm/H ₂ O
2	Cyclone	1	1 Bầu lắng hướng tâm Ø1.000, cao 4.000mm. Bộ thoát hơi
3	Ống dẫn chính (dày 1,2mm)	1	Vật liệu: Tôn tráng kẽm Đường kính: Ø630 Chiều dài: 110 mét
4	Ống dẫn phụ (dày 0,7mm)	20	Đường kính: Ø125 Chiều dài: 40 mét
5	Miệng hút có van chặn	20	-

Nguồn: Công ty TNHH Hoàng Anh Quy Nhơn

- Mô tả hệ thống thu gom và xử lý bụi:



Hình 3.7. Hệ thống thu gom bụi điển hình tại nhà máy

- Nguyên tắc hoạt động của hệ thống hút bụi như sau: Hệ thống máy hút bụi gỗ có tác dụng thu gom bụi ngay tại vị trí phát sinh thông qua các chụp hút bố trí ngay tại các máy công cụ. Các chụp hút được gắn với hệ thống ống dẫn với áp lực hút mạnh bụi di chuyển theo hệ thống đường ống dẫn vào cyclone.
- Dưới sức hút của quạt ly tâm công suất lớn, toàn bộ bụi sẽ bị hút thông qua đường ống nối với từ đầu hút đến quạt và cuốn theo dòng khí vào chuyển động xoáy, sau đó va chạm vào thành cyclone mất động năng đi xuống phễu, chuyển ra kho chứa bụi.
- Bên cạnh biện pháp chính là lắp đặt hệ thống thu gom và xử lý bụi, công ty sẽ thực hiện các biện pháp hỗ trợ sau:
 - + Căn cứ vào việc bố trí cửa ra vào và hành lang giao thông trong xưởng, chủ dự án sẽ sắp xếp quy trình chà nhám tránh xa khu vực sơn và có tường bao che cách ly với các khâu sản xuất khác một mặt thuận tiện cho việc thu gom và xử lý bụi, một mặt tránh ảnh hưởng đến công đoạn phun sơn vì khi đó bụi gỗ sẽ bay lên và bám dính vào các bề mặt sơn.
 - + Trong trường hợp hệ thống gặp sự cố như bụi vỡ cyclone, đường ống thu bụi, ...thì chủ dự án sẽ một số công đoạn trong quy trình sản xuất để khẩn trương khắc phục sự cố kịp thời ngăn ngừa bụi gỗ phát tán ra môi trường.

*Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường của cơ sở: “Nhà máy chế biến lâm sản xuất khẩu”.
Địa điểm thực hiện: Lô B33, B34 và B38, Khu công nghiệp Phú Tài, thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định.*

+ Quy hoạch xây dựng nhà xưởng thông thoáng, chú trọng đến hệ thống thông gió tự nhiên và cưỡng bức. Che chắn hạn chế khuếch tán bụi ra xung quanh tại khu vực sơ chế, tinh chế.

+ Quy hoạch bố trí và sắp xếp hệ thống máy móc, thiết bị phù hợp trong dây chuyền sản xuất: bố trí các máy móc thiết bị theo tính năng để có giải pháp xử lý bụi cục bộ cho từng khu vực.

+ Nhà xưởng thiết kế cửa rộng và có tầng mái cao chú trọng thông gió tự nhiên.

+ Áp dụng công nghệ vận hành tối ưu, cơ giới hóa, tự động hóa quy trình sản xuất

+ Sân và đường đi trong khu vực nhà máy được trải bê tông theo đúng quy hoạch.

+ Tăng cường trồng cây xanh, cây xanh có tác dụng che nắng, hút bụi và giữ bụi, lọc sạch không khí, che chắn tiếng ồn, giảm bụi, mặt khác nó còn tạo thẩm mỹ cảnh quan khu vực, tạo ra cảm giác êm dịu. Chủ cơ sở đã bố trí các dải cây xanh sát tường rào tạo dải phân cách để hạn chế bụi gỗ phát tán ra cơ sở lân cận, các tuyến đường nội bộ giữa các phân xưởng nhằm tạo cảnh quan và bóng mát. Đảm bảo tỷ lệ trồng cây xanh theo đúng quy hoạch.

+ Ngoài ra, để thu gom triệt để lượng bụi phát tán trong quá trình chà nhám, tại các vị trí khó lắp đặt hệ thống chụp hút như các góc khuất sát bờ tường, công ty cũng đã trang bị các thiết bị lọc bụi di động (máy hút bụi thủ công) để công nhân vệ sinh nhà xưởng sau mỗi ngày làm việc.



Hình 3. 7. Hệ thống thu gom và xử lý bụi nhà xưởng

b. Công trình thu gom bụi từ quá trình phun sơn

- Để giảm lượng khí phát sinh từ khâu phun sơn hoặc nhúng dầu cho sản phẩm thì nhà máy đã tiến hành xây dựng khu vực này cách xa khu vực sản xuất khác. Lắp đặt hệ thống hút bụi sơn bằng màng nước nhằm hấp thụ lượng sơn dư thừa, hạn chế phát tán ra môi trường. Hàng tháng, nhà máy sẽ tiến hành vệ sinh và thu gom lượng sơn dư thừa, chất cặn sẽ được thu gom và đưa vào khu chứa CTNH.

- Công đoạn phun sơn, Công ty đã lắp đặt dây chuyền sơn PUHSING với 08 hệ thống phun sơn (tự động, màng nước, màng khô) và hệ thống vòi bơm sơn để kết hợp các giá treo chi tiết gỗ để giảm thiểu sự ô nhiễm của hơi dung môi và bụi sơn. 03 loại hệ thống phun sơn bao gồm:

+ 02 buồng phun sơn tự động, có hệ thống thu hồi bụi sơn bằng màng lọc trước khi thoát ra ngoài môi trường (trong đó: hoạt động 01 cái, 01 cái dự phòng).

+ 05 hệ thống phun sơn màng nước (trong đó: hoạt động 02 cái, 03 cái dự phòng).

+ 01 hệ thống phun sơn màng khô (dự phòng).



Hình 3. 1. Hệ thống phun sơn và thu hồi bụi sơn

Bảng 3. 2. Thông số của hệ thống xử lý hơi dung môi, bụi sơn

STT	TÊN THIẾT BỊ	THÔNG SỐ	SỐ LƯỢNG
1	Tháp xử lý bụi sơn 1	Dạng: màng nước Kích thước: DxRx C= 4m x (0,75+0,4)m x 2,4m Khung thép hộp: 25 x 50	05

Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường của cơ sở: “Nhà máy chế biến lâm sản xuất khẩu”.
Địa điểm thực hiện: Lô B33, B34 và B38, Khu công nghiệp Phú Tài, thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định.

STT	TÊN THIẾT BỊ	THÔNG SỐ	SỐ LƯỢNG
		Vách chắn: inox 201	
2	Tháp xử lý bụi sơn 2	Dạng: màng khô Kích thước: DxRxC= 2m x 0,55m x 2,4m Vách chắn: inox 201	01
3	Tháp phun sơn tự động	Kích thước: DxRxC= 3m x 2m x 3m	02
4	Bơm tuần hoàn nước	Công suất: 3HP.	03
5	Quạt hút	Loại quạt hướng trục D700 chạy gián tiếp Công suất điện: 2,2Kw/3HP Lưu lượng: 2.400m ³ /giờ	19
6	Ống thoát khí	Ống thoát đường kính D700. Vật liệu: tôn mạ kẽm dày 1m Phía trên có nón chén mưa (tole tráng kẽm dày 1,0mm).	19

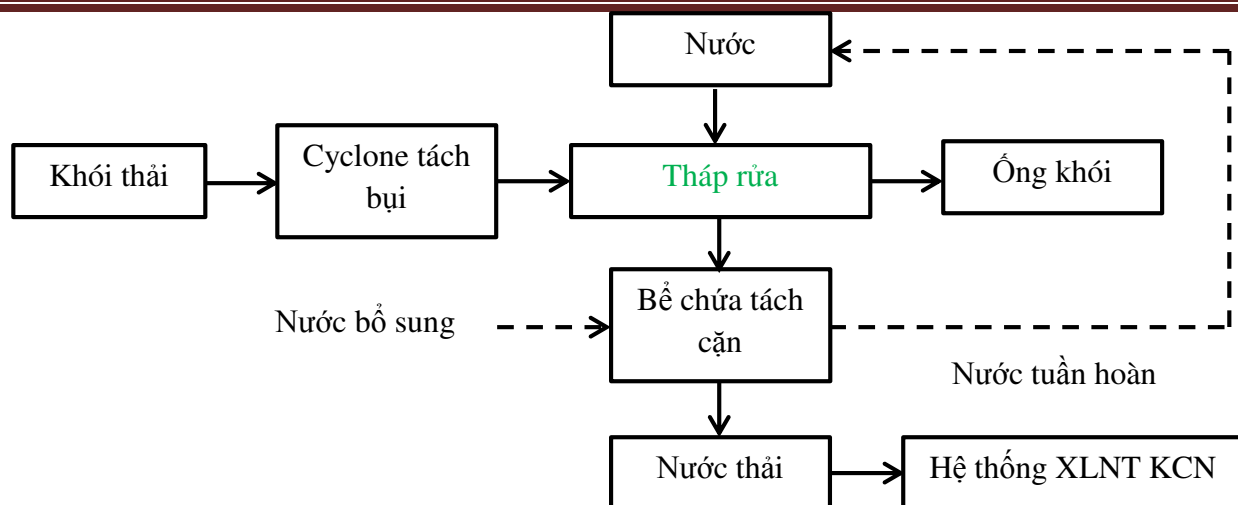
Nguồn: Công ty TNHH Hoàng Anh Quy Nhơn

3.2.3. Đối với khí thải từ nồi hơi

Nguồn đốt nhiên liệu của nhà máy tập trung tại nồi hơi để cấp nhiệt cho hệ thống sấy gỗ. Do đặc thù của ngành sản xuất chế biến lâm sản thường xuyên phải cấp hơi nóng cho lò sấy gỗ trong công đoạn sấy gỗ nên sử dụng hệ thống nồi hơi hơi nước. Đối với lò đốt này, khí thải sinh ra chứa các thành phần như: tro bụi, CO, CO₂ và NO_x, SO₂ ...

Công trình xử lý khí thải từ nồi hơi

- Công ty đã đầu tư 01 nồi hơi công suất 3,5 tấn/ giờ và đầu tư hệ thống xử lý khí thải trước khi thải ra môi trường, cụ thể như sau:



Hình 3. 8. Sơ đồ xử lý khí thải

➤ **Thuyết minh sơ đồ:**

- Khí thải từ nồi hơi được dẫn bằng hệ thống ống dẫn kín đến thiết bị xử lý.
- Thiết bị được áp dụng là thiết bị hấp thụ. Vì nồi hơi sử dụng nhiên liệu là gỗ vụn nên có nồng độ bụi cao, kích thước lớn sẽ làm giảm hiệu quả hấp thụ, do đó sẽ xử lý bụi trước bằng cyclone rồi mới đưa qua tháp hấp thụ. Khí thải đi vào tháp hấp thụ nhờ áp suất âm của quạt gió và chuyển động từ dưới lên, qua lớp hấp thụ và qua tháp rửa trước khi được quạt hút đưa ra ngoài miệng thải.
- Quá trình hấp thụ được tăng cường nhờ sự tiếp xúc dị pha ngược dòng giữa dòng khí và dung dịch hấp thụ ngay trong long lớp vật liệu tiếp xúc. Dung dịch chất hấp thụ là nước, sau khi ra khỏi lớp hấp thụ, khí tiếp tục được quạt ly tâm cao áp hút đưa ra ngoài và phân tán vào khí quyển. Nước thải sau khi qua hệ thống này sẽ được dẫn vào về thu, tách cặn. Tại đây, lượng nước dư sẽ được bơm tuần hoàn lại hệ thống.
- Khí sau xử lý đảm bảo đạt theo QCVN 19:2009/BTNMT cột B, $K_p=0,8$, $K_v=1$.

Bảng 3. 3. Thông số kỹ thuật hệ thống xử lý khí thải nồi hơi 3,5 tấn/giờ

STT	TÊN THIẾT BỊ	THÔNG SỐ	SỐ LƯỢNG
1	Quạt hút	Công suất 15HP, Lưu lượng 42.500m ³ /h	01 cái
2	Quạt thổi	Công suất 2HP	01 cái
2	Cyclone	Chiều cao 3,0m, đường kính 1,0m. Vật liệu: SS400 dày 3mm	01 cái

*Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường của cơ sở: “Nhà máy chế biến lâm sản xuất khẩu”.
Địa điểm thực hiện: Lô B33, B34 và B38, Khu công nghiệp Phú Tài, thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định.*

STT	TÊN THIẾT BỊ	THÔNG SỐ	SỐ LƯỢNG
3	Đường ống dẫn khói nóng	Bao gồm: đường ống dẫn khói nóng từ nồi hơi đến cyclone; đường ống dẫn khói từ cyclone đến tháp xử lý bụi ướt. Vật liệu: SS400	01 hệ
4	Tháp rửa	Vật liệu: SS304 dày 2mm Vòng ống phun nước: inox 304 Bơm nước 1HP	01 hệ
5	Bể dập bụi	Kết cấu: bê tông cốt thép Kích thước: DxRxC=1,4m x 0,5m x 1,0m	01 bể
6	Ống khói	Chiều dài 10,5m, đường kính 0,48m Vật liệu: inox 304, dày 3mm	01 cái

Nguồn: Công ty TNHH Hoàng Anh Quy Nhơn



Hình 3. 9. Hệ thống xử lý khói thải nồi hơi

3.2.4. Mùi hôi từ khu vực tập trung rác thải sinh hoạt và khu vệ sinh

- Bố trí khu vực thu gom rác hợp lý có nắp đậy. Khi có đơn vị chức năng đến vận chuyển đem xử lý thì phải được thu gom toàn bộ và tập kết về đúng vị trí và thời gian. Không lưu chứa rác thải (đặc biệt chất thải sinh hoạt) thời gian lâu làm phát sinh mùi.
- Các thùng chứa chất thải rắn chờ thu gom có trang bị nắp đậy kín và thường xuyên

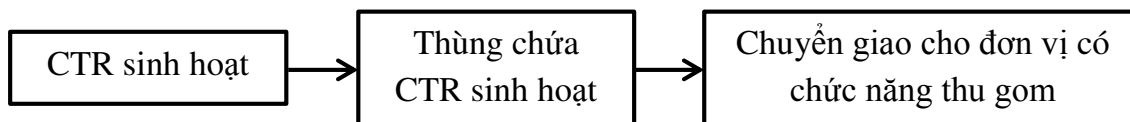
được vệ sinh sạch;

- Thường xuyên dọn dẹp các khu nhà vệ sinh sạch mỗi ngày, hạn chế việc phát sinh mùi.
- Thu gom toàn bộ chất thải rắn phát sinh trong quá trình hoạt động của Dự án.
- Trang bị các thùng chứa CTR có nắp đậy kín và thường xuyên được vệ sinh. Tránh tình trạng CTR lưu chứa quá lâu gây phát sinh mùi.
- Duy trì hợp đồng với đơn vị chức năng định kỳ đến thu gom CTR, vận chuyển, xử lý theo quy định.
- Thường xuyên nạo vét các hố ga, bể lắng cát, tách rác

3.3. Công trình lưu giữ, xử lý chất thải rắn thông thường

3.3.1. Đối với chất thải rắn sinh hoạt

- Nguồn phát sinh: Rác thải sinh hoạt phát sinh trong nhà máy từ hoạt động sinh hoạt của cán bộ công nhân viên, thành phần như: thức ăn thừa, vỏ trái cây, bao bì nhựa,...
- Khối lượng phát sinh: 02 m³/tháng.



Hình 3. 10. Sơ đồ quy trình thu gom chất thải rắn sinh hoạt

- Biện pháp xử lý:
 - + Công ty đã trang bị các thùng đựng rác chuyên dụng có nắp đậy đặt tại các vị trí dễ nhìn thấy trong khu vực nhà máy, nhà ăn, khu vực sinh hoạt của công nhân để thu gom chất thải sinh hoạt của công nhân. Toàn bộ lượng rác thải này được thu gom cho vào thùng chứa chuyên dụng, định kỳ tập kết tại vị trí phía trước nhà máy để đơn vị chức năng đến thu gom và đưa đi xử lý theo quy định.
 - + Nhà máy đã ký hợp đồng với Công ty Cổ phần Môi trường Bình Định để thu gom và vận chuyển chất thải thông thường để xử lý theo quy định (*Hợp đồng thu gom đính kèm phụ lục*).

3.3.2. Đối với chất thải rắn công nghiệp thông thường

- Chất thải rắn sản xuất bao gồm các loại sản phẩm hỏng bị thu hồi, bụi gỗ phát sinh từ hoạt động sản xuất của nhà máy với khối lượng đáng kể. Toàn bộ lượng chất thải này sẽ được nhà máy tận dụng để đốt nồi hơi cấp nhiệt cho hệ thống sấy. Phần dư sẽ bán cho đơn vị thu mua có nhu cầu.

Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường của cơ sở: “Nhà máy chế biến lâm sản xuất khẩu”.
Địa điểm thực hiện: Lô B33, B34 và B38, Khu công nghiệp Phú Tài, thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định.

- Bao bì carton, bao bì nhựa thải bỏ được thu gom lưu chứa và bán cho cơ sở thu mua phế liệu.
- Bùn từ bể đập bụi của hệ thống xử lý khói thải nồi hơi và tro lò sấy được tận dụng để bón gốc cây trồng.

Bảng 3. 4. Thành phần và khối lượng phát sinh CTR công nghiệp thông thường

STT	Các loại chất thải	Số lượng	Biện pháp xử lý
1	Bìa gỗ, gỗ phế thải,...	2.500 tấn/năm	Dùng làm nguyên liệu đốt lò sấy. Ký hợp đồng với cơ sở thu mua củi, gỗ để thu gom và tái sử dụng
2	Luối cửa hồng, đinh vít, sắt vụn,...		Thu gom và bán phế liệu
	Tổng cộng	2.500	

Nguồn: Công ty TNHH Hoàng Anh Quy Nhơn

3.4. Công trình, biện pháp lưu giữ, xử lý chất thải nguy hại và chất thải công nghiệp phải kiểm soát

- Nguồn phát sinh: Trong quá trình hoạt động sản xuất của nhà máy phát sinh các loại chất thải rắn công nghiệp phải kiểm soát và chất thải nguy hại. Khối lượng của từng loại chất thải được thể hiện trong bảng sau:

Bảng 3. 5. Khối lượng chất thải nguy hại và chất thải công nghiệp phải kiểm soát phát sinh trong quá trình hoạt động

TT	Tên chất thải	Số lượng (kg/năm)	Mã chất thải	Ký hiệu phân loại
1	Thùng đựng keo (thùng sắt can nhựa)	10	18 02 02	TT
2	Thùng phi sắt	130	18 02 02	TT
3	Bóng đèn huỳnh quang thải	30	16 01 06	NH
4	Bao bì giẻ lau, găng tay, chất hấp thụ nhiễm thành phần nguy hại	130	18 02 01	KS

Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường của cơ sở: “Nhà máy chế biến lâm sản xuất khẩu”.
Địa điểm thực hiện: Lô B33, B34 và B38, Khu công nghiệp Phú Tài, thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định.

TT	Tên chất thải	Số lượng (kg/năm)	Mã chất thải	Ký hiệu phân loại
5	Hộp mực in có chứa thành phần nguy hại	0	08 02 04	KS
6	Bột sơn đã qua sử dụng	550	08 01 02	KS
	Tổng cộng	850		

- Công ty tiến hành phân loại, thu gom để vào kho chứa CTNH ở phía Tây Nam của nhà máy có diện tích 13,23m², có dán mã số CTNH theo quy định. Đối với chất thải nguy hại và Chất thải công nghiệp phải kiểm soát, nhà máy đã tiến hành việc thu gom, lưu trữ, xử lý theo đúng quy định tại thông tư 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên Môi trường. Nhà máy đã ký hợp đồng với đơn vị thu gom là Công ty Cổ phần cơ – điện – môi trường Lilama (Hợp đồng thu gom đính kèm phụ lục).



Hình 3. 11. Khu vực lưu chứa chất thải nguy hại

3.5. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung

Chủ cơ sở sẽ duy trì áp dụng một số biện pháp sau để tránh sự cộng hưởng tiếng ồn gây ảnh hưởng đến sức khỏe của công nhân:

- Thường xuyên bảo dưỡng máy móc, thiết bị để đảm bảo luôn trong tình trạng hoạt động tốt.
- Không vận hành máy vượt quá công suất thiết kế.
- Xe vận chuyển nguyên liệu và sản phẩm khi vào Nhà máy hạn chế tốc độ, tắt máy khi chờ hàng hoặc bốc dỡ nguyên liệu.
- Công nhân vận hành trực tiếp được trang bị đầy đủ bảo hộ lao động.
- Công nhân làm việc tại các khu vực có độ ồn cao sẽ được bố trí thay ca phù hợp, không làm việc lâu tại một vị trí để giảm thời gian tiếp xúc với tiếng ồn.
- Thường xuyên kiểm tra độ mòn chi tiết của máy móc thiết bị và định kỳ bảo dưỡng bôi trơn, nhất là các ổ trục, ổ bi của thiết bị.
- Chân đế máy được lắp cố định và chắc chắn vào sàn. Kiểm tra độ cân bằng của các trang thiết bị máy móc và hiệu chỉnh nếu cần thiết.
- Lắp đặt các đệm chống rung bằng cao su theo như thiết kế của máy để giảm rung.

3.6. Phương án phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường

❖ An toàn phòng chống cháy nổ

Để phòng ngừa cháy nổ, Nhà máy sẽ duy trì áp dụng đồng bộ các biện pháp về kỹ thuật, tổ chức huấn luyện, tuyên truyền giáo dục như sau:

- Thường xuyên kiểm tra các thiết bị điện như cầu giao, cầu chì, ổ cắm, quạt, ...
- Tập huấn cho công nhân, quản lý kho, tổ kỹ thuật và phân công trách nhiệm cho các cá nhân hoặc phòng ban chịu trách nhiệm về công tác quản lý PCCC để thường xuyên kiểm tra, theo dõi, xử lý kịp thời khi có sự cố xảy ra.
- Bố trí các bình chữa cháy cầm tay ở khu vực sản xuất, khu văn phòng, nhà chứa chất thải rắn.
- Luôn có người túc trực và tuần tra tại các phân xưởng.
- Hệ thống PCCC và việc bố trí các thiết bị PCCC phải tuân thủ theo đúng quy định về PCCC của nhà nước.
- Nghiêm cấm công nhân hút thuốc, mang bật lửa trong phân xưởng, nhà kho, các khu

vực dễ phát sinh cháy.

- Đối với các kho chứa hàng hóa (sản phẩm, vật tư, nguyên liệu): Tổ chức thông gió tốt cho các kho, đảm bảo khô ráo, nguyên liệu, sản phẩm trong kho được sắp xếp hợp lý, có lối đi đủ rộng và thông thoáng nhau để dễ ứng cứu khi xảy ra sự cố cháy nổ.

- Đối với các thiết bị điện: Đặt thiết bị bảo vệ như aptomat cho đường dây điện chính, cho từng đường dây điện phụ, cho từng thiết bị có công suất lớn. Tiết diện dây dẫn được chọn sao cho đủ khả năng tải dòng điện đến các thiết bị, dụng cụ điện mà nó cung cấp và không sử dụng phụ tải quá mức;

- Giữ liên lạc với các cơ quan chức năng như cơ quan PCCC, công an 113...để yêu cầu hỗ trợ ngay khi xảy ra các sự cố nằm ngoài khả năng kiểm soát.

❖ Phòng ngừa sự cố tai nạn lao động

- Tổ chức đào tạo nâng cao tay nghề và kiến thức về an toàn lao động.
- Trong quá trình vận chuyển hàng hóa, nguyên liệu vào kho: yêu cầu công nhân phải sử dụng thành thạo các thiết bị nâng, chuyên chở phù hợp, không vượt quá tải trọng.
- Phổ biến, tuyên truyền cho cán bộ, công nhân Nhà máy về các quy tắc an toàn trong sản xuất công nghiệp và khi tham gia giao thông.

- Thường xuyên kiểm tra và kiểm soát các yếu tố có nguy cơ tiềm ẩn gây tai nạn lao động để kịp thời khắc phục và ngăn chặn sự cố có thể xảy ra.

- Tuân thủ quy trình hoạt động của các máy móc, thiết bị tại Nhà máy.
- Trang bị tủ thuốc sơ cấp cứu sẵn sàng ứng phó nếu có sự cố xảy ra;
- Trang bị đầy đủ bảo hộ lao động như găng tay, khẩu trang, quần áo, giày bảo hộ.
- Hằng năm tổ chức khám sức khỏe cho cán bộ, công nhân.

❖ Sự cố mất an ninh trật tự

- Xây dựng tường rào, cổng ngõ bao quanh và có người bảo vệ để tránh người dân tự ý ra vào.

- Quản lý công nhân chặt chẽ, cấm các tệ nạn xã hội trong quá trình làm việc. Nhắc nhở, giáo dục công nhân quan hệ tốt, có thái độ hòa nhã với công nhân ở các nhà máy lân cận và người dân ở địa phương để không xảy ra xung đột.

- Kết hợp với chính quyền địa phương làm tốt công tác dân vận.
- Duy trì lối sống lành mạnh, các tập tục văn hóa truyền thống của cư dân địa phương

- Thường xuyên thu thập thông tin, tâm tư nguyện vọng của người dân trong khu vực nếu bị ảnh hưởng bởi quá trình hoạt động, để khắc phục kịp thời đảm bảo đời sống cho người dân.

❖ Sự cố mất an toàn nồi hơi

Để phòng ngừa, ứng phó và khắc phục sự cố nồi hơi, Chủ dự án sẽ thực hiện các giải pháp sau:

- Bảo trì, bảo dưỡng định kỳ máy móc, thiết bị;
- Nghiêm túc thực hiện quy trình vận hành, các yêu cầu và thông số kỹ thuật của thiết kế trong quá trình vận hành nồi hơi;
- Kiểm tra chế độ vận hành theo thiết kế và sửa chữa kịp thời khi có sự cố. Đội ngũ nhân viên kỹ thuật và công nhân luôn sẵn sàng ứng phó khi có sự cố xảy ra;
- Công nhân vận hành sẽ được tập huấn các kiến thức, kỹ năng cần thiết để đảm bảo vận hành tốt, đảm bảo hiệu suất xử lý, giảm thiểu các sự cố xảy ra;
- Chấp hành những quy định về kỹ thuật an toàn theo tiêu chuẩn TCVN 6006-1995 (yêu cầu kỹ thuật an toàn về lắp đặt, sử dụng, sửa chữa nồi hơi), cụ thể như sau:
 - + Ban hành các quy định trách nhiệm cho những người liên quan đến việc sử dụng nồi hơi.
 - + Người trực tiếp vận hành nồi hơi phải qua đào tạo theo quy định.
 - + Nồi hơi có đầy đủ các hồ sơ kỹ thuật: lý lịch nồi hơi, các bản vẽ cấu tạo các bộ phận của nồi hơi, các chứng chỉ kiểm tra chất lượng và biên bản xuất xưởng.
 - + Tính hành sửa chữa lò hơi theo đúng lịch và kiểm tra kỹ thuật lò hơi theo đúng thời hạn quy định.
 - + Sau khi sửa chữa phải được tiến hành kiểm nghiệm kỹ thuật trước khi đưa vào sử dụng.

3.7. Các nội dung thay đổi so với Bản cam kết BVMT và Đề án BVMT đơn giản

- Các nội dung thay đổi so với Bản cam kết BVMT năm 2008 và Đề án BVMT năm 2012 như sau:

Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường của cơ sở: “Nhà máy chế biến lâm sản xuất khẩu”.
 Địa điểm thực hiện: Lô B33, B34 và B38, Khu công nghiệp Phú Tài, thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định.

Bảng 3.6. Các công trình bảo vệ môi trường đã được điều chỉnh so với Bản cam kết bảo vệ môi trường năm 2008 và Đề án BVMT đơn giản năm 2012

STT	Tên công trình, biện pháp bảo vệ môi trường	Phương án đề xuất trong bản cam kết bảo vệ môi trường năm 2008	Đề án bảo vệ môi trường năm 2012	Phương án điều chỉnh, thay đổi thực hiện	Ghi chú
1	Địa điểm thực hiện dự án	Lô A26	Lô A29 (Lô B3 cũ)	Lô B33, 34 và B38	Phù hợp với quy hoạch phân lô của KCN Phú Tài.
2	Quy mô dự án	1.500 m ³ gỗ tinh chế/năm	2.500 m ³ gỗ nguyên liệu/năm	2.500m ³ gỗ nguyên liệu và 1.450 m ³ gỗ tinh chế/năm	Phương án điều chỉnh phù hợp với tổng quy mô của cơ sở.
3	Diện tích xây dựng	14.522,5m ²	-	41.088,7 m ²	Phù hợp với Quy hoạch điều chỉnh của nhà máy.
4	Nhu cầu lao động	250 lao động	200 lao động	200 lao động	Phù hợp với tình hình sản xuất của nhà máy.
5	Nồi hơi	20 nồi hơi (cấp nhiệt trực tiếp)	-	01 lò sấy bằng hơi nước 3,5 tấn/giờ	Phù hợp với điều kiện sản xuất, hiệu quả cao, tiết kiệm chi phí

Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường của cơ sở: “Nhà máy chế biến lâm sản xuất khẩu”.

Địa điểm thực hiện: Lô B33, B34 và B38, Khu công nghiệp Phú Tài, thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định.

STT	Tên công trình, biện pháp bảo vệ môi trường	Phương án đề xuất trong bản cam kết bảo vệ môi trường năm 2008	Đề án bảo vệ môi trường năm 2012	Phương án điều chỉnh, thay đổi thực hiện	Ghi chú
					sản xuất.
			03 bồn phun sơn màng nước.	05 bồn phun sơn màng nước, 01 màng phun sơn khô, 02 HT phun sơn tự động (trong đó 03 màng phun sơn nước, 01 phun sơn màng khô, 01 HT phun sơn tự động dùng để dự phòng).	Phù hợp với điều kiện sản xuất của nhà máy.
6	Nước thải sản xuất	- Nước thải ngâm gỗ khoảng 4m3/ngày. - Nước thải từ bãi chứa dăm	- Nước thải từ dây chuyền phun sơn. - Nước thải từ hệ thống cyclone xử lý khói lò.	- Nước thải từ hệ thống phun sơn màng nước. - Nước thải từ bể đập bụi của hệ thống xử lý khói thải lò hơi.	- Không sử dụng công đoạn ngâm gỗ và luộc gỗ nên không phát sinh nước thải từ bãi chứa dăm.
6	Công nghệ xử lý nước thải sản xuất	Nước thải từ bãi chứa gỗ và bồn ngâm gỗ → Bể thu gom – tách dầu → Xử lý hóa lý → Bể lắng → Bể khử trùng → Bể lọc cát →	Nước thải từ dây chuyền phun sơn (6 tháng/lần) → Hố gom → HTXLNT nhà máy → Đầu nối hố ga thu gom	- Nước thải từ dây chuyền phun sơn (6 tháng/lần) → Hố gom → Hợp đồng thu gom CTNH. - Nước thải từ bể đập bụi của HTXL khói thải lò sấy → Đầu nối hố ga thu gom nước thải	Vì không còn phát sinh nước thải từ bãi chứa gỗ và bồn ngâm gỗ nên không sử dụng HTXLNT. Nước thải từ HT phun

Đơn vị tư vấn: Công ty TNHH Công nghệ Môi trường Tín Mỹ

VPDD: 22 Mai Hắc Đế, phường Ghềnh Ráng, thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định

Điện thoại: 02563.749.590

Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường của cơ sở: “Nhà máy chế biến lâm sản xuất khẩu”.
 Địa điểm thực hiện: Lô B33, B34 và B38, Khu công nghiệp Phú Tài, thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định.

STT	Tên công trình, biện pháp bảo vệ môi trường	Phương án đề xuất trong bản cam kết bảo vệ môi trường năm 2008	Đề án bảo vệ môi trường năm 2012	Phương án điều chỉnh, thay đổi thực hiện	Ghi chú
		Nguồn tiếp nhận	nước thải của KCN - Nước thải từ HTXL khói lò sấy → Đầu nối vào hố ga thu gom nước thải của KCN.	của KCN.	son được xem là chất thải nguy hại nên sẽ ký HĐ với đơn vị có chức năng để thu gom.

CHƯƠNG IV

NỘI DUNG ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

4.1. Nội dung đề nghị cấp giấy phép môi trường đối với nước thải

4.1.1. Nội dung cấp phép xả nước thải

Dự án không thuộc đối tượng phải cấp phép xả nước thải theo quy định tại Điều 39 Luật Bảo vệ môi trường. Toàn bộ nước thải phát sinh tại dự án, bao gồm: nước thải sinh hoạt, nước thải từ quá trình xử lý khí thải lò hơi được xử lý sơ bộ và đầu nối vào hệ thống thu gom nước thải của KCN Phú Tài dẫn về Nhà máy xử lý nước thải tập trung KCN Phú Tài, không xả thải ra môi trường; nước thải phát sinh từ hệ thống xử lý bụi sơn, hơi dung môi được thu gom và chuyển giao cho đơn vị có chức năng xử lý như chất thải nguy hại.

4.1.2. Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với thu gom, xử lý nước thải

a. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý nước thải.

(1). Mạng lưới thu gom nước thải từ các nguồn phát sinh để đưa về hệ thống xử lý nước thải:

- Nước thải sinh hoạt: Toàn bộ lượng nước thải sinh hoạt tại cơ sở được thu gom và xử lý bằng bể tự hoại 03 ngăn chống thấm đặt ngầm dưới các nhà vệ sinh, sau đó tự chảy theo đường ống UPVC D200mm, đầu nối vào hố ga của Khu công nghiệp tại điểm T1 và T2 (*Bản vẽ quy hoạch thoát nước thải sinh hoạt đính kèm phụ lục*) để đưa về hệ thống thu gom nước thải chung của Khu công nghiệp.

- Nước thải sản xuất:

- + Nước thải phát sinh từ bể đập bụi của hệ thống xử lý khí thải lò hơi được đầu nối vào hệ thống thu gom nước thải của Khu công nghiệp.

- + Nước thải phát sinh từ hệ thống xử lý bụi sơn, hơi dung môi được lưu chứa tại bể chứa nước của tháp phun sơn màng nước, khi đến thời gian xả bỏ sẽ liên hệ với Công ty cơ – điện – môi trường Lilama để thu gom và xử lý.

- Tọa độ hố ga đầu nối nước thải:

- + Hố ga tại vị trí T1: X = 1.523.879; Y = 596.764.

- + Hố ga tại vị trí T2: X=1.523.784; Y = 596.770.

(Theo hệ tọa độ VN-2000, KKT 108⁰15'; múi chiều 3⁰).

Chất lượng nước thải trước khi đầu nối đảm bảo đạt cấp độ 1,5C theo Quyết định số 4522/QĐ-UBND ngày 15/12/2015 của UBND tỉnh Bình Định.

(2). Công trình, thiết bị xử lý nước thải

- Tóm tắt quy trình thu gom, xử lý:
 - + Nước thải sinh hoạt từ khu vực nhà vệ sinh công nhân, nhà văn phòng → 03 Bể tự hoại (Ngăn chứa → Ngăn lắng → Ngăn rút) → Bể thu gom → Hồ ga của Khu công nghiệp → Đầu nối vào hệ thống thu gom nước thải của Khu công nghiệp.
 - + Nước thải vệ sinh bể đập bụi → Hồ ga của Khu công nghiệp → Đầu nối vào hệ thống thu gom nước thải của Khu công nghiệp.

- Hóa chất, vật liệu sử dụng: không.

(3). Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố

- Thực hiện các biện pháp quản lý, giám sát, kiểm tra hệ thống đường ống, mương dẫn nước thải để đảm bảo hiệu quả thu gom và đầu nối triệt để nước thải.
- Định kỳ bảo dưỡng, vệ sinh mương dẫn nước thải; hút bùn, cặn tại bể tự hoại, bể đập bụi của hệ thống xử lý khối thải lò hơi để đảm bảo dung tích lưu chứa nước thải và nâng cao hiệu quả thu gom, xử lý nước thải trước khi đầu nối.
- Thường xuyên theo dõi, giám sát công tác thu gom, lưu chứa nước thải tại nhà máy đảm bảo đường ống dẫn và công trình lưu chứa nước thải luôn luôn kín, không bị rò rỉ, không phát sinh mùi hôi ảnh hưởng đến môi trường xung quanh.

b. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường

- Hệ thống thu gom, xử lý sơ bộ nước thải được tách riêng biệt với hệ thống thu gom, thoát nước mưa.
- Thực hiện việc thu gom, xử lý sơ bộ và ký hợp đồng đầu nối, xử lý toàn bộ lượng nước thải phát sinh tại dự án với Công ty CP đầu tư & xây dựng Bình Định; thu gom, lưu giữ và chuyển giao nước thải phát sinh từ hệ thống xử lý bụi sơn, hơi dung môi theo đúng quy định.
- Công ty chịu hoàn toàn trách nhiệm khi xả nước thải ra môi trường hoặc chuyển giao nước thải không đúng quy định.

4.2. Nội dung đề nghị cấp giấy phép đối với khí thải

4.2.1. Nội dung cấp phép khí thải

a. Nguồn phát sinh khí thải

- Nguồn số 01: Khí thải (bụi, mùi) phát sinh từ công đoạn phun sơn.
- Nguồn số 02: Khí thải phát sinh từ hoạt động lò hơi công suất 3,5 tấn/giờ.
- Nguồn số 03: Khí thải (bụi) phát sinh từ các công đoạn chế biến gỗ

b. Dòng khí thải, vị trí xả khí thải

(1). Vị trí xả khí thải:

- + Dòng số 01: Miệng ống thoát hơi số 01 của hệ thống xử lý bụi và hơi dung môi phun sơn (màng nước) số 1, tọa độ: X = 1523705; Y = 596942.
- + Dòng số 02: Miệng ống thoát hơi số 02 của hệ thống xử lý bụi và hơi dung môi phun sơn (màng nước) số 1, tọa độ: X = 1523705; Y = 596944.
- + Dòng số 03: Miệng ống thoát hơi số 03 của hệ thống xử lý bụi và hơi dung môi phun sơn (màng nước) số 1, tọa độ: X = 1523705; Y = 596946.
- + Dòng số 04: Miệng ống thoát hơi số 01 của hệ thống xử lý bụi và hơi dung môi phun sơn (màng nước) số 2, tọa độ: X = 1523697; Y = 596948.
- + Dòng số 05: Miệng ống thoát hơi số 02 của hệ thống xử lý bụi và hơi dung môi phun sơn (màng nước) số 2, tọa độ: X = 1523696; Y = 596948.
- + Dòng số 06: Miệng ống thoát hơi số 03 của hệ thống xử lý bụi và hơi dung môi phun sơn (màng nước) số 2, tọa độ: X = 1523695; Y = 596.948.
- + Dòng số 07: Miệng ống thoát hơi số của hệ thống xử lý bụi và hơi dung môi phun sơn (tự động) số 1, tọa độ: X = 1523701; Y = 596951.
- + Dòng số 08: Miệng ống thoát hơi số 01 của hệ thống xử lý bụi và hơi dung môi phun sơn (màng nước) dự phòng số 1, tọa độ: X = 1523691; Y = 596945.
- + Dòng số 09: Miệng ống thoát hơi số 02 của hệ thống xử lý bụi và hơi dung môi phun sơn (màng nước) dự phòng số 1, tọa độ: X = 1523691; Y = 596946.
- + Dòng số 10: Miệng ống thoát hơi số 03 của hệ thống xử lý bụi và hơi dung môi phun sơn (màng nước) dự phòng số 1, tọa độ: X = 1523691; Y = 596947.
- + Dòng số 11: Miệng ống thoát hơi số 01 của hệ thống xử lý bụi và hơi dung môi phun sơn (màng nước) dự phòng số 2, tọa độ: X = 1523683; Y = 596950.

+ Dòng số 12: Miệng ống thoát hơi số 02 của hệ thống xử lý bụi và hơi dung môi phun sơn (màng nước) dự phòng số 2, tọa độ: X = 1523682; Y = 596950.

+ Dòng số 13: Miệng ống thoát hơi số 03 của hệ thống xử lý bụi và hơi dung môi phun sơn (màng nước) dự phòng số 2, tọa độ: X = 1523681; Y = 5965950.

+ Dòng số 14: Miệng ống thoát hơi số 01 của hệ thống xử lý bụi và hơi dung môi phun sơn (màng nước) dự phòng số 3, tọa độ: X = 1523678; Y = 596937.

+ Dòng số 15: Miệng ống thoát hơi số 02 của hệ thống xử lý bụi và hơi dung môi phun sơn (màng nước) dự phòng số 3, tọa độ: X = 1523678; Y = 596938.

+ Dòng số 16: Miệng ống thoát hơi số 03 của hệ thống xử lý bụi và hơi dung môi phun sơn (màng nước) dự phòng số 3, tọa độ: X = 1523678; Y = 596939.

+ Dòng số 17: Miệng ống thoát hơi số 01 của hệ thống xử lý bụi và hơi dung môi phun sơn (màng khô) dự phòng, tọa độ: X = 1523691; Y = 596942.

+ Dòng số 18: Miệng ống thoát hơi số 01 của hệ thống xử lý bụi và hơi dung môi phun sơn (màng khô) dự phòng, tọa độ: X = 1523691; Y = 596943.

+ Dòng số 19: Miệng ống thoát hơi số của hệ thống xử lý bụi và hơi dung môi phun sơn (tự động) dự phòng, tọa độ: X = 1523687; Y = 596952.

+ Dòng số 20: Miệng ống khói của hệ thống xử lý khói thải nồi hơi 3,5 tấn/giờ, tọa độ X = 1523787, Y = 596677.

+ Dòng số 21: Miệng ống thoát cyclone số 01 của hệ thống xử lý bụi trung tâm chuyên I, tọa độ X = 1523789, Y = 596761.

+ Dòng số 22: Miệng ống thoát cyclone số 02 của hệ thống xử lý bụi trung tâm chuyên I, tọa độ X = 1523789, Y = 596760.

+ Dòng số 23: Miệng ống thoát cyclone của hệ thống xử lý bụi trung tâm chuyên II, tọa độ X = 1523789, Y = 596759.

(Hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến 108°15', múi giờ 3°).

(2). Lưu lượng xả khí thải lớn nhất: 208.100 m³/giờ

+ Dòng số 01: Lưu lượng là 2.400 m³/giờ;

+ Dòng số 02: Lưu lượng là 2.400m³/giờ;

+ Dòng số 03: Lưu lượng là 2.400m³/giờ;

- + Dòng số 04: Lưu lượng là 2.400m³/giờ;
- + Dòng số 05: Lưu lượng là 2.400m³/giờ;
- + Dòng số 06: Lưu lượng là 2.400m³/giờ;
- + Dòng số 07: Lưu lượng là 2.400m³/giờ;
- + Dòng số 08: Lưu lượng là 2.400m³/giờ;
- + Dòng số 09: Lưu lượng là 2.400m³/giờ;
- + Dòng số 10: Lưu lượng là 2.400m³/giờ;
- + Dòng số 11: Lưu lượng là 2.400 m³/giờ;
- + Dòng số 12: Lưu lượng là 2.400m³/giờ;
- + Dòng số 13: Lưu lượng là 2.400m³/giờ;
- + Dòng số 14: Lưu lượng là 2.400m³/giờ;
- + Dòng số 15: Lưu lượng là 2.400m³/giờ;
- + Dòng số 16: Lưu lượng là 2.400m³/giờ;
- + Dòng số 17: Lưu lượng là 2.400m³/giờ;
- + Dòng số 18: Lưu lượng là 2.400m³/giờ;
- + Dòng số 19: Lưu lượng là 2.400m³/giờ;
- + Dòng số 20: Lưu lượng là 42.500m³/giờ;
- + Dòng số 21 và 22: Lưu lượng là 60.000m³/giờ;
- + Dòng số 23: Lưu lượng là 60.000m³/giờ;

(3). Phương thức xả thải:

- Dòng số 01 đến 19 và dòng 21 đến 23: xả gián đoạn theo thời gian hoạt động sản xuất của cơ sở là 08 giờ/ngày.
- Dòng số 20: xả liên tục 24 giờ/ngày.

(4). Chất lượng bụi, khí thải trước khi thải ra môi trường:

- Chất lượng bụi, khí thải trước khi xả vào môi trường không khí phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và đạt cột B theo QCVN 19:2009/BTNMT-Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ, $K_p=0,8$; $K_v=1$ và QCVN 20:2009/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với một số chất hữu cơ, cụ thể như sau:

Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường của cơ sở: “Nhà máy chế biến lâm sản xuất khẩu”.
Địa điểm thực hiện: Lô B33, B34 và B38, Khu công nghiệp Phú Tài, thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định.

TT	Thông số ô nhiễm	Đơn vị	Giá trị giới hạn cho phép	Tần suất quan trắc định kỳ	Quan trắc tự động, liên tục
I	Dòng số 01 đến dòng số 19				
01	Bụi tổng	mg/Nm ³	160	06 tháng/lần	Không thuộc đối tượng
02	Benzen	mg/Nm ³	5	01 năm/lần	
03	Xylen	mg/Nm ³	870		
II	Dòng số 20				
01	Bụi tổng	mg/Nm ³	160	06 tháng/lần	
02	SO ₂	mg/Nm ³	400		
03	NO _x (tính theo NO ₂)	mg/Nm ³	680		
04	CO	mg/Nm ³	800		
III	Từ dòng số 21 đến 23				
01	Bụi tổng	mg/Nm ³	160	Không	

Ghi chú:

- QCVN 19:2009/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ.

- QCVN 20:2009/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất hữu cơ.

- Cột B: quy định nồng độ C của bụi và các chất vô cơ làm cơ sở tính giá trị tối đa cho phép trong khí thải công nghiệp.

- $K_p = 0,8$, do tổng lưu lượng nguồn thải $P=208.100 \text{ m}^3/\text{h}$ ($P > 100.000 \text{ m}^3/\text{h}$).

- $K_v = 1$: Nhà máy nằm trong khu công nghiệp.

4.2.2. Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với thu gom, xử lý bụi, khí thải

a. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý khí thải

(1). Mạng lưới thu gom bụi, khí thải từ các nguồn phát sinh để đưa về hệ thống xử lý

*Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường của cơ sở: “Nhà máy chế biến lâm sản xuất khẩu”.
Địa điểm thực hiện: Lô B33, B34 và B38, Khu công nghiệp Phú Tài, thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định.*

- Nguồn số 01: Được thu gom vào 8 hệ thống xử lý khí thải bằng 19 quạt hút có công suất 3HP/quạt.

- Nguồn số 02: Được thu gom vào hệ thống xử lý khí thải bằng đường ống inox 304 D480mm thông qua quạt hút có công suất 15HP.

- Nguồn số 03: Được thu gom đưa vào hệ thống xử lý bụi thông qua 02 quạt hút.

(2). Công trình, thiết bị xử lý bụi, khí thải

- Công trình, thiết bị xử lý bụi, khí thải nguồn số 01:

+ Tóm tắt quy trình công nghệ: Bụi và hơi dung môi phát sinh tại khu vực phun sơn → 08 hệ thống hấp thụ → 19 ống thoát khí sạch ra môi trường.

+ Tổng công suất thiết kế: 45.600m³/giờ.

+ Hóa chất sử dụng: không

+ Vật liệu sử dụng: dùng nước làm tác nhân hấp thụ cho các hệ thống hấp thụ bằng màng nước.

- Công trình, thiết bị xử lý bụi, khí thải nguồn số 02:

+ Tóm tắt quy trình công nghệ: Khí thải → Cyclone tách bụi → Tháp rửa → Bể đập bụi → Ống khói thoát khí sạch ra môi trường.

+ Công suất thiết kế: 42.500m³/giờ.

+ Hóa chất sử dụng: không

+ Vật liệu sử dụng: dùng nước làm tác nhân hấp thụ.

- Công trình, thiết bị xử lý bụi, khí thải nguồn số 03:

+ Tóm tắt quy trình công nghệ: Bụi phát sinh tại các công đoạn chế biến gỗ (chuyên I, chuyên II) → Miệng hút → Đường ống nhánh → Đường ống chính → 03 Cyclone thu hồi bụi kết hợp nhà chứa bụi → Khí sạch thoát ra ngoài môi trường.

+ Tổng công suất thiết kế: 120.000 m³/giờ.

+ Hóa chất sử dụng: không

c. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố

- Thực hiện các biện pháp phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường liên quan đến bụi, khí thải theo đúng quy định của pháp luật.

- Thường xuyên kiểm tra, giám sát hệ thống quạt, đường ống thu gom và thiết bị xử lý bụi, khí thải của dự án để kịp thời bảo trì, bảo dưỡng, sửa chữa hoặc thay thế, đảm bảo an toàn và hiệu quả thu gom, xử lý các nguồn bụi, khí thải đạt quy chuẩn môi trường hiện hành trước khi thoát ra ngoài môi trường.

- Vận hành các hệ thống xử lý bụi, khí thải theo đúng quy trình kỹ thuật đã được nhà cung cấp chuyển giao.

- Đào tạo đội ngũ công nhân nắm vững quy trình vận hành và có khả năng sửa chữa, khắc phục khi sự cố xảy ra.

4.2.2. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường

- Vận hành thường xuyên, đúng quy trình công trình xử lý bụi, khí thải đảm bảo không để bụi, khí thải phát tán ra môi trường làm ảnh hưởng đến chất lượng môi trường không khí trong và ngoài phạm vi dự án. Thường xuyên kiểm tra tình trạng hoạt động của các hệ thống xử lý và kịp thời có phương án thay thế khi có dấu hiệu hư hỏng, xuống cấp.

- Đảm bảo bố trí đủ nguồn lực, trang thiết bị để vận hành hiệu quả hệ thống thu gom, xử lý bụi, khí thải; Đảm bảo ống khói của hệ thống xử lý khí thải phải có điểm (cửa) lấy mẫu khí thải với đường kính hoặc độ rộng theo quy định, có nắp đậy để điều chỉnh độ mở rộng, bố trí sàn thao tác đảm bảo an toàn, thuận lợi khi thực hiện việc lấy mẫu (Vị trí điểm lấy mẫu, đường kính hoặc độ rộng đảm bảo theo quy định tại Phụ lục 5 ban hành kèm theo Thông tư số 10/2021/TT-BTNMT ngày 30/6/2021).

- Thực hiện đầy đủ nội dung quy định tại Điều 31 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ khi triển khai thực hiện việc vận hành thử nghiệm hệ thống xử lý bụi, khí thải (như: thời gian thông báo kế hoạch vận hành thử nghiệm, thời gian lập báo cáo kết quả vận hành thử nghiệm gửi Ban quản lý khu kinh tế, sổ nhật ký vận hành thử nghiệm,...)

- Trong quá trình hoạt động dự án, khi có sự cố liên quan đến việc vận hành các thiết bị xử lý bụi, khí thải, Công ty phải tạm dừng ngay các hoạt động sản xuất có phát sinh bụi, khí thải để tập trung xác định nguyên nhân và sửa chữa, khắc phục kịp thời.

- Công ty chịu hoàn toàn trách nhiệm khi xả bụi, khí thải không đảm bảo các yêu cầu.

4.3. Nội dung đề nghị cấp phép đối với tiếng ồn, độ rung

4.3.1. Nội dung đề nghị cấp phép

❖ Nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung

- Nguồn số 01: Tại khu vực xưởng cửa xẻ gỗ (xưởng cửa CD).
- Nguồn số 02: Tại khu vực phân xưởng sản xuất số 2
- Nguồn số 03: Tại khu vực hệ thống xử lý bụi trung tâm.

❖ Vị trí phát sinh tiếng ồn, độ rung

- Nguồn số 01: Tọa độ: X = 1523862, Y = 596656
- Nguồn số 02: Tọa độ X = 1523710, Y = 596752
- Nguồn số 03: Tọa độ X = 1523786, Y = 596758

(Theo hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến $108^{\circ}15'$, múi chiều 3°).

❖ Giá trị giới hạn đối với tiếng ồn, độ rung:

- Tiếng ồn, độ rung phải đảm bảo đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và QCVN 26:2010/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn; QCVN 27:2010/BTNMT – Quy chuẩn quốc gia về độ rung, cụ thể như sau:

a) Tiếng ồn:

Bảng 4. 1. Giá trị giới hạn đối với tiếng ồn

STT	Thời gian áp dụng trong ngày và mức ồn cho phép (dBA)		Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
	Từ 6 giờ đến 21 giờ	Từ 21 giờ đến 6 giờ		
1	70	55	-	Khu vực thông thường

b) Độ rung:

Bảng 4. 2 Giá trị giới hạn đối với độ rung

STT	Thời gian áp dụng trong ngày và mức gia tốc rung cho phép (dB)		Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
	Từ 6 giờ đến 21 giờ	Từ 21 giờ đến 6 giờ		

*Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường của cơ sở: “Nhà máy chế biến lâm sản xuất khẩu”.
Địa điểm thực hiện: Lô B33, B34 và B38, Khu công nghiệp Phú Tài, thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định.*

1	70	60	-	Khu vực thông thường
---	----	----	---	----------------------

4.3.2. Yêu cầu về bảo vệ môi trường đối với tiếng ồn, độ rung

- Các nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung được giảm thiểu đảm bảo nằm trong giới hạn cho phép quy định tại phần 4.3.1 này.
- Chủ đầu tư chịu hoàn toàn trách nhiệm khi tiếng ồn, độ rung của nhà máy không đảm bảo đủ các yêu cầu.

4.4. Yêu cầu quản lý chất thải

4.4.1. Quản lý chất thải

a. Khối lượng, chủng loại chất thải phát sinh

(1). Khối lượng, chủng loại chất thải nguy hại và chất thải công nghiệp phải kiểm soát phát sinh thường xuyên

Bảng 4. 3. Khối lượng, chủng loại chất thải nguy hại và chất thải công nghiệp phải kiểm soát trong Nhà máy

TT	Tên chất thải	Số lượng (kg/năm)	Mã chất thải	Ký hiệu phân loại
1	Thùng đựng keo (thùng sắt can nhựa)	10	18 02 02	TT
2	Thùng phi sắt	130	18 02 02	TT
3	Bóng đèn huỳnh quang thải	30	16 01 06	NH
4	Bao bì giẻ lau, găng tay, chất hấp thụ nhiễm thành phần nguy hại	130	18 02 01	KS
5	Hộp mực in có chứa thành phần nguy hại	0	08 02 04	KS
6	Bột sơn đã qua sử dụng	550	08 01 02	KS
	Tổng cộng	850		

(2). Khối lượng, chủng loại chất thải rắn công nghiệp thông thường

Bảng 4. 4. Khối lượng, chủng loại chất thải rắn công nghiệp thông thường

*Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường của cơ sở: “Nhà máy chế biến lâm sản xuất khẩu”.
Địa điểm thực hiện: Lô B33, B34 và B38, Khu công nghiệp Phú Tài, thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định.*

STT	Các loại chất thải	Số lượng (tấn/năm)	Biện pháp xử lý
1	Bìa gỗ, gỗ phế thải,...	2.500	Dùng làm nguyên liệu đốt lò sấy. Ký hợp đồng với cơ sở thu mua củi, gỗ để thu gom và tái sử dụng
2	Lưỡi cưa hỏng, đinh vít, sắt vụn,...		Thu gom và bán phế liệu
	Tổng cộng	2.500	

(3). Khối lượng, chủng loại chất thải rắn sinh hoạt phát sinh

- Khối lượng chất thải phát sinh: 02m³/tháng.
- Chủng loại: Chủ yếu là bao bì, vỏ đồ hộp, thức ăn thừa và các loại chất thải rắn khác phát sinh từ quá trình sinh hoạt của nhân viên, công nhân làm việc tại cơ sở.

b. Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với việc lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải nguy hại và chất thải công nghiệp phải kiểm soát

(1). Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại và chất thải công nghiệp phải kiểm soát:

- Thiết bị, khu vực lưu chứa:
 - + Thiết bị lưu chứa: Bố trí các thùng nhựa PVC loại 240L, 120L tại kho chứa CTNH để thu gom và lưu chứa toàn bộ lượng chất thải nguy hại phát sinh và đáp ứng các yêu cầu kỹ thuật theo quy định.
 - + Khu vực lưu chứa: kho chứa CTNH ở phía Nam của nhà máy có diện tích khoảng 6m². Thiết kế, cấu tạo của khu vực lưu chứa: nền bê tông chống thấm, đảm bảo kín khít, không thấm thấu; cos nền cao hơn cos mặt bằng xung quanh, đảm bảo ngăn nước mưa chảy tràn từ bên ngoài vào; có mái che kín nắng, mưa; cửa khóa, biển cảnh báo; bên trong dán mã chất thải và bố trí thùng chứa để phân loại, lưu chứa chất thải; trang bị thiết bị, dụng cụ PCCC theo quy định của pháp luật về PCCC; có vật liệu hấp thụ (như cát khô hoặc mùn cưa),... theo quy định.

(2). Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải công nghiệp thông thường

- Thiết bị, khu vực lưu chứa: Trang bị bao bì, thùng chứa đặt tại khu vực sản xuất và khu vực lưu chứa.

- Khu vực lưu chứa:

+ Mùn cưa, gỗ phế phẩm phát sinh khi cưa xẻ gỗ sẽ được thu gom vào bao và lưu chứa trong khu vực xưởng cưa CD có mái che.

+ Bao bì carton, bao bì nhựa thải bỏ được thu gom lưu chứa và bán cho cơ sở thu mua phế liệu.

+ Bùn từ bể đập bụi của hệ thống xử lý khói thải nồi hơi và tro lò sấy được tận dụng để bón gốc cây trồng.

(3). Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt

- Thiết bị, khu vực lưu chứa: Trang bị các thùng đựng rác dung tích 240L chuyên dụng có nắp đậy tại các khu vực dọc xưởng sản xuất, đường nội bộ, văn phòng làm việc để phân loại, lưu chứa toàn bộ lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh.

- Khu vực để thiết bị lưu chứa: Các khu vực xưởng sản xuất và nhà bảo vệ.

4.4.2. Yêu cầu về phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường

- Thực hiện đầy đủ các công trình, biện pháp phòng ngừa, ứng phó sự cố hóa chất, sự cố cháy nổ và các sự cố khác liên quan theo quy định pháp luật.

- Trong quá trình hoạt động nếu xảy ra sự cố môi trường, phải chủ động thực hiện mọi biện pháp xử lý, khắc phục và báo cáo kịp thời đến Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh Bình Định và các cơ quan có liên quan để hướng dẫn giải quyết. Trường hợp để xảy ra sự cố gây ảnh hưởng kinh tế, môi trường, Chủ dự án hoàn toàn chịu trách nhiệm khắc phục, đền bù thiệt hại.

- Thực hiện quản lý các chất thải phát sinh trong quá trình hoạt động đảm bảo các yêu cầu về an toàn, vệ sinh môi trường và theo đúng các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường. Thực hiện phân định, phân loại các chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải công nghiệp cần phải kiểm soát và chất thải nguy hại theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường năm 2020, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 và Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022. Định kỳ chuyển giao chất thải cho đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển và xử lý theo quy định.

*Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường của cơ sở: “Nhà máy chế biến lâm sản xuất khẩu”.
Địa điểm thực hiện: Lô B33, B34 và B38, Khu công nghiệp Phú Tài, thành phố Quy Nhơn, tỉnh
Bình Định.*

CHƯƠNG V

KẾT QUẢ QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG CỦA CƠ SỞ

5.1. Kết quả quan trắc môi trường định kỳ đối với nước thải:

Năm 2022 và năm 2023, nhà máy đã thực hiện quan trắc môi trường nước thải định kỳ. Theo Báo cáo công tác Bảo vệ môi trường năm 2023 thì nhà máy đã thực hiện quan trắc như sau:

❖ **Kết quả quan trắc tại hố ga đầu nối vào hệ thống thu gom nước thải chung của KCN**

- Tần suất quan trắc: 01 năm/ 01 lần
- Thời gian thực hiện: thực hiện vào ngày 13/03/2023.
- Số lượng mẫu: 01 mẫu
- Chỉ tiêu phân tích: pH, TSS, COD, BOD₅, N-NH₄⁺, Nitơ tổng, P- tổng, Tổng dầu, mỡ khoáng

Bảng 5. 1. Kết quả phân tích nước thải của nhà máy

STT	Các chỉ tiêu	Đơn vị	Kết quả
1	pH	-	6,5
2	TSS	mg/L	118
3	COD	mg/L	114
4	BOD ₅	mg/L	59
5	N-NH ₄ ⁺	mg/L	1,64
6	Nitơ - tổng	mg/L	17,3
7	P – tổng	mg/L	6,15
8	Tổng dầu, mỡ khoáng	mg/L	KPH

Nguồn: Trung tâm Kỹ thuật quan trắc môi trường tháng 03/2023

Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường của cơ sở: “Nhà máy chế biến lâm sản xuất khẩu”.
Địa điểm thực hiện: Lô B33, B34 và B38, Khu công nghiệp Phú Tài, thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định.

5.2. Kết quả quan trắc môi trường đối với bụi, khí thải:

Năm 2022 và năm 2023, nhà máy đã thực hiện quan trắc môi trường khí thải định kỳ. Theo Báo cáo công tác Bảo vệ môi trường năm 2023 thì nhà máy đã thực hiện quan trắc như sau:

❖ **Kết quả quan trắc tại khu vực làm việc của nhà máy**

- Tần suất quan trắc: 06 tháng/01 lần
- Thời gian thực hiện:
 - + Đợt 1 năm 2023: thực hiện vào ngày 13/03/2023
 - + Đợt 2 năm 2023: thực hiện vào ngày 11/12/2023
- ❖ Số lượng mẫu: 02 mẫu
- ❖ Vị trí quan trắc:
 - + KK1: Khu vực sản xuất
- ❖ Chỉ tiêu phân tích: Tiếng ồn, Bụi, Khí CO, NO₂, SO₂.

Bảng 5. 2. Kết quả môi trường không khí năm 2023

TT	Ký hiệu điểm quan trắc	Mẫu số	Tiếng ồn	Bụi	Khí CO	Khí NO ₂	Khí SO ₂
			dBA	mg/m ³	mg/m ³	mg/m ³	mg/m ³
1	KK1	Mẫu 01	81	2,69	5,17	0,28	0,36
		Mẫu 02	70,1	0,25	5,73	0,091	0,088
QCVN 02:2019/BYT			-	≤ 6	-	-	-
QCVN 03:2019/BYT			-	-	≤ 40	≤ 10	≤ 10
QCVN 24:2016/BYT			≤ 85	-	-	-	-
QCVN 26:2016/BYT			-	-	-	-	-

Nguồn: Trung tâm Kỹ thuật quan trắc môi trường, tháng 03/2023 và tháng 12/2023.

Ghi chú:

- “ – ”: Không phát hiện
- Mẫu 01: Mẫu lấy vào ngày 13/03/2023
- Mẫu 02: Mẫu lấy vào ngày 11/12/2023

*Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường của cơ sở: “Nhà máy chế biến lâm sản xuất khẩu”.
Địa điểm thực hiện: Lô B33, B34 và B38, Khu công nghiệp Phú Tài, thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định.*

- QCVN 02: 2019/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về bụi – Giá trị giới hạn tiếp xúc cho phép bụi tại nơi làm việc.
- QCVN 03: 2019/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về Giá trị giới hạn tiếp xúc của 50 yếu tố hóa học tại nơi làm việc
- QCVN 24: 2016/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn – Mức tiếp xúc cho phép tiếng ồn tại nơi làm việc.
- QCVN 26: 2016/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về vi khí hậu – Giá trị cho phép của vi khí hậu tại nơi làm việc của Bộ Y tế.

Nhận xét: Theo kết quả quan trắc đợt tháng 03/2023 và đợt tháng 12/2023 thì tất cả các kết quả phân tích đều nằm trong giới hạn cho phép của QCVN.

❖ **Kết quả quan trắc tại ống khói lò sấy của nhà máy**

- Tần suất quan trắc: 06 tháng/01 lần
- Thời gian thực hiện:
- + Đợt 1 năm 2023: thực hiện vào ngày 13/03/2023
- + Đợt 2 năm 2023: thực hiện vào ngày 11/12/2023
- Số lượng mẫu: 02 mẫu
- Vị trí quan trắc: Tại ống khói lò sấy của nhà máy
- Chỉ tiêu phân tích: Bụi tổng, Khí CO, SO₂, NO_x.

Bảng 5. 3. Kết quả phân tích khí thải nồi hơi của nhà máy

STT	Các chỉ tiêu	Mẫu số	Đơn vị	Kết quả
1	Bụi tổng	Mẫu 01	mg/Nm ³	83
		Mẫu 02	mg/Nm ³	81
2	Khí CO	Mẫu 01	mg/Nm ³	795
		Mẫu 02	mg/Nm ³	792
3	SO ₂	Mẫu 01	mg/Nm ³	36
		Mẫu 02	mg/Nm ³	104
4	NO _x	Mẫu 01	mg/Nm ³	64

*Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường của cơ sở: “Nhà máy chế biến lâm sản xuất khẩu”.
Địa điểm thực hiện: Lô B33, B34 và B38, Khu công nghiệp Phú Tài, thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định.*

STT	Các chỉ tiêu	Mẫu số	Đơn vị	Kết quả
		Mẫu 02	mg/Nm ³	215

Nguồn: Trung tâm Kỹ thuật quan trắc môi trường, tháng 03/2023 và tháng 12/2023.

Ghi chú: - Mẫu 01: Mẫu lấy vào ngày 13/03/2023

- Mẫu 02: Mẫu lấy vào ngày 11/12/2023

CHƯƠNG VI

CHƯƠNG TRÌNH QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG CỦA CƠ SỞ

6.1. Kế hoạch vận hành công trình xử lý chất thải của dự án

6.1.1. Thời gian dự kiến vận hành thử nghiệm

Bảng 6. 1. Thời gian dự kiến thực hiện vận hành thử nghiệm

STT	Công trình xử lý chất thải	Thời gian bắt đầu	Thời gian kết thúc	Công suất dự kiến đạt được
1	Hệ thống xử lý hơi dung môi phun sơn	15/01/2024	15/04/2024	70-80% công suất
2	Hệ thống xử lý khí thải lò hơi	15/01/2024	15/04/2024	70-80% công suất
3	Hệ thống thu hồi bụi	15/01/2024	15/04/2024	70-80% công suất

6.1.2. Kế hoạch quan trắc chất thải đánh giá hiệu quả xử lý của các công trình, thiết bị xử lý chất thải

Bảng 6. 2. Thông tin quá trình lấy mẫu

Giai đoạn	Vị trí lấy mẫu và chỉ tiêu phân tích	Tần suất	Lần lấy mẫu	Thời gian dự kiến lấy mẫu	Đơn vị lấy mẫu
Bụi, khí thải từ dây chuyền phun sơn					
Giai đoạn vận hành ổn định	Đầu ra 7 ống thoát công trình xử lý hơi dung môi phun sơn (không tính dự phòng). Ống 1, tọa độ X = 1523705; Y = 596942.hoặc ống 2, tọa độ X = 1523705; Y = 596944 hoặc ống 3, tọa độ X = 1523705; Y = 596946. Ống 4, tọa độ: X = 1523697; Y = 596948 hoặc ống 5, tọa độ X = 1523696; Y = 596948 hoặc ống 6, tọa độ X = 1523695; Y = 596.948. Ống 7, tọa độ X = 1523701; Y = 596951. Chỉ tiêu phân tích: bụi tổng, Benzen, Xylen	1 ngày/lần (03 ngày liên tiếp)	Lần 1	01/03/2025	Trung tâm QTMT tỉnh Bình Định hoặc đơn vị có đủ điều kiện hoạt động dịch vụ quan trắc môi trường
			Lần 2	02/03/2025	
			Lần 3	03/03/2025	
Bụi, khí thải từ ống khói của hệ thống xử lý khói thải lò hơi					
Giai đoạn vận hành ổn định	Đầu ra ống khói thải của hệ thống xử lý khí thải lò hơi Tọa độ X = 1523787, Y = 596677. Chỉ tiêu phân tích: bụi tổng, SO ₂ , NO _x , CO.	1 ngày/lần (03 ngày liên tiếp)	Lần 1	01/03/2025	Trung tâm QTMT tỉnh Bình Định hoặc đơn vị có đủ điều kiện hoạt động dịch
			Lần 2	02/03/2025	

Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường của cơ sở: “Nhà máy chế biến lâm sản xuất khẩu”.

Địa điểm thực hiện: Lô B33, B34 và B38, Khu công nghiệp Phú Tài, thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định.

Giai đoạn	Vị trí lấy mẫu và chỉ tiêu phân tích	Tần suất	Lần lấy mẫu	Thời gian dự kiến lấy mẫu	Đơn vị lấy mẫu
			Lần 3	03/03/2025	vụ quan trắc môi trường
Bụi từ hệ thống xử lý bụi trung tâm					
Giai đoạn vận hành ổn định	- 01 mẫu tại Miệng ống thoát số 01 của cyclone hệ thống xử lý bụi trung tâm chuyển I, tọa độ 1523789, Y = 596761 hoặc số 2, tọa độ: X = 1523789, Y = 596760. - 01 mẫu tại miệng ống thoát của cyclone hệ thống xử lý bụi trung tâm chuyển II, tọa độ: X = 1523789, Y = 596759.		Lần 1	01/03/2025	Trung tâm QTMT tỉnh Bình Định hoặc đơn vị có đủ điều kiện hoạt động dịch vụ quan trắc môi trường
			Lần 2	02/03/2025	
			Lần 3	03/03/2025	

Ghi chú: Phương thức lấy mẫu gồm 01 mẫu đơn, trong 3 ngày liên tiếp và tiến hành gửi mẫu phân tích.

6.2. Chương trình quan trắc chất thải theo quy định của pháp luật

6.2.1. Chương trình quan trắc định kỳ

❖ Bụi, khí thải từ dây chuyền phun sơn

- 01 mẫu khí thải tại miệng ống thoát hơi số 01 của hệ thống xử lý bụi và hơi dung môi phun sơn (màng nước) số 1, tọa độ: X = 1523705; Y = 596942 hoặc số 02, tọa độ: X = 1523705; Y = 596944 hoặc số 3, tọa độ: X = 1523705; Y = 596946.

- 01 mẫu khí thải tại miệng ống thoát hơi số 01 của hệ thống xử lý bụi và hơi dung môi phun sơn (màng nước) số 2, tọa độ: X = 1523697; Y = 596948 hoặc số 2, tọa độ: X = 1523696; Y = 596948 hoặc số 3, tọa độ: X = 1523695; Y = 596.948.

- 01 mẫu khí thải tại miệng ống thoát hơi số của hệ thống xử lý bụi và hơi dung môi phun sơn (tự động) số 1, tọa độ: X = 1523701; Y = 596951.

(Hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến $108^{\circ}15'$, múi chiều 3°).

+ Thông số và tần suất quan trắc định kỳ:

STT	Chất ô nhiễm	Tần suất quan trắc định kỳ
1	Bụi tổng	06 tháng/lần
2	Benzen	01 năm/lần
3	Xylen	

+ Tiêu chuẩn so sánh: QCVN 19:2019/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ; QCVN 20:2009/BTNMT- Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất hữu cơ.

❖ Bụi, khí thải từ nồi hơi

- 01 mẫu khí thải tại miệng ống khói của hệ thống xử lý khói thải nồi hơi 3,5 tấn/giờ, tọa độ X = 1523787, Y = 596677.

+ Thông số giám sát: Bụi tổng, SO₂, NO_x, khí CO.

+ Tần suất giám sát: 06 tháng/lần

+ Tiêu chuẩn so sánh: QCVN 19:2019/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ.

❖ Bụi từ hệ thống xử lý bụi trung tâm

- 01 mẫu khí thải tại miệng ống thoát số 1 của cyclone hệ thống xử lý bụi trung tâm chuyên I, tọa độ X = 1523789, Y = 596761 hoặc số 2, tọa độ X = 1523789, Y = 596760.

*Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường của cơ sở: “Nhà máy chế biến lâm sản xuất khẩu”.
Địa điểm thực hiện: Lô B33, B34 và B38, Khu công nghiệp Phú Tài, thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định.*

- 01 mẫu khí thải tại miệng ống thoát của cyclone hệ thống xử lý bụi trung tâm chuyên II, tọa độ X = 1523789, Y = 596759.

6.2.2. Chương trình quan trắc tự động, liên tục chất thải

Không có

6.3. Kinh phí thực hiện quan trắc môi trường

Bảng 6. 3. Dự kiến kinh phí thực hiện quan trắc môi trường hằng năm

STT	Công việc	Thành tiền
1	Chi phí quan trắc chất lượng khí thải	18.000.000
2	Báo cáo công tác bảo vệ môi trường (1 lần/năm)	2.000.000
Tổng cộng		20.000.000

Ghi chú: Chi phí trên chỉ mang tính chất tương đối trong quá trình lập dự toán

CHƯƠNG VII

KẾT QUẢ KIỂM TRA, THANH TRA VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI CƠ SỞ

Thời gian hoạt động trong 2 năm qua đến thời điểm lập báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường. Công ty TNHH Hoàng Anh Quy Nhơn chưa có văn bản kiểm tra, thanh tra về bảo vệ môi trường.

CHƯƠNG VIII

CAM KẾT CỦA CHỦ CƠ SỞ

Công ty TNHH Hoàng Anh Quy Nhơn cam kết về các nội dung sau:

- Cam kết về tính chính xác, trung thực của hồ sơ đề nghị cấp giấy phép môi trường.
- Cam kết việc xử lý chất thải đáp ứng các quy chuẩn, tiêu chuẩn kỹ thuật về môi trường và các yêu cầu về bảo vệ môi trường khác có liên quan.
- Chủ nhà máy sẽ áp dụng các biện pháp khống chế, phòng chống sự cố và giảm thiểu các tác động tiêu cực gây ô nhiễm môi trường trong suốt quá trình hoạt động của dự án đã nêu cụ thể trong báo cáo, đồng thời tăng cường công tác đào tạo cán bộ về quản lý môi trường nhằm nâng cao năng lực quản lý môi trường dự án, bảo đảm không phát sinh các vấn đề gây ô nhiễm môi trường.
- Các biện pháp khống chế ô nhiễm và hạn chế các tác động có hại của dự án tới môi trường đã được đưa ra trong báo cáo là những biện pháp khả thi, bảo đảm đạt Tiêu chuẩn và Quy chuẩn môi trường Việt Nam.
- Cam kết bồi thường và khắc phục các sự cố, rủi ro gây ô nhiễm môi trường xảy ra do triển khai dự án.
- Cam kết giải quyết các khiếu kiện của cộng đồng về những vấn đề môi trường của nhà máy theo quy định của pháp luật.

*Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường của cơ sở: “Nhà máy chế biến lâm sản xuất khẩu”.
Địa điểm thực hiện: Lô B33, B34 và B38, Khu công nghiệp Phú Tài, thành phố Quy Nhơn, tỉnh
Bình Định.*

PHỤ LỤC

**GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ DOANH NGHIỆP
CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN HAI THÀNH VIÊN TRỞ LÊN**

Mã số doanh nghiệp: 4101435124

Đăng ký lần đầu: ngày 03 tháng 12 năm 2014

Đăng ký thay đổi lần thứ: 3, ngày 07 tháng 08 năm 2018

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY TNHH HOÀNG ANH QUY NHƠN

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: HOANG ANH QUY NHON CO., LTD

Tên công ty viết tắt:

2. Địa chỉ trụ sở chính

Lô B33, B34 và B38 Khu CN Phú Tài, Phường Trần Quang Diệu, Thành phố Quy Nhơn, Tỉnh Bình Định, Việt Nam

Điện thoại: 056.3741177 - 2211303

Fax: 056.3841992

Email:

Website:

3. Vốn điều lệ 30.124.374.273 đồng

Bằng chữ: Ba mươi tỷ một trăm hai mươi bốn triệu ba trăm bảy mươi bốn nghìn hai trăm bảy mươi ba đồng

4. Danh sách thành viên góp vốn

STT	Tên thành viên	Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Giá trị phần vốn góp (VND và giá trị tương đương theo đơn vị tiền nước ngoài, nếu có)	Tỷ lệ (%)	Số CMND (hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác) đối với cá nhân; MSDN đối với doanh nghiệp; Số Quyết định thành lập đối với tổ chức	Ghi chú
1	ĐOÀN THỊ NGUYỄN VINH	Số 12 An Dương Vương, Phường Nguyễn Văn Cừ, Thành phố Quy Nhơn, Tỉnh Bình Định, Việt Nam	29.264.374.273	97,150	215090183	
2	PHẠM ANH LONG	Số 52, đường Tù Mỡ, Phường Nhơn Bình, Thành phố Quy Nhơn, Tỉnh Bình Định, Việt Nam	860.000.000	2,850	211361123	

5. Người đại diện theo pháp luật của công ty

* Họ và tên: ĐOÀN THỊ NGUYỄN VINH

Giới tính: Nữ

Chức danh: Giám đốc

Sinh ngày: 20/08/1968

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: Chứng minh nhân dân

Số giấy chứng thực cá nhân: 215090183

Ngày cấp: 19/04/2005

Nơi cấp: Công an Bình Định

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Số 12 An Dương Vương, Phường Nguyễn Văn Cừ,
Thành phố Quy Nhơn, Tỉnh Bình Định, Việt Nam

Chỗ ở hiện tại: Số 12 An Dương Vương, Phường Nguyễn Văn Cừ, Thành phố Quy
Nhơn, Tỉnh Bình Định, Việt Nam

TRƯỞNG PHÒNG



Hà Tiến Hạnh



**GIẤY CHỨNG NHẬN ĐẦU TƯ
Số: 35 2 2 1 000053**

Chứng nhận lần đầu: Ngày 30 tháng 6 năm 2009

Căn cứ Luật Đầu tư ngày 29 tháng 11 năm 2005;

Căn cứ Luật Doanh nghiệp ngày 29 tháng 11 năm 2005;

Căn cứ Nghị định số 142/2005/NĐ-CP ngày 14 tháng 11 năm 2005 của Chính phủ về thu tiền thuê đất, thuê mặt nước;

Căn cứ Nghị định số 88/2006/NĐ-CP ngày 29 tháng 8 năm 2006 của Chính phủ về đăng ký kinh doanh;

Căn cứ Nghị định số 108/2006/NĐ-CP ngày 22 tháng 9 năm 2006 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư;

Căn cứ Nghị định số 29/2008/NĐ-CP ngày 14 tháng 3 năm 2008 của Chính phủ về khu công nghiệp, khu chế xuất và khu kinh tế;

Căn cứ Nghị định số 124/2008/NĐ-CP ngày 11 tháng 12 năm 2008 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp;

Căn cứ Quyết định số 49/1999/QĐ-TTg ngày 24 tháng 3 năm 1999 của Thủ tướng Chính phủ về việc thành lập Ban Quản lý các KCN Bình Định;

Theo văn bản đề nghị cấp Giấy chứng nhận đầu tư và hồ sơ kèm theo của Chi nhánh Công ty cổ phần Hoàng Anh Gia Lai – Nhà máy gỗ Hoàng Anh Quy Nhơn,

TRƯỞNG BAN

Chứng nhận: **CHI NHÁNH CÔNG TY CỔ PHẦN HOÀNG ANH GIA LAI – NHÀ MÁY GỖ HOÀNG ANH QUY NHƠN.**

Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 35 13 000156 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Định cấp lần đầu ngày 21/5/2007.

Đại diện bởi: **Ông Phạm Văn Tâm,** Chức vụ: Giám đốc.

Sinh ngày : 09/4/1970.

CMND số 211 336 821, cấp ngày 21/6/2005, nơi cấp Công an tỉnh Bình Định.

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Tổ 7, khu vực 1, phường Trần Quang Diệu, thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định.

Chỗ ở hiện tại: Tổ 7, khu vực 1, phường Trần Quang Diệu, thành phố Quy



Điều 1. Tên dự án đầu tư:

MỞ RỘNG NHÀ XƯỞNG SẢN XUẤT KHU A

Điều 2. Mục tiêu và quy mô của dự án:

- Mục tiêu : Đầu tư xây dựng mới và lắp đặt máy móc thiết bị đối với xưởng sản xuất khu A nhằm mở rộng quy mô sản xuất hiện tại của doanh nghiệp.

- Quy mô của dự án: 1.450m³ gỗ tinh chế/năm, tương đương 5.800m³ gỗ tròn/năm

Điều 3. Địa điểm thực hiện dự án: Lô A₂₆ - KCN Phú Tài thuộc phường Trần Quang Diệu - thành phố Quy Nhơn - tỉnh Bình Định.

Diện tích đất sử dụng : 14.522,5 m².

Điều 4. Tổng vốn đầu tư: **9.768.000.000 đồng** (Chín tỷ, bảy trăm sáu mươi tám triệu đồng chẵn).

Trong đó: - Kinh phí xây lắp : 7.818.000.000 đồng

- Máy móc thiết bị : 1.950.000.000 đồng

Điều 5. Thời gian thực hiện dự án: kể từ ngày được cấp Giấy chứng nhận đầu tư đến ngày 31/12/2048.

Điều 6. Tiến độ thực hiện dự án:

- Ngày 20/02/2009 : Khởi công xây dựng

- Đến ngày 30/6/2009 : Hoàn thành việc xây dựng nhà xưởng khu A

- Đến ngày 30/8/2009 : Hoàn thành việc lắp đặt máy móc thiết bị cho nhà xưởng khu A

- Đến ngày 01/9/2009 : Đưa nhà xưởng khu A vào sản xuất.

Điều 7. Các ưu đãi đối với dự án:

a) Thuế thu nhập doanh nghiệp được thực hiện theo qui định tại Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp số 14/2008/QH12 ngày 06/3/2008 và Nghị định 124/2008/NĐ-CP ngày 11/12/2008 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp.

b) Miễn thuế nhập khẩu đối với hàng hóa nhập khẩu theo quy định tại Luật Thuế xuất khẩu, Thuế nhập khẩu số 45/2005/QH11 ngày 14 tháng 6 năm 2005 và Nghị định số 149/2005/NĐ-CP ngày 08 tháng 12 năm 2005 của Chính phủ quy định chi tiết Luật Thuế xuất khẩu, Thuế nhập khẩu.

c) Miễn nộp tiền thuê đất (đất thô) theo qui định tại Nghị định số 142/2005/NĐ-CP ngày 14/11/2005 của Chính phủ về thu tiền thuê đất, thuê mặt nước.

Điều 8. Giấy chứng nhận đầu tư được lập thành 02 (hai) bản gốc; 01 (một) bản cấp cho doanh nghiệp và 01 (một) bản lưu tại Ban quản lý các KCN Bình Định.



TRƯỞNG BAN

[Handwritten signature in blue ink]

Nội dung thay đổi và cơ sở pháp lý	Xác nhận của cơ quan có thẩm quyền

Người được cấp Giấy chứng nhận không được sửa chữa, tẩy xóa hoặc bổ sung bất kỳ nội dung nào trong Giấy chứng nhận; khi bị mất hoặc hư hỏng Giấy chứng nhận phải khai báo ngay với cơ quan cấp Giấy.



2 1 5 5 9 1 9 0 3 3 1 7 2

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc



GIẤY CHỨNG NHẬN QUYỀN SỬ DỤNG ĐẤT

QUYỀN SỞ HỮU NHÀ Ở VÀ TÀI SẢN KHÁC GẮN LIỀN VỚI ĐẤT

I. Người sử dụng đất, chủ sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất

Công ty TNHH Hoàng Anh Quy Nhơn

Giấy chứng nhận ĐKDN số: 4101435124, ngày 07 tháng 8 năm 2018

do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Định cấp

Địa chỉ trụ sở chính: Lô B33, B34 và B38 Khu công nghiệp Phú Tài, Phường Trần Quang Diệu, Thành phố Quy Nhơn, Tỉnh Bình Định

CR 792503

II. Thửa đất, nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất

1. Thửa đất:

- Thửa đất số: 63, tờ bản đồ số: 44.
- Địa chỉ: lô B33, B34, B38 KCN Phú Tài, P. Trần Quang Diệu, TP. Quy Nhơn, tỉnh Bình Định.
- Diện tích: 41.061,0 m², (Bằng chữ: Bốn mươi một nghìn không trăm sáu mươi một mét vuông).
- Hình thức sử dụng: Sử dụng riêng.
- Mục đích sử dụng: Đất khu công nghiệp (Nhà máy chế biến lâm sản xuất khẩu và tiêu thụ nội địa)
- Thời hạn sử dụng: đến ngày 31/12/2048.
- Nguồn gốc sử dụng: Thuê đất trả tiền hàng năm của Công ty CP đầu tư và xây dựng Bình Định.

2. Nhà ở:

3. Công trình xây dựng khác:

Tên công trình: Nhà máy chế biến lâm sản xuất khẩu và tiêu thụ nội địa

Hạng mục công trình	Diện tích xây dựng (m ²)	Diện tích sàn (m ²) hoặc công suất	Hình thức sở hữu	Cấp công trình	Thời hạn sở hữu
Kho hóa chất	72,0	72,0	Sở hữu riêng	4	-/-
Nhà cantin + mẫu đối chứng	145,6	145,6	Sở hữu riêng	4	-/-
Xưởng cơ khí I	108,0	108,0	Sở hữu riêng	4	-/-
Nhà trưng bày sản phẩm	364,3	364,3	Sở hữu riêng	4	-/-
Xưởng bao bì đóng gói	674,4	674,4	Sở hữu riêng	4	-/-
Lò sấy hơi	153,3	153,3	Sở hữu riêng	4	-/-
2 Lò hút bụi	75,7	75,7	Sở hữu riêng	4	-/-

4. Rừng sản xuất là rừng trồng:

5. Cây lâu năm:

6. Ghi chú:

- Tại thửa đất, Công ty đã nhận góp vốn QSH tài sản từ Chi nhánh Công ty cổ phần gỗ HAGL - Nhà máy gỗ Hoàng Anh Quy Nhơn, đã được Sở TN&MT cấp Giấy chứng nhận số CT01462 ngày 31/8/2012;
- Giấy chứng nhận này được cấp tách GCN số T00682 do Sở TN&MT cấp ngày 10/11/2006./.

Bình Định, ngày 16 tháng 9 năm 2019

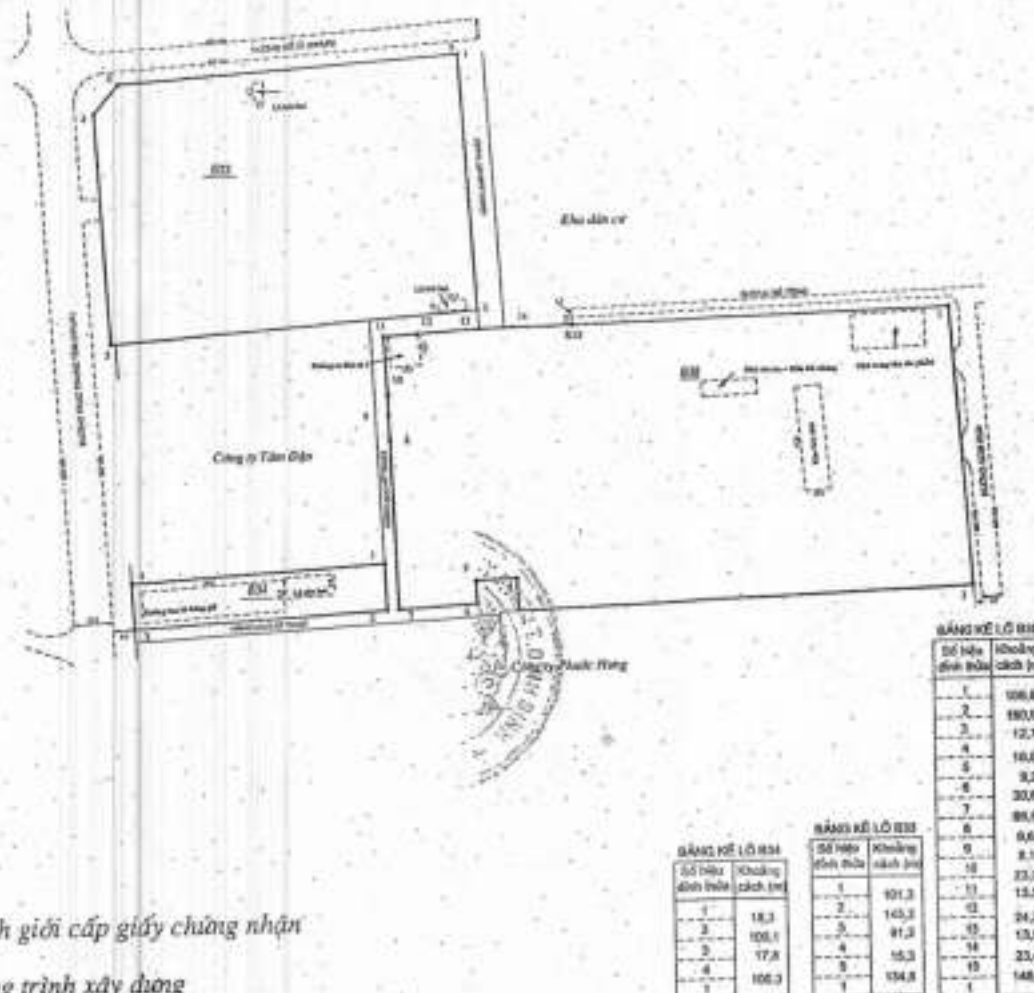
SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG TỈNH BÌNH ĐỊNH



Lê Văn Tùng

Số vào sổ cấp GCN: CT08927

III. Sơ đồ thửa đất, nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất



Ranh giới cấp giấy chứng nhận

Công trình xây dựng

IV. Những thay đổi sau khi cấp giấy chứng nhận

Nội dung thay đổi và cơ sở pháp lý	Xác nhận của cơ quan có thẩm quyền
CHỦ TỊCH HỘI SAO ĐUNG VIỆT NAM Số chứng nhận: 01/SS-CP/ĐN-SC/185 Ngày: 19-09-2019 PHÓ CHỦ TỊCH	
TRƯỞNG BAN TRƯỞNG ĐẠO T.P. QUY NHƠN Ngày: 19-09-2019 PHÓ CHỦ TỊCH	

Nội dung thay đổi và cơ sở pháp lý	Xác nhận của cơ quan có thẩm quyền

Người được cấp Giấy chứng nhận không được sửa chữa, tẩy xóa hoặc bổ sung bất kỳ nội dung nào trong Giấy chứng nhận; khi bị mất hoặc hư hỏng Giấy chứng nhận phải khai báo ngay với cơ quan cấp Giấy.

Kèm theo Giấy chứng nhận này có Trang Bỏ sung số 101



5 221 559 120 021 57

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc



GIẤY CHỨNG NHẬN

QUYỀN SỬ DỤNG ĐẤT

QUYỀN SỞ HỮU NHÀ Ở VÀ TÀI SẢN KHÁC GẮN LIỀN VỚI ĐẤT

I. Người sử dụng đất, chủ sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất

CN Công ty Cổ phần gỗ HAGL - Nhà máy gỗ Hoàng Anh Quy Nhơn

Giấy CNĐK hoạt động CN số: 5900639165-001, cấp ngày 16 tháng 6 năm 201

Địa chỉ: KCN Phú Tài, P. Trần Quang Diệu, thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định

"Sở hữu tài sản trên lô đất thuê của Công ty CP Đầu tư & Xây dựng Bình Định"

BK 319558

II. Thửa đất, nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất

1. Thửa đất:

- a) Thửa đất số: , tờ bản đồ số:
 b) Địa chỉ: KCN Phú Tài, phường Trần Quang Diệu, thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định
 c) Diện tích: m², (Bằng chữ):
 d) Hình thức sử dụng: riêng: m²; chung: không
 đ) Mục đích sử dụng:
 e) Thời hạn sử dụng:
 g) Nguồn gốc sử dụng: Thuê đất của Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Bình Định.

2. Nhà ở:

3. Công trình xây dựng khác:

Tên công trình: Xây dựng nhà máy chế biến lâm sản xuất khẩu

Địa chỉ: KCN Phú Tài, phường Trần Quang Diệu, thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định

Hạng mục công trình	Diện tích xây dựng (m ²)	Diện tích sàn hoặc công suất	Kết cấu chủ yếu	Cấp công trình	Số tầng	Năm HT xây dựng	Thời hạn sở hữu
Nhà làm việc	225,6	419,1	Tường gạch, nền gạch hoa, mái tole	4	2	"-/-"	"-/-"
Kho thành phẩm	2.326,5	2.326,5	Khung kèo sắt, nền bê tông, mái tole	4	1	"-/-"	"-/-"
Xưởng cơ khí	61,8	61,8	Khung kèo sắt, nền gạch hoa, mái tole	4	1	"-/-"	"-/-"
Nhà vệ sinh	46,5	46,5	Tường gạch, mái bê tông, nền gạch hoa	4	1	"-/-"	"-/-"
Nhà xưởng (khu A)	11.533,6	11.533,6	Khung kèo sắt, nền xi măng, mái tole	4	1	"-/-"	"-/-"
Xưởng cửa CD	937,2	937,2	Khung kèo sắt, nền xi măng, mái tole	4	1	"-/-"	"-/-"
Nhà xưởng (khu B)	4.300,9	4.300,9	Khung kèo sắt, nền xi măng, mái tole	4	1	"-/-"	"-/-"
Lò sấy	3.916,8	3.916,8	Khung kèo sắt, nền xi măng, mái tole	4	1	"-/-"	"-/-"
Nhà bảo vệ 1+2	40,0	40,0	Tường gạch, nền gạch hoa, mái tole	4	1	"-/-"	"-/-"
Lò hút bụi	162,1	162,1	Tường gạch, nền xi măng	4	1	"-/-"	"-/-"

4. Rừng sản xuất là rừng trồng:

5. Cây lâu năm:

6. Ghi chú:

Không.

Bình Định, ngày 31 tháng 8 năm 2012

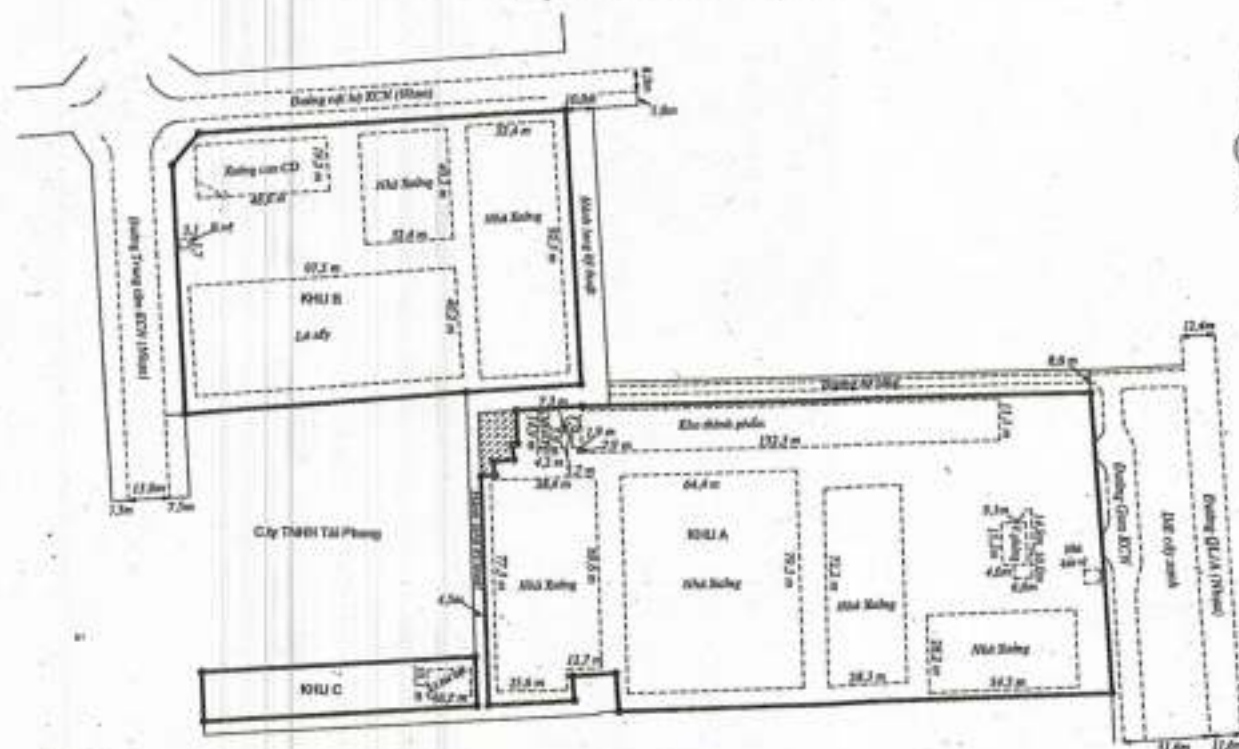
TM. ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH ĐỊNH

TU. CHỦ TỊCH

GIÁM ĐỐC SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG

Trần Thái Nga

III. Sơ đồ thửa đất, nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất



Ghi chú:

- ☐ Ranh giới thuê đất
☐ Công trình xây dựng trên đất thuê

IV. Những thay đổi sau khi cấp giấy chứng nhận

Nội dung thay đổi và cơ sở pháp lý	Xác nhận của cơ quan có thẩm quyền
Góp vốn bằng tài sản gắn liền với đất với Công ty TNHH Hoàng Anh Quy Nhơn, giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: 4101435124 địa chỉ: Lô B33, B34 và B38 KCN Phú Tài, phường Trần Quang Diệu, thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định, theo hồ sơ số 002152.GP.001/ CHỨNG THỰC BẢN SAO DỰNG VỚI BẢN CHÍNH SỔ CT: 302-7 Quyển số: Q/150CT/15 Ngày 08 tháng 10 năm 2015 PHÓ CHỦ TỊCH TRẦN SƠN BÌNH	03/10/2015 GIÁM ĐỐC Nguyễn Hiền

ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH BÌNH ĐỊNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập - Tự Do - Hạnh Phúc

Số : 2005/QĐ-UB

Quy Nhơn, ngày 29 tháng 6 năm 1998

QUYẾT ĐỊNH CỦA UBND TỈNH BÌNH ĐỊNH

V/v giao địa điểm cho Công ty trách nhiệm hữu hạn Hoàng Anh để triển khai phương án đền bù và lập dự án đầu tư xây dựng nhà máy chế biến lâm sản xuất khẩu.



ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH ĐỊNH

- Căn cứ Luật tổ chức HĐND và UBND (sửa đổi) ngày 21-6-1994;
- Căn cứ Luật Đất đai ngày 14-7-1993;
- Căn cứ Nghị định 42/CP ngày 16-7-1996 của Chính phủ về việc ban hành Điều lệ quản lý đầu tư và xây dựng; Nghị định 22/1998/NĐ-CP ngày 24-4-1998 của Chính phủ về việc đền bù thiệt hại khi bị Nhà nước thu hồi đất để sử dụng vào mục đích quốc phòng, an ninh, lợi ích quốc gia, lợi ích công cộng;
- Xét đơn xin thuê đất của Công ty TNHH Hoàng Anh ;
- Theo đề nghị của Ban chuẩn bị dự án các khu công nghiệp tại công văn số 58/KCN ngày 12-6-1998 và của Sở Địa chính tại tờ trình số : 537/TT-ĐC ngày 25 tháng 6 năm 1998;

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1 : Nay giao địa điểm 20.128m² đất (lôB 3) tại thửa đất 01, tờ bản đồ số 44 phường Trần Quang Diệu, thành phố Quy Nhơn (thuộc khu quy hoạch công nghiệp Phú Tài) cho Công ty TNHH Hoàng Anh để triển khai lập phương án đền bù thiệt hại giải phóng mặt bằng và lập dự án đầu tư xây dựng nhà máy chế biến lâm sản xuất khẩu.

Kích thước : Chiều dài phía nam 176m, phía bắc 174m;

Chiều rộng phía đông 112m, phía tây 100,5m.

Giới hạn khu đất :

- Đông giáp : Quốc lộ 1A (cách chỉ giới Quốc lộ 1A là 16,5m);

- Nam giáp : Lô đất số B 2;

- Bắc giáp : Lô đất số B 4;

(Kèm theo bản đồ phân lô khu công nghiệp Phú Tài tỷ lệ 1/1000 do Ban chuẩn bị dự án các khu công nghiệp lập).

Thời hạn giao địa điểm là 45 ngày kể từ ngày ký quyết định . Quá thời hạn trên quyết định này không có hiệu lực thi hành

Điều 2 : Căn cứ Điều 1 quyết định này :

1- Công ty TNHH Hoàng Anh phải tiến hành các bước lập dự án đầu tư, thiết kế tổng mặt bằng trình cấp có thẩm quyền phê duyệt và lập các hồ sơ xin thuê đất theo quy định của pháp luật.

2- Giao Sở Tài chính -Vật giá chủ trì phối hợp với Sở Địa chính, Sở Xây dựng , Ban chuẩn bị dự án các khu công nghiệp, UBND thành phố Quy Nhơn , Công ty xây dựng phát triển đô thị (đơn vị được giao trách nhiệm xây dựng cơ sở hạ tầng kỹ thuật tại khu công nghiệp Phú Tài), đơn vị được giao địa điểm lập phương án đền bù thiệt hại giải phóng mặt bằng trình UBND tỉnh phê duyệt và tổ chức thực hiện đền bù thiệt hại giải phóng mặt bằng theo phương án đã được phê duyệt .

Điều 3 : Chánh văn phòng UBND tỉnh , Giám đốc các Sở: Địa chính , Tài chính - Vật giá, Xây dựng, Trưởng Ban chuẩn bị dự án các khu công nghiệp, Thủ trưởng các Sở, Ngành liên quan, Chủ tịch UBND thành phố Quy Nhơn , Chủ tịch UBND phường Trần Quang Diệu và Giám đốc Công ty TNHH Hoàng Anh chịu trách nhiệm thi hành quyết định này./.

Nơi nhận :

- Như Điều 3

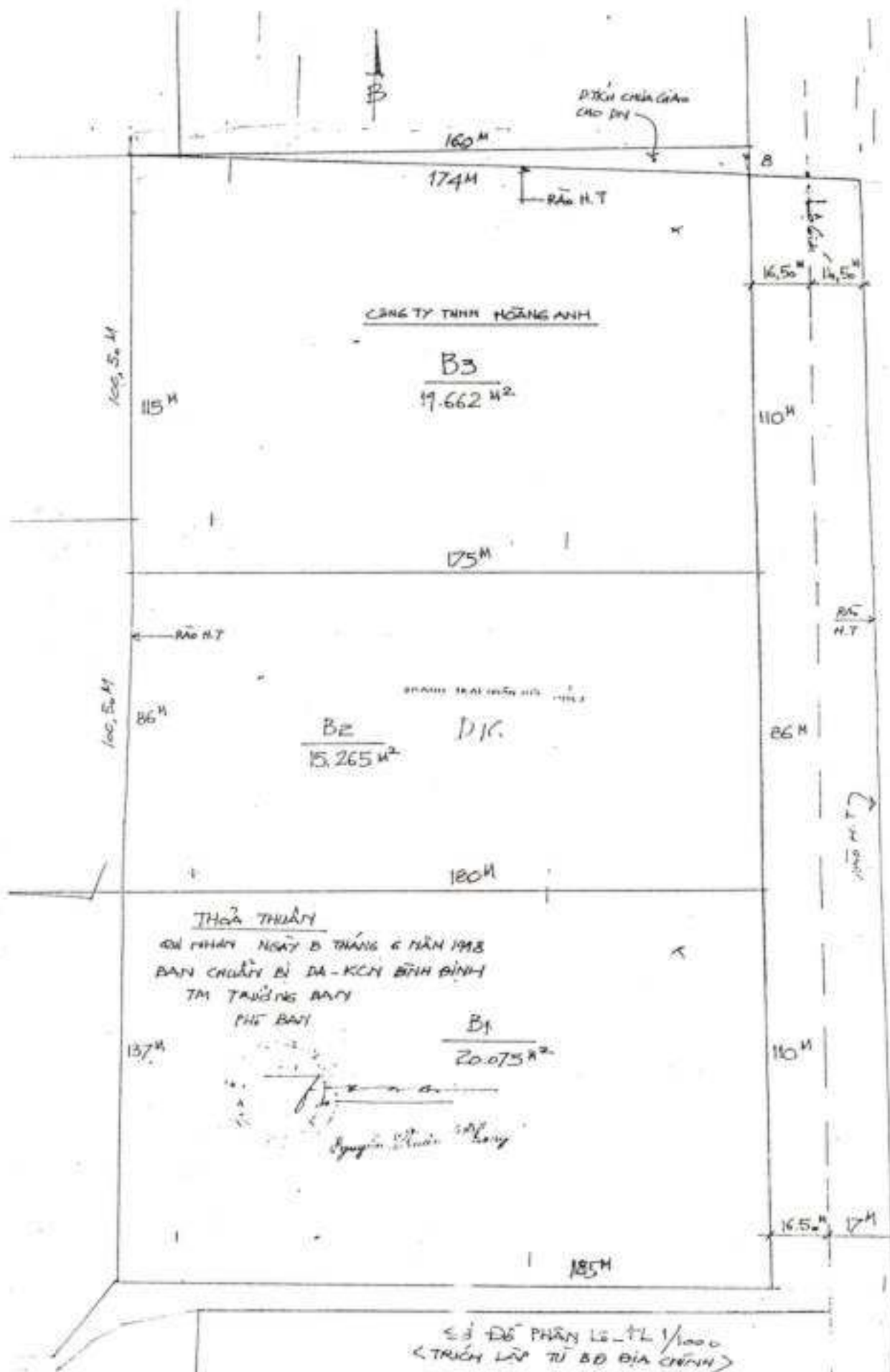
- Lưu VP, K7

TM/ ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH ĐỊNH



K.T. CHỦ TỊCH
CHỖ CHỮ CHỮ

SỞ TÀI CHÍNH



Author: 1072594 and 1072595

TRÍCH LỤC BẢN ĐỒ ĐỊA CHÍNH
KHU ĐẤT CÔNG TY TNHH HOÀNG ANH THUÊ
ĐỂ XÂY DỰNG NHÀ MÁY CHẾ BIẾN NÔNG LÂM SẢN XUẤT KHẨU
TẠI PHƯỜNG TRẦN QUANG DIỆU - THÀNH PHỐ QUY NHƠN
TỶ LỆ 1/1.000



Thửa đất số : 1
 ở bản đồ số : 44
 Diện tích : 19.622,59m²

NGƯỜI THỰC HIỆN

NGƯỜI TRÍCH LỤC

Quy Nhơn, ngày 25 tháng 7 năm 1998
 BAN CHUẨN BỊ DỰ ÁN CÁC KHU C.N

Quy Nhơn, ngày 19 tháng 8 năm 1998
 SỞ ĐỊA CHÍNH TỈNH BÌNH ĐỊNH

(Signature)

(Signature)

(Signature)



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc



HỢP ĐỒNG

Về việc thuê lại đất gắn kết cầu hạ tầng tại KCN Phú Tài

Số: 11/2015/HĐ-TLD-A

Đơn vị: CÔNG TY TNHH HOÀNG ANH QUY NHƠN



Quy Nhơn, ngày 23/9/2015



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

SỐ : 11 /2015/HĐ-TLĐ-A

Quy Nhơn, ngày 23 tháng 9 năm 2015

HỢP ĐỒNG

**Về việc thuê lại đất gắn kết cấu hạ tầng của
Công ty TNHH Hoàng Anh Quy Nhơn tại KCN Phú Tài.**

I. CÁC CĂN CỨ ĐỂ KÝ HỢP ĐỒNG:

Căn cứ Luật Dân sự số 33/2005/QH11 ngày 14/6/2005;

Căn cứ Luật Đất đai năm 2013 và các Nghị định, Thông tư, Văn bản hướng dẫn thi hành;

Căn cứ Quyết định số 1471/QĐ-CTUBND ngày 12/7/2010 của Chủ tịch UBND tỉnh Bình Định về việc phê duyệt đồ án điều chỉnh Quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/2000, công trình KCN Phú Tài, thành phố Quy Nhơn;

Căn cứ Quyết định số 2191/QĐ-CTUBND ngày 29/9/2011 của Chủ tịch UBND tỉnh Bình Định về việc phê duyệt điều chỉnh, bổ sung dự án đầu tư xây dựng công trình Đầu tư xây dựng và kinh doanh hạ tầng KCN Phú Tài;

Căn cứ Quyết định số 1580/QĐ-CTUBND ngày 21/7/2010 của Chủ tịch UBND tỉnh Bình Định về việc quy định phương thức thu tiền cho thuê sử dụng kết cấu hạ tầng tại KCN Phú Tài và Long Mỹ (giai đoạn I);

Căn cứ Hợp đồng thuê đất số 25-2004/HĐ-TĐ ngày 07/6/2004, Hợp đồng thuê đất bổ sung số 159/2006/HĐ-TĐ ngày 03/11/2006 và Hợp đồng thuê đất số 128-2007/HĐ-TĐ ngày 12/9/2007 giữa Công ty Phát triển hạ tầng các KCN (nay là Công ty cổ phần Đầu tư và Xây dựng Bình Định) với Sở Tài nguyên và Môi trường về thuê đất để đầu tư xây dựng KCN Phú Tài giai đoạn I, II, III;

Căn cứ Văn bản số 1926/BQL-QLĐT ngày 10/9/2015 của Ban Quản lý Khu kinh tế Bình Định về việc chuyển đổi chủ đầu tư Dự án Nhà máy chế biến gỗ tại lô B33, B34, B38, KCN Phú Tài.

II- CÁC BÊN KÝ HỢP ĐỒNG:

1. Bên cho thuê lại đất (Gọi tắt là Bên A):

Đơn vị : **CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG BÌNH ĐỊNH.**
Đại diện : Ông **Vương Phiêu Linh** Chức vụ : Giám đốc
Địa chỉ : 338 Lạc Long Quân, P. Trần Quang Diệu, TP Quy Nhơn
Điện thoại : (056) 3841517 - 3841466 Fax : (056) 3741338
Số tài khoản : 581 100000 26723 tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển

Việt Nam - Chi nhánh Phú Tài.

Mã số thuế : 4101 137 456

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 4101 137 456 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Định cấp ngày 01/9/2010 và thay đổi lần thứ nhất ngày 15/11/2011.

2. Bên thuê lại đất (Gọi tắt là Bên B):

Đơn vị : **CÔNG TY TNHH HOÀNG ANH QUY NHƠN**

Đại diện : Bà: **Đoàn Thị Nguyễn Vinh** Chức vụ: Giám đốc

Địa chỉ : **Lô B33, B34, B38, KCN Phú Tài, T.p Quy Nhơn, tỉnh Bình Định.**

Mã số thuế : 4101435124

Điện thoại : 056. 2211303

Fax : 056. 3841992

Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4101435124 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Định cấp ngày 03/12/2014.

III- NỘI DUNG HỢP ĐỒNG:

Hai Bên đồng ý ký kết Hợp đồng về thuê lại đất gắn kết cấu hạ tầng tại KCN Phú Tài, với các điều khoản sau:

**ĐIỀU 1
QUYỀN SỬ DỤNG ĐẤT THUÊ LẠI**

Bên A đồng ý cho Bên B thuê lại lô đất như sau:

- Tên lô đất: Ký hiệu lô B33; B34; B38.

- Địa chỉ lô đất: Tại KCN Phú Tài thuộc phường Trần Quang Diệu, thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định.

- Vị trí lô đất thuê lại được xác định theo Sơ đồ mặt bằng lô đất B33; B34; B38 do Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Bình Định và Công ty TNHH Hoàng Anh Quy Nhơn ký xác nhận ngày 21/9/2015. Sơ đồ trích lục này là một phần không thể tách rời của Hợp đồng.

- Diện tích: 41.088,7 m² (Bốn mươi một nghìn, không trăm tám mươi tám phẩy bảy mét vuông).

Trong quá trình thực hiện hợp đồng, nếu diện tích đất thay đổi theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của cấp có thẩm quyền, thì hai bên ký hợp đồng bổ sung, điều chỉnh diện tích đất thay đổi cho phù hợp.

- Hình thức sử dụng:

+ Sử dụng riêng: 41.088,7 m².

+ Sử dụng chung: Không.

- Nguồn gốc sử dụng: Nhà nước cho Bên A thuê đất và Bên A cho Bên B thuê lại đất gắn kết cấu hạ tầng có trả tiền thuê lại đất và tiền thuê sử dụng kết cấu hạ tầng KCN Phú Tài.

Những hạn chế về quyền sử dụng đất: Việc xây dựng các công trình trên lô đất thuê lại phải phù hợp với mục đích sử dụng, phù hợp với Giấy chứng nhận đầu tư của Bên B.

ĐIỀU 2 THỜI HẠN THUÊ LẠI ĐẤT

Thời hạn thuê lại đất gắn kết cấu hạ tầng KCN được tính từ ngày 10/9/2015 (ngày chấp thuận chủ trương đầu tư) đến hết ngày 31/12/2048.

ĐIỀU 3 MỤC ĐÍCH THUÊ LẠI ĐẤT

Bên B thuê lại đất gắn kết cấu hạ tầng KCN để xây dựng Nhà máy chế biến lâm sản xuất khẩu và tiêu thụ nội địa.

ĐIỀU 4 GIÁ THUÊ LẠI VÀ PHƯƠNG THỨC THANH TOÁN

1- Thời điểm tính tiền thuê lại đất gắn kết cấu hạ tầng KCN: Tính từ ngày 16/9/2015 (nối tiếp ngày tính tiền theo Biên bản thanh lý hợp đồng thuê lại đất giữa Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Bình Định với Chi nhánh Công ty CP Gỗ Hoàng Anh Gia Lai - Nhà máy gỗ Hoàng Anh Quy Nhơn lập ngày 04/9/2015).

2- Giá thuê lại đất gắn kết cấu hạ tầng nêu tại Điều 1 của Hợp đồng này được tính như sau:

a) Tiền thuê đất thô:

Từ ngày 16/9/2015 trở đi thanh toán theo giá: 2.400 đ/m²/năm (Hai nghìn, bốn trăm đồng).

(Theo giá đất được Sở Tài chính tỉnh Bình Định phê duyệt tại Quyết định số 1837/QĐ-STC-VG ngày 16/7/2013).

Tiền thuê đất thô sẽ được điều chỉnh theo từng thời điểm khi có sự điều chỉnh của cấp thẩm quyền.

b) Giá cho thuê sử dụng kết cấu hạ tầng KCN: 0,3 USD/m²/năm (Không phải ba đô la Mỹ).

Giá cho thuê lại đất gắn kết cấu hạ tầng KCN không bao gồm: chi phí mua điện, mua nước, dịch vụ xử lý nước thải, các dịch vụ khác trong KCN mà doanh nghiệp phải trả để phục vụ sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp. Trong quá trình thực hiện hợp đồng, hai Bên sẽ chịu sự điều chỉnh giá cho thuê kết cấu hạ tầng KCN và phương thức thanh toán theo Quyết định của cấp có thẩm quyền.

3- Phương thức và Hình thức thanh toán:

a) Phương thức thanh toán:

* Tiền thuê đất thô:

- Tiền thuê đất thô thanh toán hàng năm, Bên B thanh toán trước ngày 30 tháng 6 hàng năm, Riêng tiền đất thô năm 2015, Bên B thanh toán trước ngày 25/12/2015. Nếu Bên B chậm thanh toán thì phải trả tiền lãi với lãi suất 1,5%/tháng (lãi suất tính trên tổng số tiền Bên B chưa thanh toán bằng tiền Việt Nam đồng). Thời gian Bên B thanh toán chậm nhất không quá 06 (sáu) tháng.

* Tiền thuê sử dụng kết cấu hạ tầng:
- Tiền thuê sử dụng kết cấu hạ tầng 17 năm (từ ngày 16/9/2015 đến ngày 15/9/2032): Bên B đã thanh toán xong.

- Bên B thanh toán tiền thuê sử dụng kết cấu hạ tầng 50% còn lại của thời gian thực dự án (từ ngày 16/9/2032 đến 31/12/2048) trong vòng 03 năm tiếp theo, thanh toán theo tỷ lệ năm thứ nhất 15%, năm thứ hai 20% và năm thứ ba 15%, thời hạn thanh toán như sau:

+ Năm thứ nhất trước ngày 30/6/2016.

+ Năm thứ hai trước ngày 30/6/2017.

+ Năm thứ ba trước ngày 30/6/2018.

Bên B không được trả chậm sang năm sau. Trường hợp chậm trả thì phải thanh toán theo giá điều chỉnh được quy định tại Quyết định số 1580/QĐ-CTUBND ngày 21/7/2010 của Chủ tịch UBND tỉnh Bình Định về việc quy định phương thức thu tiền thuê sử dụng kết cấu hạ tầng tại KCN Phú Tài và Long Mỹ.

b) Hình thức thanh toán:

- Bên B thanh toán bằng tiền mặt hoặc chuyển khoản.

- Bên B thanh toán tiền thuê lại đất gắn kết cấu hạ tầng KCN, kể cả tiền lãi (nếu có) bằng tiền Việt Nam đồng (VND). Tỷ giá ngoại tệ (USD) được quy đổi ra tiền Việt Nam đồng (VND), theo tỷ giá ngoại tệ bán ra của Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Phú Tài tại thời điểm Bên B thanh toán.

4- Nơi nộp tiền thuê lại đất gắn kết cấu hạ tầng: Tại Văn phòng Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Bình Định hoặc chuyển vào tài khoản của Bên A theo Hợp đồng này.

5- Việc giao và nhận tiền nêu tại Khoản 2 và Khoản 3 của Điều này do hai bên tự thực hiện và chịu trách nhiệm trước pháp luật.

ĐIỀU 5 NGHĨA VỤ VÀ QUYỀN CỦA BÊN A

1. Bên A có các nghĩa vụ sau đây:

- Lập hợp đồng điều chỉnh, bổ sung cho thuê lại lô đất nêu tại Điều 1 của Hợp đồng này (nếu có);

- Giao lô đất nêu tại Điều 1 của Hợp đồng này cho bên B khi đã đảm bảo đủ các điều kiện;

- Kiểm tra, giám sát Bên B trong việc sử dụng đất theo Giấy chứng nhận đầu tư, thực hiện Quy hoạch master plan tổng thể và Giấy xác nhận bản cam kết bảo vệ môi trường được cơ quan cấp thẩm quyền phê duyệt;

2. Bên A có các quyền sau đây:

- Yêu cầu Bên B trả đủ, đúng hạn tiền thuê lại đất gắn kết cấu hạ tầng KCN tại Khoản 3 Điều 4 của Hợp đồng này;

- Yêu cầu Bên B chấm dứt ngay việc sử dụng đất không đúng mục đích, hủy hoại đất hoặc làm giảm sút giá trị của đất;

Nếu Bên B không thực hiện việc thanh toán tiền thuê lại đất gắn kết cấu hạ tầng quy định tại Khoản 3, điều 4 của hợp đồng này hoặc không chấm dứt các vi phạm nêu trên, thì bên A có quyền đơn phương chấm dứt hợp đồng này và yêu cầu bên B hoàn trả đất và bồi thường thiệt hại;

- Yêu cầu Bên B trả lại đất, khi thời hạn cho thuê lại đất đã hết;
- Sau thời gian quy định tại Khoản 3 Điều 4 của Hợp đồng này mà Bên B vẫn không thanh toán tiền thuê lại đất gắn kết cấu hạ tầng KCN thì Bên A được quyền: Đăng tải thông tin Bên B còn nợ tiền thuê lại đất gắn kết cấu hạ tầng lên bản tin, website của Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh Bình Định hoặc của Bên A và trên các phương tiện thông tin đại chúng; nhờ các Ngân hàng thương mại Việt Nam nơi Bên B giao dịch thu hộ; Đề nghị cơ quan cấp thẩm quyền thu hồi địa điểm, Giấy chứng nhận đầu tư của Bên B đối với lô đất nêu tại điều 1 của Hợp đồng này để giao cho doanh nghiệp khác có nhu cầu thuê lại; nhờ cơ quan có thẩm quyền của Nhà nước Việt Nam áp dụng các biện pháp chế tài khác để thu nợ; đồng thời từ chối việc cung cấp dịch vụ về hạ tầng cho Bên B.

ĐIỀU 6 NGHĨA VỤ VÀ QUYỀN CỦA BÊN B

1. Bên B có các nghĩa vụ sau đây:
 - Sử dụng đất đúng mục đích, đúng thời hạn thuê lại đất;
 - Không được huỷ hoại, làm giảm sút giá trị sử dụng của đất thuê lại;
 - Trả đủ, đúng hạn tiền thuê lại đất gắn kết cấu hạ tầng KCN theo quy định tại Khoản 3 Điều 4 của Hợp đồng này;
 - Sử dụng đất đúng theo Giấy chứng nhận đầu tư, Quy hoạch mặt bằng tổng thể và Giấy xác nhận bản cam kết bảo vệ môi trường được cơ quan cấp thẩm quyền phê duyệt;
 - Tuân theo các quy định về bảo vệ môi trường; không được làm tổn hại đến quyền, lợi ích của người sử dụng đất xung quanh;
 - Không được cho người khác thuê lại đất gắn kết cấu hạ tầng KCN nếu không được Bên A đồng ý bằng văn bản.
 - Trả lại đất sau khi hết thời hạn thuê lại đất;
 - Bên B không được phép chuyển nhượng Quyền sử dụng đất dưới bất kỳ hình thức nào;
 - Khi phát hiện tài nguyên trong lòng đất tại vị trí được thuê lại đất, thì Bên B giữ nguyên hiện trạng và thông báo cho Bên A biết để báo cáo cho cấp thẩm quyền xử lý theo quy định;
 - Có trách nhiệm tạo điều kiện tốt nhất để Bên A thực hiện quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Điều 5 của Hợp đồng này.

2. Bên B có các quyền sau đây:

- Yêu cầu Bên A xác định vị trí và giao đất đã thoả thuận;
- Được sử dụng đất ổn định theo thời hạn thuê lại đất đã thoả thuận;

ĐIỀU 7 PHƯƠNG THỨC GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP

Luật áp dụng trong Hợp đồng thuê lại đất gắn kết cấu hạ tầng Khu công nghiệp này là Bộ luật dân sự Việt Nam. Trong quá trình thực hiện Hợp đồng này, nếu phát sinh tranh chấp, các bên cùng nhau thương lượng giải quyết trên nguyên tắc tôn trọng quyền lợi của nhau; trong trường hợp không thương lượng được thì một trong hai bên

có quyền khởi kiện để yêu cầu Tòa án nhân dân thành phố Quy Nhơn giải quyết theo quy định của pháp luật.

ĐIỀU 8 CAM KẾT CỦA CÁC BÊN

Bên A và Bên B chịu trách nhiệm trước pháp luật về những lời cam kết sau đây:

1. Bên A cam kết

1.1. Lô đất nêu tại điều 1 của Hợp đồng này thuộc trường hợp được cho thuê lại đất gắn kết cấu hạ tầng KCN theo quy định của pháp luật;

1.2. Tại thời điểm giao kết Hợp đồng này: Lô đất nêu tại điều 1 của Hợp đồng này sử dụng đúng phân khu chức năng theo quy hoạch chi tiết của KCN đã được cấp thẩm quyền phê duyệt;

1.3 Thực hiện đúng và đầy đủ tất cả các thoả thuận đã ghi trong Hợp đồng này.

2. Bên B cam kết

2.1. Bảo đảm đầy đủ tư cách pháp nhân và người đại diện ký hợp đồng này đúng theo quy định của pháp luật;

2.2. Đã xem xét kỹ, biết rõ về lô đất nêu tại Điều 1 của Hợp đồng này;

2.3. Thực hiện đúng và đầy đủ các thoả thuận đã ghi trong Hợp đồng này.

ĐIỀU 9 THỎA THUẬN KHÁC

1- Trường hợp Bên B bị phân chia, sáp nhập, phá sản, bị cưỡng chế thi hành án hoặc chuyển nhượng tài sản; hợp đồng với tổ chức, cá nhân khác, tạo nên pháp nhân mới thì chủ sở hữu mới phải làm lại thủ tục thuê lại đất gắn kết cấu hạ tầng KCN trên cơ sở đã thanh lý Hợp đồng này.

2- Trong thời gian hợp đồng có hiệu lực, nếu Bên B muốn trả lại lô đất thuê lại nêu tại Điều 1 của Hợp đồng này trước thời hạn thì phải thông báo bằng văn bản cho Bên A biết trước ít nhất là 6 tháng. Trong thời gian 3 tháng kể từ ngày nhận được đề nghị của Bên B, Bên A sẽ trả lời chính thức và thực hiện thanh lý hợp đồng với Bên B. Thời điểm thanh lý hợp đồng được tính đến khi Bên B hoàn tất việc trả lại mặt bằng cho Bên A. Mọi tài sản của Bên B có trên đất thuê khi trả lại không thuộc trách nhiệm của Bên A.

3- Trong quá trình thực hiện hợp đồng, Bên B được sử dụng và trả tiền các dịch vụ tiện ích có sẵn tại KCN cho Bên A hoặc các đơn vị kinh doanh chuyên ngành cung cấp như: điện, nước, viễn thông,....

4- Bên B có trách nhiệm xử lý chất thải phát sinh từ các hoạt động sản xuất của doanh nghiệp đạt tiêu chuẩn cho phép trước khi thải ra môi trường theo quy định, đối với nước thải sản xuất và nước thải sinh hoạt phát sinh từ các hoạt động sản xuất của doanh nghiệp thì doanh nghiệp phải xây dựng Trạm xử lý nước thải cục bộ xử lý nước thải đạt cấp độ do cấp thẩm quyền quy định trước khi đầu nối vào Hệ thống xử lý nước thải tập trung tại khu công nghiệp theo Hợp đồng thu gom xử lý nước thải sản xuất và nước thải sinh hoạt với Bên A. Nếu cốt nền của trạm xử lý nước thải cục bộ của Bên B thấp hơn cốt điểm đầu nối vào Hệ thống thu gom nước thải tập trung KCN, thì Bên B có biện pháp bơm đẩy vào bể đối chứng nước thải của Bên B và chảy tràn vào điểm đầu nối bằng kinh phí của bên B.

5- Bên B phải xây dựng riêng biệt Hệ thống thoát nước mưa và Hệ thống thoát nước thải trong mặt bằng doanh nghiệp.

ĐIỀU 10

CHẤM DỨT HỢP ĐỒNG

Hợp đồng này hết hiệu lực trong các trường hợp sau đây:

- Hết thời hạn thuê lại đất theo quy định tại Điều 2 của Hợp đồng này mà hai bên không thỏa thuận về việc gia hạn tiếp tục cho thuê và thuê lại.
- Một trong hai bên vi phạm nghiêm trọng các điều khoản của hợp đồng, ảnh hưởng đến quyền lợi của Bên kia mà không thể giải quyết bằng thương lượng.
- Bên B bị giải thể trước thời hạn, bị phá sản hoặc bị cưỡng chế thi hành án
- Bên B bị cấp thẩm quyền thu hồi địa điểm lô đất nêu tại Điều 1 của Hợp đồng này hoặc thu hồi Giấy chứng nhận đầu tư vào KCN trước thời hạn.
- Hai Bên cùng thống nhất thanh lý hợp đồng trước thời hạn.

ĐIỀU 11

ĐIỀU KHOẢN CUỐI CÙNG

Tất cả các trường hợp khác không được quy định trong Hợp đồng này, sẽ được áp dụng theo các quy định của pháp luật hiện hành, các văn bản pháp lý liên quan đến khu công nghiệp nói chung và KCN Phú Tài nói riêng.

Khi cấp thẩm quyền có chính sách mới về giá, cơ chế thu tiền cho thuê lại đất, bổ sung phí duy tu bảo dưỡng hạ tầng KCN... áp dụng cho khu công nghiệp làm ảnh hưởng đến hợp đồng này thì hai bên sẽ thực hiện theo chính sách đó và ký Hợp đồng bổ sung cho phù hợp.

Hai bên đã hiểu rõ quyền, nghĩa vụ, lợi ích hợp pháp của mình và hậu quả pháp lý của việc giao kết Hợp đồng này.

Hợp đồng thuê lại đất gắn kết cấu hạ tầng KCN được lập thành 05 bản, Bên A giữ 02 bản, Bên B giữ 01 bản, đồng gửi Sở Tài nguyên & Môi trường, Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh Bình Định.



GIÁM ĐỐC

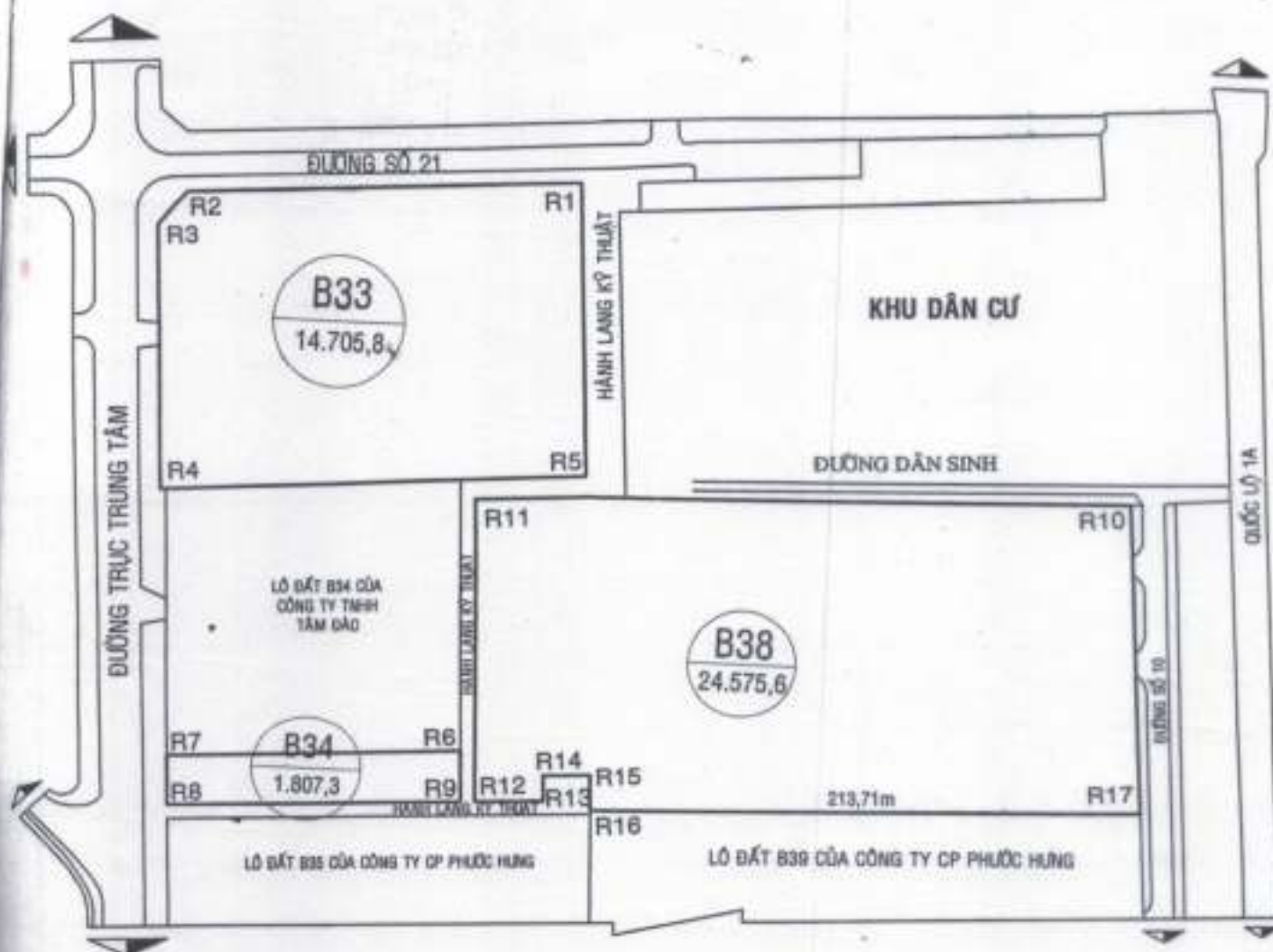
Vương Phiêu Linh



GIÁM ĐỐC

Đoàn Thị Nguyễn Vinh

KHU CÔNG NGHIỆP PHÚ TÀI
SƠ ĐỒ MẶT BẰNG LÔ ĐẤT B33; B34; B38 CỦA CÔNG TY TNHH HOÀNG ANH QUY NHƠN.



THUYẾT MINH:

- SƠ ĐỒ MẶT BẰNG LÔ ĐẤT B33; MỘT PHẦN LÔ ĐẤT B34 VÀ LÔ ĐẤT B38, DIỆN TÍCH: $S = S_{R1R2R3R4R5} + S_{R6R7R8R9} + S_{R10R11R12R13R14R15R16R17} = 14.705,8 + 1.807,3 + 24.575,6 = 41.088,7 \text{ m}^2$, ĐƯỢC GIỚI HẠN BỞI CÁC CỌC MỐC: R1, R2, R3, R4, R5; R6, R7, R8, R9 VÀ R10, R11, R12, R13, R14, R15, R16, R17.

- GIỚI CẬN LÔ ĐẤT:

- + PHÍA ĐÔNG GIÁP HÀNH LANG KỸ THUẬT VÀ ĐƯỜNG SỐ 10 KCN PHÚ TÀI.
- + PHÍA TÂY GIÁP ĐƯỜNG TRỤC TRUNG TÂM VÀ HÀNH LANG KỸ THUẬT.
- + PHÍA NAM GIÁP CÔNG TY TNHH TÂM ĐẢO, HÀNH LANG KỸ THUẬT VÀ CÔNG TY CP PHƯỚC HƯNG.
- + PHÍA BẮC GIÁP ĐƯỜNG SỐ 21, CÔNG TY TNHH TÂM ĐẢO VÀ ĐƯỜNG DẪN SINH.

- ĐẦU NÓI KỸ THUẬT:

SỬ DỤNG HẠ TẦNG CÓ SẴN CỦA DOANH NGHIỆP.

CÔNG TY TNHH HOÀNG ANH QUY NHƠN



GIÁM ĐỐC

QUY NHƠN, NGÀY 28 THÁNG 8 NĂM 2015

CÔNG TY CP ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG BÌNH ĐỊNH



GIÁM ĐỐC

LỜI CHỨNG CỦA CÔNG CHỨNG VIÊN

Hôm nay, ngày 23 tháng 9 năm 2015 (ngày hai mươi ba tháng chín năm hai nghìn mười lăm), tại Văn phòng Công chứng Thanh Bình, số nhà 284 đường Trần Hưng Đạo, thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định, tôi Lê Thị Cẩm Nhung....., Công chứng viên, Văn phòng Công chứng Thanh Bình, thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định.

CÔNG CHỨNG:

- Hợp đồng thuê lại đất gắn liền kết cấu hạ tầng của Công ty TNHH Hoàng Anh Quy Nhơn tại KCN Phú Tài được giao kết giữa:

Bên cho thuê lại đất:

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG BÌNH ĐỊNH

Địa chỉ: 338 Lạc Long Quân, phường Trần Quang Diệu, thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định.

Đại diện là ông : **VƯƠNG PHIÊU LINH**

Chức vụ : Giám đốc

Bên thuê lại đất:

CÔNG TY TNHH HOÀNG ANH QUY NHƠN

Địa chỉ: lô B33, B34, B38, KCN Phú Tài, thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định.

Đại diện là bà : **ĐOÀN THỊ NGUYỄN VINH**

Chức vụ : Giám đốc

- Các bên đã tự nguyện thỏa thuận giao kết hợp đồng này;
- Tại thời điểm công chứng, các bên giao kết hợp đồng có năng lực hành vi dân sự theo quy định của pháp luật;
- Mục đích, nội dung của hợp đồng không vi phạm pháp luật, không trái đạo đức xã hội;
- Các bên giao kết đã đọc lại toàn bộ dự thảo hợp đồng này, đồng ý toàn bộ nội dung dự thảo hợp đồng, đã ký vào hợp đồng này trước mặt tôi;

- Hợp đồng này được làm thành 5 bản chính (mỗi bản chính gồm 9 tờ 9 trang), có giá trị pháp lý như nhau, giao cho:

- + Bên cho thuê lại đất 01 bản chính;
- + Bên thuê lại đất 01 bản chính;
- + Sở Tài nguyên và Môi trường, Ban quản lý Khu kinh tế tỉnh Bình Định mỗi bên giữ 01 bản chính.

Lưu tại Văn phòng Công chứng Thanh Bình thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định một bản chính.

Số công chứng 4293 quyền số 02TP/CC - SCC/HDGD.

CHUNG THỰC BẢN SAO ĐÚNG VỚI BẢN CHÍNH
Số CT: 63H Quyền số 4293 SCT/BS
Ngày 28 tháng 9 năm 2015
PHÓ CHỦ TỊCH

CÔNG CHỨNG VIÊN



Số: 66 /GXN-BQL

Bình Định, ngày 11 tháng 01 năm 2013

**GIẤY XÁC NHẬN ĐĂNG KÝ
ĐỀ ÁN BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐƠN GIẢN**

**Dự án Nhà máy chế biến lâm sản xuất khẩu của Chi nhánh Công ty CP Gỗ
Hoàng Anh Gia Lai – Nhà máy gỗ Hoàng Anh Quy Nhơn tại Lô A29
(Lô B3 cũ) - Khu công nghiệp Phú Tài**

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 29/11/2005;

Căn cứ Nghị định số 29/2008/NĐ-CP ngày 14/3/2008 của Chính phủ quy định về Khu công nghiệp, Khu chế xuất và Khu kinh tế;

Căn cứ Nghị định số 29/2011/NĐ-CP ngày 18/4/2011 của Chính phủ quy định về đánh giá môi trường chiến lược, đánh giá tác động môi trường, cam kết bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 01/2012/TT-BTNMT ngày 16/3/2012 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về lập, thẩm định, phê duyệt và kiểm tra, xác nhận việc thực hiện đề án bảo vệ môi trường chi tiết, lập và đăng ký đề án bảo vệ môi trường đơn giản;

Căn cứ Quyết định số 493/QĐ-UBND ngày 09/7/2009 của UBND tỉnh về ban hành quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh Bình Định;

Căn cứ Văn bản số 3013/UBND-KTN ngày 10/8/2012 của UBND tỉnh Bình Định về việc tháo gỡ vướng mắc trong thực hiện Thông tư số 01/2012/TT-BTNMT;

Căn cứ Văn bản số 4637/UBND-KTN ngày 28/11/2012 của UBND tỉnh về việc gia hạn xử lý các doanh nghiệp thiếu hồ sơ môi trường.

Xét nội dung Đề án bảo vệ môi trường đơn giản của dự án Nhà máy chế biến lâm sản xuất khẩu kèm theo Văn bản số 06CV/HA-2012 ngày 25/12/2012 của Chi nhánh Công ty CP Gỗ Hoàng Anh Gia Lai - Nhà máy Gỗ Hoàng Anh Quy Nhơn về việc đề nghị xác nhận đăng ký đề án bảo vệ môi trường đơn giản của dự án Nhà máy chế biến lâm sản xuất khẩu,

**BAN QUẢN LÝ KHU KINH TẾ TỈNH BÌNH ĐỊNH
XÁC NHẬN:**

Điều 1. Bản đề án bảo vệ môi trường đơn giản (sau đây gọi là Đề án) của dự án Nhà máy chế biến lâm sản xuất khẩu (sau đây gọi là Cơ sở) do Chi nhánh Công ty CP Gỗ Hoàng Anh Gia Lai - Nhà máy Gỗ Hoàng Anh Quy Nhơn lập (sau đây gọi là Chủ cơ sở) tại Lô A29 (lô B3 cũ) Khu công nghiệp Phú Tài (phường Trần Quang Diệu, thành phố Quy Nhơn) đã được đăng ký tại Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh Bình Định.

Điều 2. Chủ cơ sở có trách nhiệm:

2.1. Thực hiện đúng và đầy đủ các nội dung về bảo vệ môi trường đề ra trong đề án; đảm bảo các chất thải và các vấn đề môi trường khác được quản lý, xử lý đạt yêu cầu theo quy định của pháp luật hiện hành.

2.2. Tuyệt đối không sử dụng các loại máy móc, thiết bị, nguyên liệu, nhiên liệu, hóa chất và các vật liệu khác đã bị cấm sử dụng tại Việt Nam theo quy định của pháp luật hiện hành.

2.3. Thực hiện đầu nổi nước thải sản xuất và nước thải sinh hoạt vào hệ thống thoát nước thải tập trung của Khu công nghiệp Phú Tài, tuyệt đối không để các nguồn nước thải này thấm vào đất hoặc chảy vào hệ thống thoát nước mưa.

2.4. Thu gom, lưu trữ, xử lý rác thải theo quy định hiện hành.

2.5. Sau khi đề án bảo vệ môi trường đơn giản được đăng ký, phải thực hiện đúng trách nhiệm của chủ cơ sở theo quy định tại Điều 21 Thông tư số 01/2012/TT-BTNMT ngày 16/3/2012 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về lập, thẩm định, phê duyệt và kiểm tra, xác nhận việc thực hiện đề án bảo vệ môi trường chi tiết, lập và đăng ký đề án bảo vệ môi trường đơn giản.

Điều 3. Giấy xác nhận này có giá trị kể từ ngày ký.

Nơi nhận:

- CN Cry CP Gõ Hoàng Anh Gia Lai;
- Sở TNMT;
- UBND TP. Quy Nhơn;
- P.QLĐT; Thanh tra Ban;
- Lưu: VT; P.TNMT (10b)

TRƯỞNG BAN



Man Ngọc Lý

**UBND TỈNH BÌNH ĐỊNH
BAN QUẢN LÝ KHU KINH TẾ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 1816/BQL-QLTNMT

Bình Định, ngày 16 tháng 9 năm 2016

V/v chuyển đổi pháp nhân hồ sơ môi trường của Công ty TNHH Hoàng Anh Quy Nhơn

Kính gửi: Công ty TNHH Hoàng Anh Quy Nhơn

Ngày 13/9/2016, Ban Quản lý Khu kinh tế nhận được Văn bản số 06/CV-TB ngày 09/9/2016 về việc chuyển đổi pháp nhân hồ sơ môi trường của dự án Nhà máy chế biến gỗ tại KCN Phú Tài của Công ty TNHH Hoàng Anh Quy Nhơn. Trên cơ sở các văn bản quy định của Nhà nước và Quyết định số 4115/QĐ-CTUBND ngày 16/11/2015 của UBND tỉnh ban hành quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh Bình Định, Ban Quản lý Khu kinh tế có ý kiến như sau:

1. Chấp thuận chuyển đổi pháp nhân Bản cam kết bảo vệ môi trường đã được UBND thành phố Quy Nhơn xác nhận tại Giấy xác nhận số 52/GXN-UBND ngày 18/7/2008 và Đề án bảo vệ môi trường đơn giản của dự án đã được Ban Quản lý KKT xác nhận tại Giấy xác nhận số 66/GXN-BQL ngày 11/01/2013 từ Chi nhánh Công ty CP Gỗ Hoàng Anh Gia Lai - Nhà máy gỗ Hoàng Anh Quy Nhơn sang Công ty TNHH Hoàng Anh Quy Nhơn.
2. Công ty TNHH Hoàng Anh Quy Nhơn có trách nhiệm tiếp tục thực hiện đúng và đầy đủ các nội dung của Bản cam kết bảo vệ môi trường và Đề án bảo vệ môi trường đơn giản đã được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền xác nhận.
3. Công ty TNHH Hoàng Anh Quy Nhơn phải thông báo, kê khai bổ sung mọi thay đổi về công suất, công nghệ của dự án (nếu có) cho Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh Bình Định để theo dõi, quản lý.

Ban Quản lý Khu kinh tế đề nghị Công ty TNHH Hoàng Anh Quy Nhơn triển khai thực hiện./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- P.QLQH XD, VP Đại diện BQLKKT;
- Cty CP ĐT&XD Bình Định;
- Lưu: VT, P.QLTNMT.



**KT. TRƯỞNG BAN
PHÓ TRƯỞNG BAN**

Ngô Văn Tổng

**UBND TỈNH BÌNH ĐỊNH
BAN QUẢN LÝ KHU KINH TẾ**

Số: 1189 /BQL-QLQH XD -
V/v thỏa thuận QH TMB điều chỉnh dự án
Nhà máy chế biến lâm sản xuất khẩu và
tiêu thụ nội địa tại Lô B33, B34, B38,
thuộc KCN Phú Tài của Công ty TNHH
Hoàng Anh Quy Nhơn

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bình Định, ngày 21 tháng 6 năm 2016

Kính gửi: Công ty TNHH Hoàng Anh Quy Nhơn.

Ban Quản lý Khu kinh tế (BQL KKT) nhận được Tờ trình số 08/TTr-HAQN ngày 10/5/2016 về việc thỏa thuận QH TMB điều chỉnh tỷ lệ 1/500 dự án Nhà máy chế biến lâm sản xuất khẩu và tiêu thụ nội địa tại Lô B33, B34, B38, thuộc KCN Phú Tài của Công ty TNHH Hoàng Anh Quy Nhơn (Cty Hoàng Anh) (có bản vẽ kèm theo). Sau khi xem xét, BQL KKT có ý kiến như sau:

1. Về thành phần, hình thức bản vẽ:

Hệ thống ký hiệu sử dụng trong bản vẽ, chủng loại, kích cỡ đường nét cơ bản đáp ứng các yêu cầu của bản vẽ kỹ thuật. Tuy nhiên, vẫn còn một số thiếu sót, như:

- Chưa thể hiện ký hiệu số tầng đối với các hạng mục số 7, 22, 23,...
- Doanh nghiệp thể hiện ký hiệu đối với hạng mục hiện trạng chưa đồng nhất theo quy định.

2. Về nội dung quy hoạch:

2.1. Về ranh giới, diện tích lô đất:

Ranh giới, diện tích Lô B33, B34, B38, KCN Phú Tài do Doanh nghiệp thể hiện trên các bản vẽ ($40.544,8m^2$) không phù hợp với nội dung được xác lập tại Hợp đồng thuê lại đất số 11/2015/HĐ-TLĐ-A ngày 23/9/2015 giữa Công ty CP ĐT&XD Bình Định và Chủ đầu tư.

2.2. Về các chỉ tiêu kinh tế kỹ thuật:

Mật độ đất trồng cây xanh (7,72%) là không phù hợp, không đảm bảo theo các quy định tại Quyết định số 04/2008/QĐ-BXD ngày 03/4/2008 của Bộ Xây dựng về việc ban hành Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về Quy hoạch Xây dựng. Mặt khác, Cty Hoàng Anh chưa tính phân diện tích của hạng mục phân xưởng bao bì đóng gói (ký hiệu 34) với diện tích $672m^2$, cũng như diện tích các hạng mục: Kho hóa chất (xây dựng tại phía Nam phân xưởng số 18); Nhà kho (phía Tây Nhà làm việc số 5) nêu tại mục 2.3 vào bảng tính cơ cấu sử dụng đất dự án là chưa phù hợp, do vậy chưa có cơ sở đánh giá chỉ tiêu mật độ xây dựng công trình theo quy định.

2.3. Về hiện trạng các công trình trên mặt bằng:

Về cơ bản, các hạng mục công trình được thể hiện trong bản vẽ hiện trạng phù hợp với vị trí thực tế đã xây dựng tại hiện trường, như: nhà bảo vệ ($16m^2 + 30m^2$); nhà để xe công nhân 1 ($318m^2$); Ga ra ôtô ($84m^2$); Nhà để xe công nhân ($72m^2$); Nhà làm việc ($460m^2$); Nhà căn tin + mẫu đối chứng ($233m^2$); Bãi chứa gỗ ($1.029m^2$); Xưởng cưa gỗ ($931m^2$); Kho chứa gỗ ($1.064m^2$); Khu vực

ngâm gỗ (280 m²); Lò sấy hơi nước (1.021 m²); Phân xưởng xs số 1 (1.280 m²); Xưởng tạo phôi (2.944 m²); Xưởng sx số 2 (2.940 m²); Xưởng sx số 3 (4.368 m²); Xưởng lắp ráp (2.352 m²); Xưởng phun sơn (1.512 m²); Kho thành phẩm (2.130 m²); Lò hút bụi (161m² + 42,94m² + 31,57 m²); Xưởng cơ khí số 1 (108 m²); Xưởng cơ khí số 2 (60 m²); Nhà vệ sinh số 1 (16 m²); Đai nước (47 m²); Trạm biến áp; tuy nhiên quy mô diện tích của một số hạng mục chưa chính xác, cụ thể như: Xưởng lắp ráp (ký hiệu số 18); Nhà làm việc (ký hiệu số 05); Phân xưởng sản xuất (ký hiệu số 17), Lò sấy hơi (ký hiệu số 31)... Đề nghị Doanh nghiệp phối hợp với đơn vị tư vấn chuẩn xác lại theo quy định.

Mặt khác, một số hạng mục khác như: Kho hóa chất (xây dựng tại phía Nam phân xưởng số 18); Nhà kho (phía Tây Nhà làm việc số 5) cũng không được thể hiện trong bản vẽ hiện trạng là chưa phù hợp.

2.4. Về bố trí các công trình:

Nội dung quy hoạch được lập trên cơ sở giữ nguyên hầu hết các hạng mục hiện trạng, chỉ bổ sung thêm 01 hạng mục: Phân xưởng bao bì đóng gói (ký hiệu 34) với diện tích 672m².

2.5. Về quy hoạch hệ thống hạ tầng kỹ thuật:

- **Hệ thống cấp nước và cấp điện:** Cty Hoàng Anh chưa lập thuyết minh đối với hệ thống cấp nước và cấp điện cho dự án theo quy định.

- **Hệ thống thoát nước mưa:** Nước mưa trên mặt bằng được thu gom vào các hố ga và dẫn thoát vào hệ thống thoát nước mưa của KCN tại các điểm M1, M2, M3, M4 là cơ bản phù hợp với hạ tầng kỹ thuật KCN Phú Tài, tuy nhiên Doanh nghiệp cần bổ sung thuyết minh về độ dốc thoát nước và phương án bơm đẩy cho một số vị trí tổ chức hệ thống thoát nước mưa chảy ngược tuyến.

- **Hệ thống nước thải sinh hoạt:** Doanh nghiệp chưa thuyết minh và bố trí hệ thống thoát nước thải cho các hạng mục Nhà làm việc (ký hiệu số 05), Nhà căn tin (ký hiệu số 7)..., Đồng thời, Doanh nghiệp đầu nối trực tiếp nước thải sinh hoạt từ các hạng mục dự án vào hệ thống thoát nước thải chung của KCN tại 03 điểm T1, T2, T3 tại hành lang kỹ thuật góc Đông Bắc lô đất là không phù hợp với thuyết minh bản vẽ thoát nước thải, cũng như vị trí đầu nối T3 không phù hợp với hạ tầng kỹ thuật KCN Phú Tài.

- **Hệ thống nước thải sản xuất:** Nước thải phát sinh trong quá trình hoạt động của dự án được dẫn về bể xử lý nước thải (ký hiệu số 27), sau khi xử lý, đầu nối với hệ thống thoát nước thải chung của KCN tại điểm T2 tại hành lang kỹ thuật góc Đông Bắc lô đất là phù hợp với hạ tầng kỹ thuật KCN Phú Tài, tuy nhiên Cty Hoàng Anh chưa tổ chức hệ thống thu gom nước thải phát sinh từ quá trình hoạt động của hạng mục Lò sấy hơi (ký hiệu số 31), đề nghị Doanh nghiệp bổ sung cho phù hợp với quy định.

2.5. Một số nội dung khác:

Hồ sơ QHTMB của dự án đã được Cảnh sát PC&CC Bình Định thẩm duyệt thiết kế về PCCC tại Văn bản số 604/CSPE&CC-P2 ngày 29/4/2016.

3. Kết luận:

Hồ sơ bản vẽ QH TMB điều chỉnh tỷ lệ 1/500 dự án Nhà máy chế biến lâm sản xuất khẩu và tiêu thụ nội địa tại Lô B33, B34, B38, thuộc KCN Phú Tài của Công ty TNHH Hoàng Anh Quy Nhơn cần được chỉnh sửa, hoàn thiện một số nội dung, cụ thể:

- Doanh nghiệp có trách nhiệm phối hợp với đơn vị tư vấn rà soát chỉnh sửa, hoàn thiện các nội dung góp ý tại mục 1, mục 2 như đã nêu trên.

- Đề nghị chủ đầu tư cân nhắc tăng diện tích cây xanh nhằm đảm bảo môi trường vi khí hậu cho dự án, cũng như tăng mỹ quan cho KCN Phú Tài.

- Phân xưởng bao bì đóng gói ký hiệu số 34 đã được BQL KKT cho phép xây dựng trước tại Văn bản số 746/BQL-QLQH XD ngày 21/4/2016, hiện nay trên hiện trường Doanh nghiệp đã thi công xây dựng cơ bản hoàn chỉnh. Đề nghị Doanh nghiệp sớm hoàn tất các thủ tục xin cấp giấy phép xây dựng đối với hạng mục nêu trên theo đúng quy định hiện hành.

Trên đây là một số nội dung góp ý QH TMB tỷ lệ 1/500 dự án Nhà máy chế biến lâm sản xuất khẩu và tiêu thụ nội địa của Công ty TNHH Hoàng Anh Quy Nhơn, đề nghị Doanh nghiệp phối hợp với đơn vị tư vấn hoàn chỉnh hồ sơ QH TMB và gửi lại BQL KKT 02 bộ hồ sơ để lưu trữ, phục vụ công tác quản lý nhà nước theo quy định. / *tw*

Nơi nhận:

- Như trên;
- Trưởng ban (b/c);
- Cty CP ĐT&XD Bình Định;
- P.QLTNMT;
- Lưu: VT, QLQH XD (03b) *tw*



Phan Viết Hùng

Số: 52 /GXN-UBND

Quy Nhơn, ngày 14 tháng 07 năm 2008

GIẤY XÁC NHẬN
BẢN CAM KẾT BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG
của Dự án: Xây dựng Nhà máy gỗ Hoàng Anh Quy Nhơn.

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ

Căn cứ Luật tổ chức HĐND và UBND ngày 21/11/2003;

Căn cứ Luật bảo vệ môi trường ngày 29/11/2005;

Căn cứ Nghị định số 21/2008/NĐ-CP ngày 28/02/2008 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 80/2006/NĐ-CP ngày 09/8/2006 của Chính phủ về việc quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số: 08/2006/TT – BTNMT, ngày 08/9/2006 của Bộ Tài nguyên và Môi trường hướng dẫn về đánh giá Môi trường chiến lược, Đánh giá tác động môi trường và Cam kết bảo vệ môi trường;

Xét đề nghị của Trưởng Phòng Tài nguyên - Môi trường thành phố tại Tờ trình số: 52/TT-Tr-TNMT, ngày 14/7/2008 về đăng ký xác nhận cam kết bảo vệ môi trường của Dự án xây dựng Nhà máy gỗ Hoàng Anh Quy Nhơn.

XÁC NHẬN:

Điều 1. Ngày 14 tháng 07 năm 2008, Chủ dự án là Công ty cổ phần Hoàng Anh Gia Lai đã có Hồ sơ đăng ký bản cam kết bảo vệ môi trường và Công văn số: 10/DK-HA ngày 07/07/2008 đề nghị đăng ký bản cam kết bảo vệ môi trường của Dự án: Xây dựng Nhà máy gỗ Hoàng Anh Quy Nhơn, tại lô số A26 - KCN Phú Tài, thành phố Quy Nhơn.

Điều 2. Chủ Dự án có trách nhiệm thực hiện đúng và đầy đủ những nội dung về bảo vệ môi trường nêu trong bản cam kết bảo vệ môi trường.

Điều 3. Bản cam kết bảo vệ môi trường của dự án là cơ sở để các cơ quan quản lý nhà nước về bảo vệ môi trường kiểm tra, thanh tra việc thực hiện bảo vệ môi trường của Dự án.

Điều 4. Giấy xác nhận này có giá trị kể từ ngày ký.

Nơi nhận:

- Chủ tịch, các PCT UBND TP;
- Sở TN&MT Bình Định;
- Chủ dự án;
- P. TN&MT TP;
- BQL các KCN;
- LDVP + C7;
- Lưu VT. (12 b)

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ



Nguyễn Văn Dũng

Số: 526 /QĐ-BQL

Quy Nhơn, ngày 09 tháng 4 năm 2010

QUYẾT ĐỊNH**V/v phê duyệt điều chỉnh quy hoạch chi tiết mặt bằng tổng thể tỷ lệ 1/500
Chi nhánh Cty CP gỗ Hoàng Anh Gia Lai - Nhà máy gỗ Hoàng Anh Quy Nhơn****TRƯỞNG BAN BAN QUẢN LÝ KHU KINH TẾ TỈNH BÌNH ĐỊNH**

Căn cứ các Nghị định của Chính phủ: số 08/2005/NĐ-CP ngày 24/01/2005 về Quy hoạch xây dựng; số 12/2009/NĐ-CP ngày 12/2/2009 về quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình; số 88/2007/NĐ-CP ngày 28/5/2007 về thoát nước đô thị và KCN;

Căn cứ Quyết định số 591/QĐ-TTg ngày 07/5/2009 của Thủ tướng Chính phủ về việc thành lập Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh Bình Định;

Căn cứ Quyết định số 988/QĐ-BXD ngày 30/8/1999, số 1470/QĐ-BXD ngày 18/10/2000 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng về việc phê duyệt quy hoạch chi tiết KCN Phú Tài (giai đoạn I và giai đoạn II, III);

Căn cứ Quyết định số 2565/QĐ-CTUBND ngày 06/10/2009 của Chủ tịch UBND tỉnh Bình Định về việc ủy quyền và phân công nhiệm vụ cho Ban Quản lý Khu kinh tế;

Xét đề nghị của Trưởng phòng Phòng Quy hoạch - Xây dựng.

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1. Phê duyệt kèm theo Quyết định này bản vẽ quy hoạch chi tiết tổng mặt bằng TL 1/500 (điều chỉnh) Dự án xây dựng Nhà máy chế biến lâm sản xuất khẩu và tiêu thụ nội địa của Chi nhánh Cty CP gỗ Hoàng Anh Gia Lai - Nhà máy gỗ Hoàng Anh Quy Nhơn tại KCN Phú Tài với các nội dung như sau:

- Tên công trình:** Nhà máy chế biến lâm sản xuất khẩu và tiêu thụ nội địa.
- Địa điểm quy hoạch xây dựng:** Lô A26, A29, KCN Phú Tài (giai đoạn 1, 2, 3), thuộc phường Trần Quang Diệu, thành phố Quy Nhơn, có giới cận cụ thể như sau:
 - Phía Đông giáp đường gom KCN.
 - Phía Tây giáp đường trục KCN (lô A16) và giáp Hành lang kỹ thuật (lô A29).
 - Phía Nam giáp Cty TNHH Phước Hưng và Cty TNHH Tài Phong Quy Nhơn.
 - Phía Bắc giáp đường số 21.
- Phân khu chức năng lô đất:** Thuộc phân khu chế biến nông lâm sản xuất khẩu, vật liệu xây dựng, bao bì, kho ngoại quan.

4. Quy mô quy hoạch xây dựng và cơ cấu sử dụng đất:**Tổng diện tích đất quy hoạch xây dựng : 40.544,8m²**

Trong đó:

- Đất xây dựng công trình	: 22.842 m ²	(chiếm tỷ lệ 56,34%)
- Đất sân bãi	: 2.893 m ²	(chiếm tỷ lệ 7,14%)
- Đất cây xanh	: 4.400 m ²	(chiếm tỷ lệ 10,85%)
- Đất giao thông nội bộ	: 10.409,8 m ²	(chiếm tỷ lệ 25,67%)

5. Quy hoạch hạ tầng kỹ thuật:

5.1 San nền: Cốt san nền tối thiểu +7,5m so với mặt nước biển.

5.2 Giao thông:

- Công chính mở ra đường gom KCN.
- Giao thông nội bộ (theo bản vẽ kèm theo Quyết định này).

5.3 Thoát nước mưa nội bộ:

Doanh nghiệp phải xây dựng hệ thống thu đón nước mưa và đầu nối vào hệ thống thoát nước chung của KCN tại các vị trí M1, M2, M3, M4 (được thể hiện trong bản vẽ Quy hoạch hệ thống HTKT).

5.4 Thoát nước thải sản xuất, nước thải sinh hoạt:

- Nước thải sản xuất: Doanh nghiệp phải xây dựng hệ thống xử lý nước thải cục bộ đạt cấp độ B theo Quyết định số 53/2005/QĐ-UBND ngày 18/4/2005 của UBND tỉnh trước khi đầu nối vào hệ thống thu gom nước thải của KCN tại các vị trí T1, T2, T3 (thể hiện trong bản vẽ Quy hoạch hệ thống HTKT).

- Nước thải sinh hoạt của DN phải được thu gom và đầu nối vào hệ thống thu gom nước thải của KCN tại các vị trí T1, T2, T3 (thể hiện trong bản vẽ QH hệ thống HTKT).

6. Quản lý chất thải rắn sản xuất:

Doanh nghiệp phải thực hiện thu gom chất thải sản xuất và hợp đồng với các đơn vị dịch vụ vệ sinh môi trường đưa về bãi xử lý tập trung đúng theo quy định.

7. Tổ chức thực hiện:

- Cơ quan thẩm định và phê duyệt: Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh Bình Định.

- Chủ đầu tư: Chi nhánh Cty CP gỗ Hoàng Anh Gia Lai-Nhà máy gỗ Hoàng Anh Quy Nhơn.

- Tư vấn thiết kế quy hoạch: Công ty TNHH Tư vấn thiết kế Tân Toàn Cầu.

Điều 2. Quyết định này làm căn cứ để tiến hành lập dự án đầu tư và bản vẽ thi công trình cấp thẩm quyền phê duyệt triển khai đầu tư xây dựng theo dự án.

Mọi sự thay đổi về quy mô và nội dung quy hoạch đã được phê duyệt đều phải thông qua Ban Quản lý Khu kinh tế để xem xét chấp thuận điều chỉnh mới được triển khai xây dựng. Đồng thời, sau khi thực hiện XD các hạng mục công trình phải lập bản vẽ hoàn công gửi về Ban Quản lý Khu kinh tế để kiểm tra và quản lý dự án theo quy định.

Quyết định này điều chỉnh quyết định số 87/QĐ-BQL ngày 28/7/2008 và số 22/QĐ-BQL ngày 20/2/2009 của Ban Quản lý các KCN Bình Định.

Điều 3. Chánh Văn phòng, Trưởng các phòng chuyên môn, Giám đốc Công ty PTHT các KCN và Giám đốc Chi nhánh Công ty CP gỗ Hoàng Anh Gia Lai-Nhà máy gỗ Hoàng Anh Quy Nhơn chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này kể từ ngày ký.

Nơi nhận:

- Như điều 3;
- Đ/c TB BQL;
- Lưu: VT, QHXD (09b).

CHỖ THỰC BÀN SAO DÙNG VỚI BẢN CHÍNH

Số chứng thực 2006... Quyển Số 02.9CT/BS

Ngày 29 tháng 5 năm 2012

CHỖ TÍCH LƯU P. TRẦN QUANG ĐIỀU

KT/CHỖ TÍCH
PHÓ CHỦ TỊCH

KT. TRƯỞNG BAN
PHÓ TRƯỞNG BAN



Tô Ngọc Chính



Nguyễn Tiến

Số: 34 /GPXD-BQL

Bình Định, ngày 12 tháng 8 năm 2016

GIẤY PHÉP XÂY DỰNG

1. Cấp cho: Công ty TNHH Hoàng Anh Quy Nhơn.
Địa chỉ: Lô B33, B34, B38 KCN Phú Tài, phường Trần Quang Diệu, thành phố Quy Nhơn.
2. Được phép xây dựng hạng mục Xưởng bao bì đóng gói thuộc dự án Nhà máy chế biến lâm sản xuất khẩu và tiêu thụ nội địa.

** Thông tin chung*

- Đơn vị thiết kế: Công ty TNHH Xây dựng Tô Gia.
- Loại công trình: Công trình công nghiệp, cấp IV.
- Chủ đầu tư: Công ty TNHH Hoàng Anh Quy Nhơn.
- Địa điểm xây dựng: Lô B33, B34, B38 KCN Phú Tài, phường Trần Quang Diệu, thành phố Quy Nhơn.
- Chỉ giới xây dựng: Theo QH TMB đã được BQL KKT thỏa thuận tại Quyết định số 1189/QĐ-BQL ngày 21/6/2016.

** Hạng mục: Xưởng bao bì đóng gói.*

- Diện tích xây dựng: 784m² (56m x 14m).
- Chiều cao công trình: 6,1m. - Số tầng: 01.
- Cos nền xây dựng: + 0,3m so với cos sân đường nội bộ.
- Các nội dung khác: Móng BTCT đá 1x2 mác 200; Móng tường đá chẻ; BT lót đá 4x6 mác 100; Nền BT đá 1x2 mác 200 dày 200mm; Tường xây gạch cao 1,2m; tường bao ốp tole mạ kẽm màu cao đến mái; Hệ khung kèo thép I165, xà gỗ thép C150; Mái lợp tole.

3. Giấy tờ về quyền sử dụng đất: Hợp đồng thuê lại đất số 11/2015/HĐ-TLĐ-A ngày 23/9/2015 giữa Công ty CPĐT&XD Bình Định và Công ty TNHH Hoàng Anh Quy Nhơn.

4. Ghi nhận các công trình đã khởi công xây dựng: nhà bảo vệ; nhà để xe công nhân 1; Ga ra ô tô; Nhà để xe công nhân; Nhà làm việc; Nhà căn tin + mẫu đối chứng; Bãi chứa gỗ; Xưởng cưa cđ; Kho chứa gỗ; Khu vực ngâm gỗ; Lò sấy hơi nước; Phân xưởng sx số 1; Xưởng tạo phôi; Xưởng sx số 2; Xưởng sx số 3; Xưởng lắp ráp; Xưởng phun sơn; Kho thành phẩm; Lò hút bụi; Xưởng cơ khí số 1; Xưởng cơ khí số 2; Nhà vệ sinh số 1; Đài nước; Trạm biến áp; Xưởng lắp ráp; Nhà làm việc; Phân xưởng sản xuất, Lò sấy hơi; Nhà kho; Kho hóa chất.

5. Giấy phép có hiệu lực khởi công xây dựng trong thời hạn 12 tháng kể từ ngày cấp, quá thời hạn trên thì phải đề nghị gia hạn GPXD.

Nơi nhận:

- Công ty TNHH Hoàng Anh Quy Nhơn;
- Trưởng Ban (b/c);
- Cty CPĐT&XD Bình Định;
- Bộ phận 01 cửa;
- Lưu: VT, QLQH&XD (07b).

CHỖ CHỮ CHỮ BAN QUẢN LÝ KHU KINH TẾ
Số CT: 645. Quyền số: 01/2017-SCT/BS
Ngày 08 tháng 3 năm 2019
THỦ CHỦ TỊCH



KT TRƯỞNG BAN
PHÓ TRƯỞNG BAN

Số: 118 /TD-PCCC(.....)

**GIẤY CHỨNG NHẬN
THẨM DUYỆT VỀ PHÒNG CHÁY VÀ CHỮA CHÁY**

- Căn cứ Luật Phòng cháy và chữa cháy ngày 29 tháng 6 năm 2001;
- Căn cứ Nghị định số 35/2003/NĐ-CP ngày 04 tháng 4 năm 2003 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật phòng cháy và chữa cháy;
- Căn cứ Thông tư số 04/2004/TT-BCA ngày 31 tháng 3 năm 2004 của Bộ Công an;
- Xét hồ sơ và văn bản đề nghị thẩm duyệt về PCCC số ngày 08/.../... 2009 của Chi nhánh công ty cổ phần Hoàng Anh Gia Lai

Người đại diện là ông / bà: Phạm Văn Tâm Chức danh: Giám Đốc

(1) **PHÒNG CẢNH SÁT PCCC**

CHỨNG NHẬN:

NHÀ MÁY GỖ HOÀNG ANH QUY NHƠN

(2) Địa điểm: Khu công nghiệp Phú Tài - P. Trần Quang Diệu - TP. Quy Nhơn

Chủ đầu tư / chủ phương tiện: Chi nhánh công ty cổ phần Hoàng Anh Quy Nhơn

Đơn vị lập dự án / thiết kế: Công ty TNHH Mạnh Đình

Đã được thẩm duyệt về PCCC các nội dung sau:

- Hệ thống chữa cháy vách tường.
- Hệ thống chống sét đánh thẳng.

theo các tài liệu, bản vẽ ghi ở trang 2.

Các yêu cầu kèm theo: (3) - Phải xây dựng bể nước đủ 54 m³ để phục vụ chữa cháy trong 3 giờ.

- Phải được Phòng cảnh sát phòng cháy chữa cháy nghiệm thu trước khi đưa công trình vào sử dụng.

Quy Nhơn, ngày 21 tháng 01 năm 20 09

(4) **TRƯỞNG PHÒNG PC23**
PHÓ TRƯỞNG ĐƠN VỊ

Nơi nhận:
- Như Trên
- C23 Bộ Công An
- Lưu PC23



Thượng tá: **TRẦN XUÂN CHÍ**

(1) Tên cơ quan Cảnh sát PCCC cấp giấy.

(2) Tên dự án, công trình, hạng mục công trình hoặc phương tiện giao thông cơ giới.

(3) Trách nhiệm của chủ đầu tư, chủ phương tiện phải thực hiện tiếp.

(4) Chức danh người ký giấy

**GIẤY CHỨNG NHẬN
THẨM DUYỆT THIẾT KẾ VỀ PHÒNG CHÁY VÀ CHỮA CHÁY**

Căn cứ Nghị định số 79/2014/NĐ-CP ngày 31/7/2014 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Phòng cháy và chữa cháy và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Phòng cháy và chữa cháy;

Căn cứ Điều 7 Thông tư số 66/2014/TT-BCA ngày 16/12/2014 của Bộ trưởng Bộ Công an quy định chi tiết thi hành một số điều của Nghị định số 79/2014/NĐ-CP ngày 31/7/2014 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Phòng cháy và chữa cháy và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Phòng cháy và chữa cháy;

Xét hồ sơ và văn bản đề nghị thẩm duyệt thiết kế về phòng cháy và chữa cháy số00.... ngày ...12 /...07/...2016 của: Công ty TNHH Hoàng Anh Quy Nhơn.....

Người đại diện là Ông/Bà:.....Đoàn Thị Nguyễn Vinh. Chức danh: Giám đốc.....

CẢNH SÁT PC&CC TỈNH BÌNH ĐỊNH

CHỨNG NHẬN:

XUỐNG BAO BÌ ĐÓNG GÓI - NHÀ MÁY CHẾ BIẾN LÂM SẢN XK&TTNB....

Địa điểm xây dựng: Lô B33, B34, B38 KCN Phú Tài, TP. Quy Nhơn, Bình Định.....

Chủ đầu tư/chủ phương tiện: Công ty TNHH Hoàng Anh Quy Nhơn.....

Đơn vị lập dự án/thiết kế: Công ty TNHH Xây dựng Tô Gia.....

Đã được thẩm duyệt thiết kế về phòng cháy và chữa cháy các nội dung sau:

.....Mặt bằng tổng thể;.....

.....Phân kiến trúc, kết cấu;.....

.....Hệ thống điện; - Hệ thống chống sét;.....

.....- Hệ thống chữa cháy vách tường;.....

.....- Trang bị phương tiện chữa cháy ban đầu.....

.....Yêu cầu kèm theo: Tổ chức nghiệm thu về PCCC đối với hạng mục công trình trước khi.....

.....đưa vào hoạt động theo quy định tại Điều 17 Nghị định 79/2014/NĐ-CP ngày 31/7/2014.....

theo các tài liệu, bản vẽ ghi ở trang 2. *Đã duyệt*

Nơi nhận:

- ...Cty TNHH Hoàng Anh Quy Nhơn;
- ...Cố Bộ Công An;
- Lưu: ...VT, P2.

Bình Định, ngày 18 tháng 07 năm 2016

Kí, Giám đốc.....

PHÓ GIÁM ĐỐC



Đại tá Phạm Đình Trung

**BỘ CÔNG AN
CẢNH SÁT PC&CC BÌNH ĐỊNH**

Số: 604/CSPC&CC-P2

V/v Thẩm duyệt thiết kế về PCCC đối với
công trình Nhà máy chế biến lâm sản xuất khẩu
và tiêu thụ nội địa (Điều chỉnh, mở rộng).

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bình Định, ngày 29 tháng 4 năm 2016

Kính gửi: Công ty TNHH Hoàng Anh Quy Nhơn.

Ngày 25/4/2016, Cảnh sát PC&CC tỉnh Bình Định nhận được Tờ trình không số ngày 25/4/2016 về việc thẩm duyệt thiết kế về PCCC đối với công trình Nhà máy chế biến lâm sản xuất khẩu và tiêu thụ nội địa (Điều chỉnh, mở rộng); địa chỉ: Lô B33, B34, B38 Khu công nghiệp Phú Tài, P.Trần Quang Diệu, TP.Quy Nhơn, tỉnh Bình Định; kèm theo hồ sơ bản vẽ Quy hoạch mặt bằng tổng thể điều chỉnh của công trình.

Qua xem xét hồ sơ thiết kế về PCCC, đối chiếu với các tiêu chuẩn hiện hành về PCCC, Cảnh sát PC&CC tỉnh Bình Định có ý kiến như sau:

1. Về giải pháp bố trí mặt bằng và giao thông cho xe chữa cháy hoạt động: Thống nhất với bản vẽ Quy hoạch mặt bằng tổng thể điều chỉnh (QH02/02).
2. Chủ đầu tư trình hồ sơ thiết kế kỹ thuật thi công của hạng mục dự kiến xây dựng: Xưởng bao bì đóng gói để thẩm duyệt về PCCC theo đúng quy định.

Vậy Cảnh sát PC&CC tỉnh Bình Định thông báo để Công ty TNHH Hoàng Anh Quy Nhơn biết, thực hiện *J. Tường*

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu: VT, P1, P2.



**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**

Đại tá Phạm Đình Trung

BIÊN BẢN KIỂM TRA
NGHIỆM THU VỀ PHÒNG CHÁY VÀ CHỮA CHÁY
HỆ THỐNG PCCC NHÀ MÁY CHẾ BIẾN LÂM SẢN XK VÀ TTND

Hồi 10 giờ 00 phút ngày 18 tháng 07 năm 2013.

Tại công trình: Nhà máy chế biến lâm sản xuất khẩu và tiêu thụ nội địa.

Địa chỉ: Khu công nghiệp Phú Tài, TP. Quy Nhơn, Bình Định.

Chúng tôi gồm:

I. Đại diện Phòng Cảnh sát PCCC&CNCH Công an tỉnh Bình Định:

- | | |
|-----------------------------------|--|
| 1. Đ/c Thượng tá Võ Quang Cát | - Phó Trưởng phòng. |
| 2. Đ/c Thiếu tá Nguyễn Hoàng Tuấn | - Đội trưởng Đội PCCC&CNCH Khu vực KCN Phú Tài - Long Mỹ |
| 3. Đ/c Trung úy Huỳnh Đức Lý | - Cán bộ Đội Tham mưu. |

II. Đại diện Chủ đầu tư: Chi nhánh Công ty Cổ phần gỗ Hoàng Anh Gia Lai

- | | |
|----------------------------|-----------------------------------|
| 1. Bà Đoàn Thị Nguyễn Vinh | - Phó Giám đốc. |
| 2. Ông Võ Phương Thành | - Trưởng phòng Tổ chức Hành chính |
| 3. Ông Lê Văn Chon | - Kế toán trưởng |

Đã tiến hành kiểm tra nghiệm thu về PCCC đối với hạng mục công trình: Hệ thống PCCC - Nhà máy chế biến lâm sản xuất khẩu và tiêu thụ nội địa.

Tình hình và kết quả kiểm tra như sau:

I. Phần trình bày của cơ sở:

1. Công trình Nhà máy chế biến lâm sản xuất khẩu và tiêu thụ nội địa, địa chỉ: KCN Phú Tài, TP. Quy Nhơn, Bình Định do Chi nhánh Công ty Cổ phần gỗ Hoàng Anh Gia Lai làm chủ đầu tư. Công trình đã đi vào hoạt động từ năm 2009 và đã được Phòng Cảnh sát PCCC&CNCH Công an Bình Định thẩm duyệt về Hệ thống PCCC và chống sét tại Giấy chứng nhận thẩm duyệt số 118/TD-PCCC ngày 21/01/2009.

2. Do điều kiện sản xuất kinh doanh và kinh tế gặp nhiều khó khăn nên chúng tôi đã đầu tư, trang bị các phương tiện, thiết bị PCCC dần qua các năm và theo nhiều giai đoạn; đến nay các hệ thống, thiết bị PCCC cơ bản đã đầy đủ và đáp ứng được yêu cầu công tác chữa cháy. Kính báo cáo Phòng CS PCCC&CNCH Công an Bình Định biết, kiểm tra và nghiệm thu theo quy định để đưa các hệ thống, thiết bị PCCC vào hoạt động.

II. Kiểm tra hồ sơ nghiệm thu về PCCC do Chủ đầu tư chuẩn bị:

Đầy đủ, đảm bảo theo quy định.

III. Kiểm tra thực tế và tổ chức thử hoạt động các hệ thống, thiết bị PCCC của công trình:

1. Về hệ thống chữa cháy vách tường: Tại công trình trang bị 01 máy bơm chữa cháy động cơ xăng V46 có $H=60 - 100m$, $Q=650 - 1450$ lít/phút; 14 tủ chữa cháy (tại mỗi tủ có họng chữa cháy, 01 lăng B và 01 cuộn vòi mềm 20/cuộn); 01 trụ tiếp nước từ xe chữa cháy và 01 bể nước phục vụ chữa cháy có $V=110m^3$.

Thủ áp lực máy bơm bằng cách cho các máy bơm hoạt động chạy có tải, thử áp lực tại họng chờ xa nhất (gần cổng ra vào nhà máy từ đường Quốc lộ 1A). Nhận thấy áp lực nước tại đầu lăng phun có tia nước đặc 8m – đạt yêu cầu chữa cháy. Các bộ phận liên kết của hệ thống này hoạt động tốt, lắp đặt theo đúng thiết kế.

2. Trang bị bình chữa cháy tại cơ sở gồm: 04 bình chữa cháy xe đẩy MFZT35 và 48 bình MFZ4.

3. Hệ thống chống sét: có phiếu kết quả đo điện trở tiếp đất ngày 15/2/2012. Kết quả $R=1,2\Omega < 10\Omega$: đạt yêu cầu.

IV. Kết luận và kiến nghị:

1. Kết luận:

Về cơ bản, các hạng mục xây dựng và hệ thống PCCC tại công trình đã được thi công lắp đặt theo hồ sơ thiết kế được duyệt về PCCC. Kiểm tra xác suất hoạt động của hệ thống PCCC đảm bảo yêu cầu.

2. Kiến nghị: Qua kiểm tra, yêu cầu Chủ đầu tư thực hiện các nội dung sau:

- Bổ sung và hoàn thiện hồ sơ theo dõi, quản lý hoạt động PCCC tại cơ sở theo Khoản 1, mục I Thông tư số 04/2004/TT-BCA ngày 31/3/2004.

- Tổ chức hướng dẫn cho lực lượng tại chỗ cách thao tác, sử dụng, vận hành và bảo quản, bảo dưỡng hệ thống, thiết bị PCCC hiện đã được lắp đặt tại công trình.

Duy trì liên tục sự hoạt động bình thường của hệ thống và thiết bị PCCC được lắp đặt tại công trình như tại thời điểm nghiệm thu.

- Có kế hoạch trang bị, lắp đặt bổ sung 01 máy bơm chữa cháy tại công trình đảm bảo các yêu cầu kỹ thuật phục vụ tốt cho công tác chữa cháy (thời gian hoàn thành: trước ngày 31/3/2014).

Biên bản lập xong hồi 10 giờ 30 phút ngày 18 tháng 7 năm 2013, gồm 02 trang được lập thành 02 bản, mỗi bên giữ 01 bản. Đã đọc lại cho mọi người cùng nghe, công nhận theo nội dung biên bản và nhất trí ký tên dưới đây.

ĐẠI DIỆN
CHỦ ĐẦU TƯ



Trần Thị Nguyễn Vinh

ĐẠI DIỆN
PHÒNG CS PCCC & CNCH
KẾ TRƯỞNG PHÒNG PCCC
PHÓ TRƯỞNG PHÒNG



Thượng tá Võ Quang Cát

**CÔNG AN TỈNH BÌNH ĐỊNH
PHÒNG CẢNH SÁT PCCC VÀ CNCH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

**BIÊN BẢN KIỂM TRA
Kiểm tra an toàn PCCC và CNCH**

Hồi: 09 giờ 00 ngày 22 tháng 7 năm 2023 Tại:

Công ty TNHH Hoàng Anh Quy Nhơn

Địa chỉ: Lô B33, B34, B38, KCN Phú Tài, P. Trần Quang Diệu, TP. Quy Nhơn, tỉnh Bình Định.

Chúng tôi gồm:

Đại diện Phòng Cảnh sát PCCC và CNCH – Công an tỉnh Bình Định:

- Ông: Nguyễn Quyết Thắng - Chức vụ: Cán bộ

- Ông: Lê Hùng Vui - Chức vụ: Cán bộ

Đã tiến hành kiểm tra công tác an toàn PCCC và CNCH đối với **Công ty TNHH Hoàng Anh Quy Nhơn** theo Kế hoạch kiểm tra số 382/KH-PC07 ngày 03/4/2023 của Phòng Cảnh sát PCCC và CNCH – Công an tỉnh Bình Định.

Đại diện cơ sở: Công ty TNHH Hoàng Anh Quy Nhơn:

- Ông: Lê Văn Chơn - Chức vụ: Phó giám đốc.

- Ông: Võ Phương Thành - Chức vụ: Trưởng phòng TC-HC.

Tình hình và kết quả kiểm tra như sau:

I. Trình bày của cơ sở

1. Quy mô, tính chất hoạt động của cơ sở, các vấn đề liên quan đến quy hoạch, xây dựng

Loại hình cơ sở: cơ sở sản xuất công nghiệp; hạng sản xuất: hạng C.

Ngành, nghề, mặt hàng kinh doanh: Chế biến lâm sản tiêu thụ nội địa và xuất khẩu.

Thời gian bắt đầu xây dựng: Năm 1998.

Khu đất có diện tích: 41.088,7 m²; Mật độ xây dựng: 64,47% (diện tích xây dựng 26.488 m²)

Đã được cấp Quyết định phê duyệt điều chỉnh quy hoạch chi tiết mặt bằng tổng thể tỷ lệ 1/500 số 526/QĐ-BQL ngày 09/4/2010.

Thời gian bắt đầu đi vào hoạt động: 2015 đã được cấp Giấy phép đăng ký kinh doanh số 4101435124 do Phòng đăng ký kinh doanh - Sở Kế hoạch và Đầu

tư tỉnh Bình Định cấp ngày 03/12/2014, đăng ký thay đổi lần thứ 3, ngày 07/8/2018.

Số lượng lao động đang làm việc tại cơ sở: hiện tại thời điểm này số người làm việc tại cơ sở khoảng 50 người.

- Hiện trạng của cơ sở tại thời điểm kiểm tra gồm các hạng mục:

+ Nhà xưởng số 1, diện tích: 1.280 m²; Nhà xưởng số 2, diện tích: 2.940 m²; Nhà xưởng số 3, diện tích: 4.368 m²; kết cấu xây dựng: khung kèo thép tổ hợp, tường xây gạch cao 2,5m kết hợp khung sườn ốp tole phía trên; xà gỗ thép, mái lợp tole, nền xi măng, bậc chịu lửa bậc IV; Xưởng cưa CD, diện tích: 931 m²; Xưởng tạo phôi, diện tích: 2.944 m²; xưởng lắp ráp, diện tích: 2.119 m²; Nhà xưởng phun sơn, diện tích: 1.431 m²; Nhà kho chứa gỗ, diện tích: 1.064 m²; Nhà kho thành phẩm, diện tích: 2.130 m²; xưởng bao bì, diện tích: 784 m²; kết cấu xây dựng: khung kèo thép tổ hợp, tường xây gạch cao 1,2m kết hợp khung sườn ốp tole phía trên; xà gỗ thép, mái lợp tole, nền xi măng, bậc chịu lửa bậc IV.

+ Lò sấy hơi nước và lò hơi, diện tích: 2.688 m²; kết cấu xây dựng: khung kèo thép tổ hợp, tường xây gạch cao 2,5m kết hợp khung sườn ốp tole phía trên; xà gỗ thép, mái lợp tole, nền xi măng, bậc chịu lửa bậc IV.

+ Nhà làm việc, diện tích: 222,72 m²; kết cấu xây dựng: trụ, sàn bê tông cốt thép, tường xây gạch trát vữa xi măng, mái lợp tole, bậc chịu lửa bậc III.

+ Các công trình phụ trợ khác;

2. Việc chấp hành các quy định của pháp luật về PCCC, CNCH

Các văn bản liên quan đến các điều kiện an toàn PCCC để đi vào hoạt động (xác nhận điều kiện hoặc thẩm duyệt, nghiệm thu): Giấy chứng nhận thẩm duyệt thiết kế về phòng cháy và chữa cháy số 118/TD-PCCC ngày 21/01/2009 của Phòng Cảnh sát PCCC- Công an tỉnh Bình Định. Biên bản kiểm tra nghiệm thu về phòng cháy và chữa cháy 18/7/2013 của Phòng Cảnh sát PCCC và CNCH – Công an tỉnh Bình Định; Giấy chứng nhận thẩm duyệt thiết kế về PCCC số 100/TD-PCCC ngày 18/7/2016 của Cảnh sát PCCC tỉnh Bình Định. Công văn giải trình về việc không sử dụng xưởng bao bì đóng gói.

Kế hoạch PCCC và CNCH năm 2023: Đã xây dựng kế hoạch về việc thực hiện công tác PCCC và CNCH năm 2023.

Người đứng đầu cơ sở đã ban hành các quyết định trong lĩnh vực PCCC và CNCH năm 2023.

Công tác bảo quản bảo dưỡng phương tiện: Cơ sở có biên bản bảo trì, bảo dưỡng phương tiện do Công ty TNHH PCCC và XD tỉnh Bình Định.

Công tác lập và thực tập phương án của cơ sở: Phương án chữa cháy đã xây dựng theo mẫu PC11 ban hành kèm theo Thông tư 66/2014/TT-BCA; phương án cứu nạn cứu hộ theo mẫu số 04 ban hành kèm theo Nghị định số 83/2017/NĐ-CP ngày 18/7/2017.

Công tác thực tập phương án PCCC: Cơ sở đã có đơn đề nghị phối hợp thực tập phương án PCCC và CNCH nộp qua Phòng Cảnh sát PCCC và đang đợi phối hợp thực tập.

Công tác xây dựng và duy trì hoạt động của lực lượng PCCC và CNCH cơ sở: Cơ sở đã ra quyết định thành lập Đội PCCC và CNCH của cơ sở gồm 24 thành viên theo quy định, trong đó 24/24 thành viên trong Đội PCCC đã được huấn luyện nghiệp vụ về PCCC và CNCH và cấp giấy chứng nhận theo quy định.

II. Kiểm tra thực tế

1. Kiểm tra hồ sơ

Căn cứ Điều 4 Thông tư số 149/2020/TT-BCA ngày 31/12/2020 và Điều 9 Thông tư số 08/2018/TT-BCA ngày 05/3/2018 của Bộ Công an, tình trạng Hồ sơ quản lý, theo dõi hoạt động PCCC, CNCH của cơ sở như sau:

- Giấy chứng nhận thẩm duyệt thiết kế về phòng cháy và chữa cháy số 118/TD-PCCC ngày 21/01/2009 của Phòng Cảnh sát PCCC- Công an tỉnh Bình Định. Biên bản kiểm tra nghiệm thu về phòng cháy và chữa cháy 18/7/2013 của Phòng Cảnh sát PCCC và CNCH – Công an tỉnh Bình Định; Giấy chứng nhận thẩm duyệt thiết kế về PCCC số 100/TD-PCCC ngày 18/7/2016 của Cảnh sát PCCC tỉnh Bình Định.

- Đã xây dựng phương án chữa cháy cơ sở theo mẫu PC11 quy định tại Thông tư 66/2014/TT-BCA ngày 16/12/2014 đã được Phòng Cảnh sát PCCC và CNCH phê duyệt ngày 15/8/2015; Phương án CNCH theo quy định tại Nghị định số 83/2017/NĐ-CP của Chính phủ.

- Việc tham gia bảo hiểm cháy, nổ bắt buộc đối với cơ sở thuộc phụ lục II Nghị định 136/2020/NĐ-CP ngày 24/11/2020 của Chính phủ: cơ sở đã tham gia Cháy và các rủi ro đặc biệt do Công ty Bảo hiểm BIDV Bình Định cung cấp có thời hạn đến 16 giờ 00 ngày 04/3/2024. Số hợp đồng 07231259.

- Đã ban hành nội quy PCCC, nội quy sử dụng điện. Nội quy phù hợp với từng hạng mục, từng bộ phận làm việc tại cơ sở.

- Việc tổ chức tự kiểm tra: Đã tổ chức tự kiểm tra và có biên bản lưu hồ sơ theo quy định.

- Cơ sở đã đo điện trở của hệ thống chống sét do Công ty TNHH XD TM Hoàng Phúc Hưng thực hiện ngày 19/7/2023. Kết quả đo đảm bảo theo quy định.

- Việc bảo trì, bảo dưỡng phương tiện, thiết bị PCCC: Cơ sở có thực hiện bảo trì, bảo dưỡng phương tiện định kỳ và lưu hồ sơ cơ sở.

- Số lượng thành viên Đội PCCC và CNCH cơ sở: 24 người. Các thành viên đã được cấp Giấy chứng nhận HLVN PCCC, CNCH. Có 045/24 Giấy chứng nhận huấn luyện nghiệp vụ còn thời hạn. Trong đó có 20 thành viên vừa hết hạn GCN huấn luyện, Phòng Cảnh sát PCCC và CNCH đã có lịch huấn luyện cấp lại GCN vào ngày 24/7/2023.

- Việc tổ chức thực tập phương án chữa cháy, phương án CNCH định kỳ: Cơ sở đã có văn bản đề nghị phối hợp thực tập phương án PCCC và CNCH nộp qua Phòng Cảnh sát PCCC và đội phối hợp thực tập.

2. Kiểm tra các điều kiện đảm bảo an toàn PCCC và CNCH

2.1. Việc duy trì giao thông, nguồn nước có liên quan đến công tác PCCC và CNCH

- Đường giao thông dành cho xe chữa cháy: tiếp cận công trình từ quốc lộ 1A (đoạn qua tổ 7, khu vực 5, phường Trần Quang Diệu, TP. Quy Nhơn) dẫn vào công ty qua cổng chính rộng 10m; tiếp cận với các hạng mục bên trong công trình: tiếp cận 03 hướng dọc theo nhà xưởng, đường nội bộ bên trong đảm bảo thông rộng, không có hàng hóa, vật tư cản trở.

- Nguồn nước sử dụng để chữa cháy: gồm 01 bể nước chữa cháy tổng khối tích 70 m³ (xe chữa cháy, máy bơm chữa cháy lấy nước được).

2.2. Việc duy trì các điều kiện an toàn về PCCC và CNCH

a) Duy trì mặt bằng công năng, bố trí công nghệ sản xuất, giải pháp thoát nạn

- Mặt bằng công năng, bố trí công nghệ sản xuất: hệ thống phun sơn tự động lắp đặt tại xưởng phun sơn, hệ thống sấy bằng hơi nước lắp đặt tại khu vực lò sấy gỗ và các thiết bị, máy móc khác được lắp đặt tại các xưởng sản xuất.

- Giải pháp thoát nạn: Lối đi lại bên trong khu vực nhà xưởng thông thoáng, hàng hóa sắp xếp gọn gàng, có lối đi ngang, dọc; khu vực cửa thoát nạn thông thoáng, không có hàng hóa, vật tư che chắn; có lắp đặt chỉ dẫn thoát nạn và chiếu sáng sự cố đảm bảo yêu cầu thoát nạn khi có sự cố cháy, nổ xảy ra.

- Tại thời điểm kiểm tra Nhà xưởng bao bì đóng gói được xây dựng với diện tích khoảng 572m² 01 tầng, tường gạch lửng trên ốp tôn, mái lợp tole bậc chịu lửa bậc IV. Tại thời điểm kiểm tra khu vực này không hoạt động, không có hàng hoá máy móc phục vụ sản xuất, hệ thống điện được ngắt để đảm bảo an toàn về PCCC.

b) Việc duy trì, bố trí, hoạt động của hệ thống, thiết bị PCCC, CNCH

- Hệ thống báo cháy tự động: Tại thời điểm kiểm tra, cơ sở có trang bị, lắp đặt hệ thống báo cháy tự động (đầu báo cháy khói tại nhà kho thành phẩm, đầu báo cháy tia chiếu Beam tại các xưởng sản xuất (trừ xưởng lắp ráp). Tại thời điểm kiểm tra hệ thống báo cháy hoạt động đảm bảo yêu cầu.

- Hệ thống chữa cháy bằng nước: Hệ thống chữa cháy bằng nước: tổ hợp gồm 01 máy bơm chữa cháy động cơ điện, 01 máy bơm chữa cháy động cơ xăng pha nhớt; các bộ phận liên kết gồm đường ống cấp nước, họng nước chữa cháy vách tường; tại các họng nước có trang bị đầy đủ lăng vòi chữa cháy,... Tại thời điểm kiểm tra, tiến hành thử hoạt động của hệ thống chữa cháy động cơ xăng pha nhớt, nhận thấy máy bơm hoạt động bình thường.

- Việc trang bị bình chữa cháy: Có trang bị bình chữa cháy xách tay các loại đặt phân tán tại các khu vực; tại thời điểm kiểm tra, các bình chữa cháy đảm bảo

công năng sử dụng. Tại các bình chữa cháy có gắn thẻ theo dõi, quản lý phương tiện theo quy định và ghi chép các lần kiểm tra đầy đủ.

c) Việc duy trì, bố trí, hoạt động của các hệ thống kỹ thuật có liên quan đến PCCC và CNCH

- Hệ thống điện: Các thiết bị đóng cắt, thiết bị bảo vệ được lắp đặt tại các khu vực đảm bảo theo quy định. Tại thời điểm kiểm tra, hệ thống điện hoạt động không quá tải, quá công suất, không phát hiện các dấu hiệu mất an toàn về điện.

- Hệ thống đèn chiếu sáng sự cố và chỉ dẫn thoát nạn: Tại cơ sở trang bị đèn EXIT và đèn chiếu sáng sự cố lắp đặt tại hành lang, lối thoát nạn của công trình. Tuy nhiên chưa được thẩm duyệt, nghiệm thu về PCCC.

2.3. Kiểm tra việc thường trực và triển khai lực lượng, phương tiện của lực lượng PCCC và CNCH cơ sở/chuyên ngành/dân phòng

- Việc phân công, bố trí đội viên Đội PCCC và CNCH trong các ca: Mỗi ca trực đêm có 04 bảo vệ thường trực tại cơ sở đã được phân công trách nhiệm cụ thể theo lịch phân công và quy chế làm việc.

- Việc mua sắm trang phục, dụng cụ cá nhân cho thành viên Đội PCCC và CNCH: đã trang bị 05 bộ trang phục chữa cháy cho đội viên Đội PCCC và CNCH cơ sở.

- Việc bảo đảm tình trạng hoạt động và cơ sở phương tiện, thiết bị thường trực PCCC và CNCH: Các phương tiện, thiết bị thường trực đảm bảo công năng sử dụng, số lượng phương tiện được duy trì đảm bảo theo quy định.

IV. Nhận xét, kiến nghị

1. Nhận xét, đánh giá

** Các nội dung đã thực hiện tốt:*

- Cơ sở có lập hồ sơ theo dõi, quản lý hoạt động PCCC và CNCH đảm bảo theo quy định tại Điều 5 Nghị định 136/2020/NĐ-CP của Chính phủ; lưu giữ thành phần hồ sơ theo quy định tại Điều 4 Thông tư số 149/2020/TT-BCA ngày 31/12/2020 và Điều 9 Thông tư số 08/2018/TT-BCA ngày 05/3/2018 của Bộ Công an.

- Công tác tự kiểm tra được duy trì đảm bảo theo quy định tại Điều 16 Nghị định 136/2020/NĐ-CP của Chính phủ; việc duy trì tình trạng hoạt động bình thường của các hệ thống, phương tiện phòng cháy chữa cháy được trang bị tại cơ sở đảm bảo.

- Tham gia bảo hiểm cháy nổ bắt buộc đảm bảo theo quy định tại Nghị định 23/2018/NĐ-CP, Nghị định 97/2020/NĐ-CP sửa đổi bổ sung một số điều của Nghị định 23/2018/NĐ-CP.

** Tồn tại, thiếu sót:*

- Cơ sở chưa thực hiện nghiệm thu về PCCC theo Giấy chứng nhận thẩm duyệt thiết kế về PCCC số 100/TD-PCCC ngày 18/7/2016 của Cảnh sát PCCC tỉnh

Bình Định đối với nhà xưởng Bao bì đóng gói mở rộng (có công văn giải trình số 01- 11/TTr-HAQN kèm theo). Thực tế kiểm tra, khu vực này đã hoàn thiện, nhưng qua 2 năm liền chưa có hoạt động sản xuất vì hiện nay cơ sở chưa có nhu cầu sử dụng, kho vẫn không có chứa bất kỳ hàng hóa, máy móc gì và hệ thống điện cũng được ngắt.

2. Kiến nghị

- Đề nghị Công ty chấp hành nghiêm nội dung cam kết tại công văn số 01- 11/TTr-HAQN, không được đưa hạng mục Nhà xưởng bao bì đóng gói mở rộng vào hoạt động khi chưa hoàn thành thủ tục nghiệm thu về PCCC theo quy định.

Bên cạnh các kiến nghị trên, trong quá trình hoạt động, người đứng đầu cơ sở có trách nhiệm duy trì thực hiện thường xuyên các công tác sau:

- Duy trì việc thực hiện đầy đủ trách nhiệm về PCCC và CNCH của người đứng đầu cơ quan, tổ chức theo quy định tại Điều 5 Luật PCCC và Nghị định số 83/2017/NĐ-CP ngày 18/7/2017.

- Duy trì các điều kiện an toàn PCCC và CNCH đối với cơ sở theo quy định tại Điều 5 Nghị định số 136/2020/NĐ-CP và Điều 12 Nghị định số 83/2017/NĐ-CP.

- Thường xuyên kiểm tra, bảo dưỡng toàn bộ các hệ thống, phương tiện PCCC và CNCH tại chỗ đảm bảo công năng sử dụng.

- Hàng năm, cơ sở phải có kế hoạch tổ chức tập huấn, tuyên truyền nội quy quy định PCCC, CNCH các kỹ năng thoát hiểm trong đám cháy để nhân viên biết, thực hiện. Đồng thời tổ chức thực tập Phương án chữa cháy cơ sở.

- Thường xuyên nhắc nhở nhân viên, người lao động nâng cao ý thức trong việc sử dụng lối thoát nạn.

- Duy trì công tác tự kiểm tra an toàn PCCC và CNCH hàng tháng, hàng quý; tăng cường công tác tuần tra, bảo vệ nhất là vào ban đêm (các lần kiểm tra phải lập biên bản kiểm tra kèm theo).

- Quản lý chặt việc sử dụng nguồn nhiệt, nguồn lửa; thường xuyên quán triệt nhân viên chấp hành nghiêm túc các quy định, nội quy an toàn PCCC, nhất là quy định cấm hút thuốc tại các khu vực cấm.

- Thường xuyên kiểm tra, bảo trì, bảo dưỡng hệ thống điện và các thiết bị tiêu thụ điện. Phải ngắt điện tại các khu vực không có người sử dụng.

Các kiến nghị trên yêu cầu cơ sở tổ chức thực hiện nghiêm túc, thông báo kết quả và tài liệu liên quan gửi về Phòng Cảnh sát PCCC và CNCH - Công an tỉnh Bình Định để tổng hợp, theo dõi kết quả.

*** Ý kiến của Cơ sở:** Hoàn toàn thống nhất với các nội dung trong biên bản.

V. Kết luận:

Cơ sở đã chấp hành các quy định của pháp luật về PCCC và CNCH. Tuy nhiên, để đảm bảo các điều kiện an toàn PCCC và CNCH theo quy định, đề nghị Công ty có kế hoạch thiết kế bổ sung các nội dung như đã kiến nghị ở trên.

Biên bản lập xong hồi 10 giờ 00 phút cùng ngày, gồm 07 trang được lập thành 03 bản (lưu tại cơ sở 01 bản, đoàn kiểm tra lưu 02 bản), đã đọc lại cho mọi người cùng nghe, công nhận đúng và nhất trí ký tên dưới đây./.

ĐẠI DIỆN CƠ SỞ



Lê Văn Chơn

ĐẠI DIỆN ĐOÀN KIỂM TRA

Đại úy Nguyễn Quyết Thắng

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

HỢP ĐỒNG KINH TẾ
Số: 2312/2023/HĐKT/SBU3-HAQN

V/v: thu gom, vận chuyển, lưu giữ tạm thời và xử lý chất thải nguy hại.

- Căn cứ vào Bộ Luật Dân Sự số 91/2015/QH13 ngày 24/11/2015;
- Căn cứ vào Luật Thương mại số 36/2005/QH11 ngày 14 tháng 06 năm 2005;
- Căn cứ vào Luật Bảo Vệ Môi Trường số 72/2020/QH14 ngày 17 tháng 11 năm 2020.
- Căn cứ Nghị định 08/2022/NĐ-CP, ngày 10/01/2022 của Chính phủ về "Quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường";
- Căn cứ thông tư số 02/2022/TT-BTNMT, ngày 10/01/2022 của Bộ tài nguyên và Môi trường, quy định về "Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường"
- Theo nhu cầu và năng lực của hai bên.

Hôm nay, ngày 30 tháng 12 năm 2023 tại Văn phòng Công ty Cổ Phần Cơ Điện Môi Trường Lilama, chúng tôi gồm có:

BÊN A : **CÔNG TY TNHH HOÀNG ANH QUY NHƠN.**

Địa chỉ : Lô B33, B34, B38 – Khu CN Phú Tài – Phường Trần Quang Diệu – TP. Quy Nhơn – tỉnh Bình Định.
Điện thoại : 0256.3841953 Fax : 0256.3841992
Mã số thuế : 4101435124
Đại diện Bà : Đoàn Thị Nguyên Vinh. Chức vụ: Tổng Giám Đốc

BÊN B : **CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ – ĐIỆN – MÔI TRƯỜNG LILAMA (LILAMA EME)**

Địa chỉ : Khu dịch vụ công cộng, khu kinh tế Dung Quất, xã Bình Đông - huyện Bình Sơn - tỉnh Quảng Ngãi.
Điện thoại : 0255.3908008 - Fax: 0255.3908002
Số tài khoản : 5730066488 tại Ngân hàng: BIDV - Chi nhánh Dung Quất.
Mã số thuế : 4300357921.
Đại diện là Ông : Huỳnh Vĩnh Phúc. Chức vụ: Giám đốc KLH

Hai bên đồng ý ký kết hợp đồng này với những điều khoản như sau:

ĐIỀU 1: PHẠM VI CÔNG VIỆC

1.1 Bên A giao cho Bên B thực hiện dịch vụ:

- Vận chuyển, lưu giữ tạm thời và xử lý các chất thải nguy hại (CTNH) mà bên A là chủ nguồn thải.
- Danh sách chất thải được thể hiện trong mục 3.2.
- Địa điểm giao nhận tại: Địa chỉ: Lô B33, B34, B38 – Khu CN Phú Tài – Phường Trần Quang Diệu – TP. Quy Nhơn – tỉnh Bình Định. Bên B đảm bảo phương tiện, thiết bị chuyên dụng để thu gom, vận chuyển các CTNH tại vị trí tập kết chất thải của bên A về lưu

giữ tạm thời và xử lý tại Khu liên hợp xử lý chất thải Dung Quất thuộc thôn Tri Bình – xã Bình Nguyên - huyện Bình Sơn – tỉnh Quảng Ngãi của Bên B.

1.2 Thời gian thực hiện: Theo yêu cầu

- Hai bên thống nhất thời điểm thu gom, vận chuyển cho bên A theo nhu cầu của bên A.

Trong quá trình thực hiện hợp đồng, khi có nhu cầu Bên A thông báo cho Bên B để tiến hành tiếp nhận vận chuyển xử lý. Thời gian thông báo: trước 05 ngày để Bên B chuẩn bị công tác bàn giao.

- Trong quá trình thực hiện hợp đồng, nếu Bên A không thông báo cho Bên B yêu cầu thu gom thì Bên B sẽ thông báo lịch thu gom cho Bên A để tiến hành giao nhận CTNH cần vận chuyển xử lý. Thời gian thông báo: trước 02 ngày để Bên A chuẩn bị công tác bàn giao.

- Tần suất thu gom: 01 lần/năm.

ĐIỀU 2: TRÁCH NHIỆM CỦA HAI BÊN

2.1 Trách nhiệm của Bên A

- Tổ chức thu gom, phân loại, đóng gói, lưu giữ tạm thời và quản lý các CTNH theo qui định của nhà nước về quản lý CTNH đối với chủ nguồn thải tại cơ sở phát sinh CTNH của bên A ở những vị trí tập kết (Kho lưu giữ tạm thời) và giao cho bên B.
- Chịu trách nhiệm bốc xếp các chất thải đã được đóng gói và lưu trữ tạm thời đưa lên xe vận chuyển Chất thải của Bên B.
- Chịu trách nhiệm cân, đo khối lượng chất thải.
- Chịu trách nhiệm về an toàn, bảo hộ lao động cho nhân lực và phương tiện của Bên A trong quá trình thu gom, phân loại, đóng gói, lưu giữ, bảo quản.
- Phối hợp với Bên B trong quá trình giao nhận chất thải để công việc tiến hành một cách an toàn và nhanh chóng.
- Cử người đại diện để cùng Bên B thực hiện việc giao nhận chất thải và xác nhận khối lượng vào biên bản giao nhận.
- Thanh toán đầy đủ giá trị hợp đồng theo đơn giá và khối lượng thực tế thu gom, vận chuyển và xử lý CTNH như nêu tại mục 3.3 – Điều 3 của Hợp đồng này cho Bên B.

2.2. Trách nhiệm của Bên B:

- Chịu trách nhiệm bố trí nhân lực, phương tiện đảm bảo yêu cầu của pháp luật và an toàn để tiếp nhận chất thải tại các điểm tập kết CTNH của bên A theo đúng thời gian mà hai bên thỏa thuận.
- Chịu trách nhiệm xử lý và tiêu hủy các CTNH theo đúng quy định của pháp luật.
- Cử đại diện để cùng Bên A phối hợp thực hiện việc giao nhận, xác nhận khối lượng vào biên bản giao nhận chất thải nguy hại và chứng từ CTNH đảm bảo việc thu gom thực hiện an toàn, nhanh chóng và đúng yêu cầu của bên A.
- Tuân thủ quy định và nội quy của Bên A.
- Tư vấn các vấn đề về pháp lý, kỹ thuật trong việc phân loại, lưu giữ chất thải đúng theo qui định của nhà nước.
- Chịu trách nhiệm pháp lý trước các cơ quan chính quyền theo quy định của Luật bảo vệ môi trường.

ĐIỀU 3: KHỐI LƯỢNG CHẤT THẢI – ĐƠN GIÁ – GIÁ TRỊ THANH TOÁN - PHƯƠNG ÁN XỬ LÝ

3.1 Khối lượng chất thải thực tế được xác định dựa trên khối lượng chất thải được thu gom, vận chuyển và xử lý theo “Biên bản giao nhận chất thải” được ký xác nhận bởi đại diện của hai bên tại từng thời điểm.

3.2 Đơn giá thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải

STT	Danh Mục	Phương án 1			Phương án 2
		Mã chất thải	Đơn vị tính	Đơn giá xử lý (đồng)	Đơn giá/ chuyển (đồng)
1	Bao bì cứng thải bằng kim loại	18 01 02	Kg	10.000	10.000.000đ
2	Bao bì cứng thải bằng nhựa	18 01 03	Kg	10.000	
3	Bóng đèn huỳnh quang thải	16 01 06	Kg	10.000	
4	Giẻ lau, găng tay, chất hấp thụ nhiễm thành phần nguy hại	18 02 01	Kg	10.000	
5	Hộp mực in có chứa thành phần nguy hại	08 02 04	Kg	10.000	
6	Bột sơn đã qua sử dụng	08 01 02	Kg	10.000	
7	Các thiết bị, linh kiện điện tử thải	16 01 13	Kg	10.000	
Đơn giá dịch vụ thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải chưa bao gồm thuế VAT					

3.3 Giá trị thanh toán:

3.3 Giá trị thanh toán:

3.3.1. Trường hợp khối lượng CTNH thu gom một lần nhỏ hơn hoặc bằng 1.000kg thì bên A sẽ thanh toán cho bên B theo mức phí dịch vụ cho một lần vận chuyển và xử lý là: 10.000.000 đồng (Phương án 2 đơn giá thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải).

3.3.2. Trong trường hợp khối lượng CTNH của Bên A tại thời điểm thu gom vượt quá 1.000kg thì giá trị thanh toán được tính theo khối lượng chất thải giao nhận thực tế nhân với đơn giá thu gom, vận chuyển và xử lý tiêu hủy CTNH tương ứng.

ĐIỀU 4: THỜI HẠN HỢP ĐỒNG

- Hợp đồng này có hiệu lực kể từ ngày ký đến hết ngày 31 tháng 12 năm 2024.
- Sau khi hết hạn hợp đồng nếu cả hai không có thông báo gì, thì hợp đồng tự động gia hạn thêm 01 năm tiếp theo.

ĐIỀU 5: PHƯƠNG THỨC VÀ THỜI HẠN THANH TOÁN

5.1 Hồ sơ thanh toán bao gồm:

Bên A thanh toán giá trị của từng đợt vận chuyển cho bên B bằng tiền Việt Nam đồng theo phương thức tiền mặt hoặc chuyển khoản trong vòng 03 ngày. Khi bên A nhận được đầy đủ hồ sơ thanh toán. Hồ sơ thanh toán bao gồm:

- Công văn đề nghị thanh toán của Bên B (bản chính);
- Bảng tổng hợp khối lượng và giá trị thanh toán cho từng đợt có xác nhận của lãnh đạo hai bên;
- Hoá đơn VAT (bản chính);
- Các chứng từ chất thải nguy hại (bản chính)

5.2 Thời hạn thanh toán: Trong vòng 07 ngày kể từ ngày Bên A nhận được yêu cầu và các chứng từ hợp lệ nêu trên từ Bên B.

ĐIỀU 6: BẢO MẬT THÔNG TIN

Các bên sẽ bảo mật nội dung của hợp đồng này và tất cả các vấn đề phát sinh trong quá trình thương lượng, cũng như sẽ không phát mãi các thông tin này cho bất kỳ bên thứ ba nào trừ khi việc phát mãi thông tin được pháp luật hay qui định của cơ quan có thẩm quyền yêu cầu hoặc thông tin đã được thông báo công khai. Điều khoản này sẽ tiếp tục có hiệu lực bất kể hợp đồng được chấm dứt vì bất kỳ lý do nào.

ĐIỀU 7: BẤT KHẢ KHÁNG

7.1 Bất khả kháng là sự kiện xảy ra mang tính khách quan và nằm ngoài tầm kiểm soát của các bên bao gồm nhưng không giới hạn động đất, bão, lũ, lụt, lốc, sóng thần, lở đất, hoả hoạn, chiến tranh hoặc có nguy cơ xảy ra chiến tranh, sự thay đổi chính sách hoặc sự ngăn cấm của cơ quan có thẩm quyền của Việt Nam.

7.2 Bên bị ảnh hưởng bởi sự kiện bất khả kháng có nghĩa vụ phải thông báo cho bên kia về sự kiện bất khả kháng trong vòng bảy ngày kể từ ngày xảy ra sự kiện bất khả kháng và tiến hành các biện pháp khắc phục. Nếu trường hợp bất khả kháng kéo dài trên ba mươi (30) ngày, một trong các bên có thể chấm dứt hợp đồng.

ĐIỀU 8: ĐIỀU KHOẢN CHUNG

8.1 Hai bên cam kết thực hiện nghiêm chỉnh các điều khoản của hợp đồng này trên cơ sở hợp tác cùng có lợi. Nếu có sự thay đổi hoặc bổ sung nào đối với hợp đồng thì phải được hai bên thống nhất bằng văn bản hoặc Phụ lục hợp đồng.

8.2 Nếu hai bên không tự thỏa thuận được với nhau, thì tất cả tranh chấp phát sinh hay liên quan đến Hợp đồng này sẽ được giải quyết bởi Tòa án có thẩm quyền tại tỉnh Quảng Ngãi.

8.3 Hợp đồng được thành lập làm 04 bản bằng tiếng Việt có giá trị pháp lý như nhau, mỗi bên giữ 02 bản có giá trị như nhau.

ĐẠI DIỆN BÊN A



GIÁM ĐỐC

Quản Thị Nguyễn Thị

ĐẠI DIỆN BÊN B



GIÁM ĐỐC KLH

Nguyễn Vĩnh Phúc

UBND TỈNH BÌNH ĐỊNH
SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: 2587 /STNMT-CCBVM

Quy Nhơn, ngày 31 tháng 12 năm 2006

V/v cấp sổ đăng ký chủ
nguồn thải chất thải nguy hại

Kính gửi: Chi nhánh Công ty CP gỗ Hoàng Anh Gia Lai - Nhà máy Gỗ
Hoàng Anh Quy Nhơn

Sở Tài nguyên và Môi trường nhận được Đơn đăng ký chủ nguồn thải chất thải nguy hại của Chi nhánh Công ty CP gỗ Hoàng Anh Gia Lai - Nhà máy Gỗ Hoàng Anh Quy Nhơn. Sau khi xem xét, Sở Tài nguyên và Môi trường cấp Sổ đăng ký chủ nguồn thải chất thải nguy hại (gửi kèm theo) đến Chi nhánh Công ty CP gỗ Hoàng Anh Gia Lai - Nhà máy Gỗ Hoàng Anh Quy Nhơn theo quy định tại Thông tư số 12/2006/TT-BTNMT ngày 26/12/2006 của Bộ Tài nguyên và Môi trường, hướng dẫn điều kiện hành nghề và thủ tục lập hồ sơ, đăng ký, cấp phép hành nghề, mã số quản lý chất thải nguy hại. Đồng thời, đề nghị Chi nhánh Công ty CP gỗ Hoàng Anh Gia Lai - Nhà máy Gỗ Hoàng Anh Quy Nhơn nghiêm túc thực hiện các trách nhiệm của đơn vị mình theo yêu cầu của Sổ đăng ký chủ nguồn thải chất thải nguy hại.

Sở Tài nguyên và Môi trường thông báo cho đơn vị biết và thực hiện./

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu VP, CCBVM(03b).

KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC



Lê Minh Luận

Quy Nhơn, ngày tháng 12 năm 2010

SỞ ĐĂNG KÝ
CHỦ NGUỒN THẢI CHẤT THẢI NGUY HẠI

Mã số QLCTNH: 52.000031.T

I. Thông tin chung về chủ nguồn thải:

Tên chủ nguồn thải: Chi nhánh Công ty CP gỗ Hoàng Anh Gia Lai - Nhà máy Gỗ Hoàng Anh Quy Nhơn

Địa chỉ văn phòng: Khu Công nghiệp Phú Tài, phường Trần Quang Diệu, Tp. Quy Nhơn, tỉnh Bình Định.

Điện thoại: 056. 2211303

Fax: 056. 3841992

Tài khoản số: 0051000000924 tại Ngân hàng TM CP Ngoại thương Việt Nam, Chi nhánh Phú Tài.

Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động và đăng ký thuế chi nhánh số: 5900639165-001

Ngày cấp: lần đầu ngày 09/10/2009, thay đổi lần thứ nhất ngày 24/6/2010

Nơi cấp: Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Định

Tên cơ sở phát sinh chất thải nguy hại (CTNH): Nhà máy gỗ Hoàng Anh Quy Nhơn

Loại hình cơ sở: Công ty cổ phần

Địa chỉ: Khu công nghiệp Phú Tài, phường Trần Quang Diệu, TP. Quy Nhơn, tỉnh Bình Định

Điện thoại: 056. 2211303

Fax: 056. 3841992

Tên người liên hệ: Lê Văn Chơn

II. Nội dung đăng ký:

Chi nhánh Công ty CP gỗ Hoàng Anh Gia Lai - Nhà máy Gỗ Hoàng Anh Quy Nhơn đã đăng ký với Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bình Định Danh sách chất thải nguy hại phát sinh tại cơ sở và Danh sách chất thải khác phát sinh từ cơ sở (phụ lục kèm theo).

III. Trách nhiệm của Chi nhánh Công ty CP gỗ Hoàng Anh Gia Lai - Nhà máy Gỗ Hoàng Anh Quy Nhơn:

1. Bảo vệ môi trường, phòng, chống ô nhiễm và suy thoái môi trường.
2. Tuân thủ các quy định về quản lý chất thải nguy hại tại Luật Bảo vệ môi trường và các quy định liên quan.
3. Thực hiện đúng trách nhiệm quy định tại Mục 1 Phần IV của Thông tư số 12/2006/TT-BTNMT ngày 26/12/2006 của Bộ Tài nguyên và Môi trường.
4. Trường hợp thay đổi, bổ sung về chủng loại hoặc tăng từ 15% trở lên so với số lượng CTNH đã đăng ký phát sinh hoặc khi thay đổi địa điểm cơ sở nhưng không thay đổi chủ nguồn thải; thay đổi chủ nguồn thải nhưng không thay đổi địa điểm cơ sở, Chi nhánh Công ty CP gỗ Hoàng Anh Gia Lai - Nhà máy Gỗ Hoàng Anh Quy Nhơn phải gửi đơn đề nghị điều chỉnh Sổ đăng ký chủ nguồn thải CTNH và Sổ đăng ký hiện có đến Sở Tài nguyên và Môi trường để xem xét và cấp Sổ mới.
5. Khi chấm dứt hoạt động, Chi nhánh Công ty CP gỗ Hoàng Anh Gia Lai - Nhà máy Gỗ Hoàng Anh Quy Nhơn phải thông báo bằng văn bản và nộp lại Sổ đăng ký chủ nguồn thải cho Sở Tài nguyên và Môi trường.
6. Định kỳ 06 tháng một lần, Chi nhánh Công ty CP gỗ Hoàng Anh Gia Lai - Nhà máy Gỗ Hoàng Anh Quy Nhơn lập báo cáo về tình hình phát sinh và quản lý CTNH gửi Sở Tài nguyên và Môi trường theo mẫu tại Phụ lục 4 (A) của Thông tư.

IV. Thời hạn hiệu lực:

Sổ đăng ký chủ nguồn thải CTNH có hiệu lực đến khi cần điều chỉnh hoặc chấm dứt hoạt động theo quy định tại mục 3 phần III của Sổ đăng ký chủ nguồn thải CTNH. *Ưm*

KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC



Lê Minh Luận



PHỤ LỤC

(Kèm theo Sổ đăng ký chủ nguồn thải có mã số QLCTNH 52.000031
do Sở Tài nguyên và Môi trường cấp ngày.....tháng 12 năm 2010).

1. Danh sách chất thải nguy hại đã đăng ký phát sinh trung bình trong 01 tháng tại cơ sở:

TT	Tên chất thải	Trạng thái tồn tại (rắn/lỏng/bùn)	Số lượng	Mã CTNH
1.	Các loại vật dụng nhiễm dầu thải như: giẻ lau, bao tay...	Rắn	15 kg	18.02.01
2.	Các chất thải khác có chứa thành phần nguy hại (Các thùng dùng các loại hóa chất thải: HAN 11, HAN 12 QN, HAN 07A, HAN 07B, Phụ gia SBM, Bóng caxt, Dung môi caxt, Dầu OBT 01N, Dầu Diesel)	Rắn	18 thùng	18.01.01
3.	Bóng đèn huỳnh quang thải	Rắn	01 kg	16.01.06

2. Danh sách chất thải khác đã đăng ký phát sinh trung bình trong 01 tháng
tại cơ sở:

TT	Tên chất thải	Trạng thái tồn tại (rắn/lỏng/bùn)	Số lượng (kg)
1.	Chất thải rắn sản xuất (mùn cưa, bao bì,...)	Rắn	305
2.	Chất thải rắn sinh hoạt	Rắn	50
3.	Nước thải sản xuất	Lỏng	1.000
4.	Nước thải sinh hoạt	Lỏng	3.000
Tổng số lượng			4.355

3. Bộ hồ sơ đăng ký chủ nguồn thải CTNH:

Danh sách các hồ sơ, giấy tờ trong bộ hồ sơ đăng ký:

- Đơn đăng ký chủ nguồn thải chất thải nguy hại;
- Bản sao Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động và đăng ký thuế chi nhánh;
- Bản sao Giấy xác nhận bản cam kết bảo vệ môi trường của dự án xây dựng

Nhà máy gỗ Hoàng Anh Quy Nhơn được UBND TP. Quy Nhơn cấp ngày
18/7/2008.

Nov 2024

Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam
Độc Lập Tự Do Hạnh Phúc



BÁO CÁO QUẢN LÝ CHẤT THẢI NGUY HẠI CỦA CHỦ NGUỒN CHẤT THẢI NGUY HẠI

Tên chủ nguồn thải : CÔNG TY TNHH HOÀNG ANH QUY NHƠN
Địa chỉ : lô 33+34 và 38 khu công nghiệp Phú Tài phường Trần Quang Diệu
thành phố Quy Nhơn Bình Định
ĐT 02563841953 02563841993
MÃ SỐ QLCTNH :52000031.T

QUẢN LÝ CTNH tại cơ sở trọng ký báo cáo vừa qua
Hoàng Anh Ngày 01/Tháng 01 Năm 2024

STT	TÊN CHẤT THẢI	MÃ CTNH	Số lượng (KG)		Phương pháp XỬ LÝ	Tổ chức cá nhân tiếp nhận CTNH	GHI CHÚ
			ký báo	năm			
1	GIẾ LAU BAO TAY	18-02-01		130		K HÀNG (thu gom)	
2	THÙNG ĐỰNG KEO (thùng sắt can nhựa)	18-02-02		10		LILAMA Cty CP Cơ Điện môi trường	
3	THÙNG PHI SÁT	18-02-02		130		(LILAMA E M E)	
4	BÔNG ĐÉN H QUANG	16-01-06		30			
5	BỘT SƠN ĐÁ X DỤNG	18-02-02		550			
6	HỘP MỰC IN	18-02-04		0			
	TỔNG CỘNG			850			

Hoàng Anh Ngày 01/Tháng 01 Năm 2024
lập báo cáo


Võ Phương Thành



Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam
Độc Lập Tự Do Hạnh Phúc

BÁO CÁO QUẢN LÝ CHẤT THẢI NGUY HẠI CỦA CHỦ NGUỒN CHẤT THẢI NGUY HẠI

Tên chủ nguồn thải : CÔNG TY TNHH HOÀNG ANH QUY NHƠN
Địa chỉ : lô 33+34 và 38 khu công nghiệp Phú Tài phường Trần Quang Diệu
thành phố Quy Nhơn Bình Định
ĐT 02563841953 02563841993
MÃ SỐ QLCTNH :52000031.T

QUẢN LÝ CTNH tại cơ sở trong kỳ báo cáo vừa qua
Hoàng Anh Ngày 01 Tháng 06 Năm 2024

STT	TÊN CHẤT THẢI	MÃ CTNH	Số lượng (KG)		Phương pháp XỬ LÝ	Tổ chức cá nhân tiếp nhận CTNH	GHI CHÚ
			kỳ báo	năm			
1	GIẾ LAU BAO TAY	18-02-01		100		K HÀNG (thu gom)	
2	THÙNG ĐỰNG KEO (thùng sắt can nhựa)	18-02-02		10		LILAMA Cty CP Cơ Điện môi trường	
3	THÙNG PHI SẮT	18-02-02		110		(LILAMA E M E)	
4	BÓNG ĐÈN H QUANG	16-01-06		30			
5	BỘT SƠN ĐÃ X DỤNG	18-02-02		400			
6	HỘP MỰC IN	18-02-04		0			
	TỔNG CỘNG			650			

Hoàng Anh Ngày 01 Tháng 06 Năm 2024
lập báo cáo


Võ Phương Thành

Năm 2023.



Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam
Độc Lập Tự Do Hạnh Phúc

BÁO CÁO QUẢN LÝ CHẤT THẢI NGUY HẠI CỦA CHỦ NGUỒN CHẤT THẢI NGUY HẠI

Tên chủ nguồn thải : CÔNG TY TNHH HOÀNG ANH QUY NHƠN
Địa chỉ : lô 33+34 và 38 khu công nghiệp Phú Tài phường Trần Quang Diệu
thành phố Quy Nhơn Bình Định
ĐT 02563841953 02563841993
MÃ SỐ QLCTNH : 52000031.T

QUẢN LÝ CTNH tại cơ sở trong kỳ báo cáo vừa qua
Hoàng Anh Ngày 01 Tháng 06 Năm 2023

STT	TÊN CHẤT THẢI	MÃ CTNH	Số lượng (KG)		Phương pháp	Tổ chức cá nhân tiếp nhận CTNH	GHI CHÚ
			ký báo	năm			
1	GIẾ LAU BAO TAY	18-02-01		150	XỬ LÝ	K HÀNG (thu gom)	
2	THÙNG ĐỰNG KEO (thùng sắt can nhựa)	18-02-02		10		LILAMA Cty CP Cơ Điện môi trường (LILAMA E M E)	
3	THÙNG PHI SẮT	18-02-02		150			
4	BÔNG ĐÉN H QUANG	16-01-06		20			
5	BỘT SƠN ĐÁ X DỰNG	18-02-02		400			
6	HỘP MỰC IN	18-02-04		0			
TỔNG CỘNG				730			

Hoàng Anh Ngày 01 Tháng 06 Năm 2023
lập báo cáo

Võ Phương Thành



Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam
Độc Lập Tự Do Hạnh Phúc

BÁO CÁO QUẢN LÝ CHẤT THẢI NGUY HẠI CỦA CHỦ NGUỒN CHẤT THẢI NGUY HẠI

Tên chủ nguồn thải: CÔNG TY TNHH HOÀNG ANH QUY NHƠN
Địa chỉ: lô 33+34 và 38 khu công nghiệp Phú Tài phường Trần Quang Diệu
thành phố Quy Nhơn Bình Định
ĐT 02563841953 02563841993
MÃ SỐ QLCTNH: 52000031.T

QUẢN LÝ CTNH tại cơ sở trong kỳ báo cáo vừa qua
Hoàng Anh Ngày 01 Tháng 12 Năm 2022

STT	TÊN CHẤT THẢI	MÃ CTNH	Số lượng (KG)		Phương pháp	Tổ chức cá nhân tiếp nhận CTNH	GHI CHÚ
			ký báo	năm			
1	GIẾ LAU BAO TAY	18-02-01		150	XỬ LÝ	K HÀNG (thu gom)	
2	THÙNG ĐỰNG KEO (thùng sắt can nhựa)	18-02-02		20		LILAMA Cty CP Cơ Điện môi trường	
3	THÙNG PHI SẮT	18-02-02		120		(LILAMA E M E)	
4	BÓNG ĐÉN H QUANG	16-01-06		30			
5	BỘT SƠN ĐÀ X DUNG	18-02-02		600			
6	HỘP MỰC IN	18-02-04		0			
	TỔNG CỘNG			920			

Hoàng Anh Ngày 01 Tháng 12 Năm 2022
lập báo cáo

Võ Phương Thành

22/2015
09

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

HỢP ĐỒNG
DỊCH VỤ CẤP NƯỚC

Số: E/2120/HĐ

- Căn cứ Luật Dân sự số 33/2005/QH11 được Quốc hội nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 14/6/2005;
- Căn cứ Nghị định số 117/2007/NĐ-CP ngày 11/07/2007 của Chính phủ về sản xuất, cung cấp và tiêu thụ nước sạch;
- Căn cứ Nghị định số 124/2011/NĐ-CP ngày 28/12/2011 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều Nghị định số 117/2007/NĐ-CP ngày 11/07/2007 của Chính phủ về sản xuất, cung cấp và tiêu thụ nước sạch;
- Căn cứ Thông tư số 01/2008/TT-BXD ngày 02 tháng 01 năm 2008 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng hướng dẫn thực hiện Nghị định số 117/2007/NĐ-CP ngày 11/07/2007 của Chính phủ về sản xuất, cung cấp và tiêu thụ nước sạch;
- Căn cứ Nghị định số 99/2011/NĐ-CP ngày 27/10/2011 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng và Quyết định số 02/2012/QĐ-TTg ngày 13/01/2012 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Danh mục hàng hoá, dịch vụ thiết yếu phải đăng ký hợp đồng theo mẫu, điều kiện giao dịch chung;
- Căn cứ nhu cầu sử dụng của khách hàng và năng lực cung cấp nước sạch của Công ty cổ phần Cấp thoát nước Bình Định.

Hôm nay, ngày 22 tháng 09 năm 2015 tại Công ty cổ phần Cấp thoát nước Bình Định, chúng tôi gồm:

• **BÊN CUNG CẤP DỊCH VỤ:** (gọi tắt là **Bên A**)

Tên đơn vị cấp nước: **CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP THOÁT NƯỚC BÌNH ĐỊNH.**

Địa chỉ trụ sở chính: 146 Lý Thái Tổ, Phường Quang Trung, Thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định.

Tài khoản số: 10201.0000.407498 tại Ngân hàng: Công thương Bình Định

Mã số thuế: 4100258955

Điện thoại: 056.3646062 - 056.3846507

Fax:

Đại diện là Ông (Bà): **NGUYỄN VĂN CHÂU**

Chức vụ: Giám đốc

(Giấy uỷ quyền số:do Giám đốc Công ty ký ngày tháng năm)

• **KHÁCH HÀNG SỬ DỤNG NƯỚC:** (gọi tắt là **Bên B**)

Tên cơ quan, tổ chức/Chủ hộ: **CÔNG TY TNHH HOÀNG ANH QUY NHƠN.**

Địa chỉ trụ sở chính: Lô B33, B34 và B38 KCN Phú Tài, Phường Trần Quang Diệu, Thành phố Quy Nhơn, Tỉnh Bình Định, Việt Nam.

Địa chỉ cấp nước: Lô B33, B34 và B38 KCN Phú Tài, Phường Trần Quang Diệu, Thành phố Quy Nhơn, Tỉnh Bình Định.

Tài khoản số: 0431000000924

Hạng mục:

Mã nguồn:

Tại Ngân hàng (Kho bạc): Vietcombank Phú Tài.

Mã số thuế: 4101435124

Điện thoại: 056. 2211303

Fax: 056.3841992

Đại diện là Ông (Bà): **ĐOÀN THỊ NGUYỄN VINH**

Chức vụ: Giám đốc

(Giấy uỷ quyền số:do Giám đốc Công ty ký ngày tháng năm)

Hai bên cùng thoả thuận ký kết các điều khoản sau:

Điều 1: Mục đích sử dụng.

Bên A đồng ý cung cấp dịch vụ cấp nước sạch cho bên B theo mục đích sử dụng như sau:

Sinh hoạt

☐

Hành chính sự nghiệp

☐

Sản xuất vật chất

☒

Kinh doanh dịch vụ

☐

Số hộ đăng ký sử dụng:

Tổng số nhân khẩu:

Điều 2: Tiêu chuẩn và chất lượng dịch vụ.

1. Chất lượng nước sạch đảm bảo vệ sinh theo quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng ăn uống (QCVN 01: 2009/BYT) của Bộ Y tế quy định.

2. Nước sạch được cung cấp phải đảm bảo áp lực, lưu lượng và tính liên tục.

3. Thiết bị đo đếm nước phải phù hợp với Tiêu chuẩn Việt Nam và được cơ quan quản lý nhà nước về đo lường kiểm chuẩn và niêm phong do bên A đầu tư và lắp đặt (hiệu:....., năm sản xuất:....., sản xuất tại:.....).

4. Thời gian kiểm định đồng hồ theo quy định của Luật Đo lường chất lượng và các quy định hiện hành.

5. Phí kiểm định đồng hồ trong trường hợp có tranh chấp về khối lượng nước sử dụng như sau:

- Trường hợp tổ chức kiểm định độc lập xác định thiết bị đo đếm nước hoạt động theo đúng Tiêu chuẩn Việt Nam thì bên B phải trả phí kiểm định.

- Trường hợp tổ chức kiểm định độc lập xác định thiết bị đo đếm nước hoạt động không đúng Tiêu chuẩn Việt Nam thì bên A phải trả phí kiểm định.

6. Quản lý, lắp đặt đồng hồ đo nước tiêu thụ được thực hiện theo Điều 8 chương II của Quy chế quản lý hệ thống sản xuất, cung cấp và sử dụng nước sạch của Công ty cấp thoát nước Bình Định được UBND tỉnh Bình Định ban hành kèm theo Quyết định số: 101/1999/QĐ-UB ngày 10/07/1999.

Điều 3: Giá nước, phương thức và thời hạn thanh toán.

1. Giá nước sạch:

Giá nước sạch áp dụng theo Quyết định của UBND tỉnh Bình Định tại từng thời điểm thanh toán. Trường hợp UBND tỉnh có Quyết định điều chỉnh giá nước sạch, bên A có trách nhiệm thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng của tỉnh (ít nhất là 02 lần trong tháng đầu tiên sau khi có Quyết định).

2. Phương thức thanh toán:

- Hàng tháng bên B thanh toán tiền nước cho bên A một lần.
- Tiền thanh toán: Bằng tiền đồng Việt Nam.
- Hình thức thanh toán bằng:

+ Tiền mặt:

☐

+ Ủy nhiệm thu qua Ngân hàng (Kho bạc):

☒

3. Thời hạn thanh toán:

- Đối với tiền nước thu bằng tiền mặt: Bên B phải thanh toán kịp thời khi nhân viên thu tiền nước bên A đến giao hóa đơn tiền nước hàng tháng tại nhà, cơ quan. Nếu vì lý do nào đó bên B không thanh toán tiền ngay khi nhân viên thu ngân đến nhà (cơ quan) thì trong vòng 02 ngày bên B phải đến Phòng kinh doanh Công ty cổ phần Cấp thoát nước Bình Định để thanh toán.

- Đối với tiền nước do các tổ chức, cơ quan hành chính sự nghiệp, đơn vị sản xuất vật chất, kinh doanh dịch vụ sử dụng có tài khoản tại Ngân hàng (Kho bạc), bên A sẽ nhờ thu qua Ngân hàng (Kho bạc).

Điều 4: Phương thức ghi chỉ số đồng hồ.

1.1 Hàng tháng bên A có trách nhiệm ghi chỉ số đồng hồ nước theo từng thời điểm cho từng tuyến đường do bên A quy định.

1.2 Trường hợp do sự cố kỹ thuật đồng hồ hư hỏng, lượng nước tiêu thụ được tính căn cứ vào lượng nước bình quân của 3 tháng liền kề trước đó.

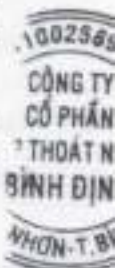
1.3 Công tác quản lý tiêu thụ nước được thực hiện theo Điều 9 Chương II của Quy chế quản lý hệ thống sản xuất, cung cấp và sử dụng nước sạch của Công ty cấp thoát nước Bình Định được UBND tỉnh Bình Định ban hành kèm theo Quyết định số: 101/1999/QĐ-UB ngày 10/07/1999.

Điều 5: Quyền và nghĩa vụ của bên A

1. Bên A có các quyền sau:

1.1 Được phép vào khu vực quản lý của bên B để thao tác, bảo dưỡng, sửa chữa, thay thế mới trang thiết bị cấp nước, đường ống và đồng hồ đo nước sau khi được sự đồng ý của bên B.

1.2 Được quyền ngừng cung cấp nước cho bên B trong thời gian sửa chữa, bảo dưỡng, cải tạo, thay mới hệ thống cấp nước.



1.3 Được quyền ngừng dịch vụ cấp nước cho bên B khi bên B không thực hiện nghĩa vụ thanh toán tiền nước, vi phạm các quy định của Hợp đồng này sau 5 tuần (đối với hộ gia đình sử dụng nước cho mục đích sinh hoạt), hoặc sau 15 ngày làm việc (đối với các đối tượng sử dụng nước khác) kể từ khi có thông báo về việc ngừng dịch vụ cấp nước.

1.4 Được bồi thường thiệt hại do bên B gây ra theo quy định của pháp luật.

2. Bên A có các nghĩa vụ sau:

2.1 Cung cấp đúng tiêu chuẩn, chất lượng dịch vụ đã được nêu tại khoản 1, 2 và 3 Điều 2 của Hợp đồng này.

2.2 Có trách nhiệm kiểm tra, xử lý kịp thời hệ thống đường ống, đồng hồ đo lưu lượng khi bên B thông báo sự cố đường ống, sự cố đồng hồ đo nước.

2.3 Thông báo các trường hợp ngừng cung cấp nước trên phương tiện thông tin đại chúng của địa phương trước 48 giờ (trừ các trường hợp bất khả kháng).

2.4 Có trách nhiệm giải quyết kịp thời mọi khiếu nại của bên B theo đúng quy định của pháp luật.

2.5 Bồi thường khi gây thiệt hại cho bên B theo quy định của pháp luật.

2.6 Kiểm định đồng hồ nước theo đúng thời hạn quy định

Điều 6: Quyền và nghĩa vụ của bên B.

1. Bên B có các quyền sau:

1.1 Yêu cầu bên A cung cấp dịch vụ cấp nước đã được nêu tại khoản 1, 2 và 3 Điều 2 của Hợp đồng này.

1.2 Yêu cầu bên A kiểm tra chất lượng dịch vụ, tính chính xác của thiết bị đo đếm, số tiền nước thanh toán.

1.3 Yêu cầu bên A kịp thời khắc phục việc cấp nước khi có sự cố.

1.4 Được bồi thường thiệt hại do bên A gây ra theo quy định của Pháp luật.

1.5 Khiếu nại, tố cáo mọi hành vi vi phạm Hợp đồng và Quy chế quản lý hệ thống sản xuất, cung cấp và sử dụng nước sạch của bên A.

2. Bên B có các nghĩa vụ sau:

2.1 Sử dụng nước tiết kiệm và theo đúng Hợp đồng đã ký.

2.2 Thanh toán tiền nước sạch đầy đủ, đúng thời hạn ghi trong hóa đơn cho bên A. Nếu chậm trả tiền nước quá 01 tháng so với thời hạn thanh toán được quy định trong Hợp đồng này thì phải trả tiền lãi của khoản tiền chậm trả cho bên A theo lãi suất ngân hàng tại thời điểm thanh toán.

2.3 Thanh toán chi phí vật tư sửa chữa, di chuyển đồng hồ khi bên B yêu cầu.

2.4 Bảo vệ và quản lý đồng hồ nước lắp đặt trong khu vực quản lý của mình. Nếu đồng hồ bị mất hoặc hư hỏng vì lý do chủ quan thì bên B có trách nhiệm nộp tiền lắp đặt đồng hồ mới.

2.5 Thông báo kịp thời cho bên A khi phát hiện những dấu hiệu bất thường có thể gây mất nước, ảnh hưởng đến chất lượng dịch vụ, mất an toàn cho người và tài sản.

2.6 Tạo điều kiện thuận lợi cho nhân viên bên A kiểm tra hệ thống cấp nước, ghi chỉ số đồng hồ nước và thu tiền nước đã sử dụng.

2.7 Giữ gìn vệ sinh khu vực lắp đặt đồng hồ nước, không để những vật bẩn tại nơi hoặc gần khu vực lắp đặt đồng hồ.

2.8 Cần liên hệ với bên A nếu quá 2 tháng không nhận được hóa đơn thanh toán tiền sử dụng nước.

2.9 Bồi thường khi gây thiệt hại cho bên A theo quy định của pháp luật.

2.10 Thực hiện đầy đủ các khoản quy định tại Điều 14 Chương IV Quy chế quản lý hệ thống sản xuất, cung cấp và sử dụng nước sạch của Công ty cấp thoát nước Bình Định được UBND tỉnh Bình Định ban hành kèm theo Quyết định số: 101/1999/QĐ-UB ngày 10/07/1999.

Điều 7: Sửa đổi Hợp đồng.

1. Trường hợp bên B có các thay đổi về mục đích sử dụng nước, nhân khẩu, số hộ, người đứng tên hợp đồng, mã số thuế, ngân hàng thanh toán, hoặc hình thức thanh toán ... cần thông báo cho bên A biết để cùng điều chỉnh hoặc ký lại hợp đồng.

2. Trường hợp bên B chuyển giao bất động sản tại địa điểm cấp nước thì phải chuyển giao quyền sử dụng đồng hồ nước và ký lại Hợp đồng dịch vụ cấp nước.

Điều 8: Điều kiện chấm dứt Hợp đồng.

Hợp đồng chấm dứt trong các trường hợp sau:

1. Bên B không có nhu cầu tiếp tục sử dụng nước.
2. Bên B tự cầu đầu nước từ trụ nước phòng cháy, chữa cháy để sử dụng.
3. Bên B vi phạm nghĩa vụ thanh toán tiền nước và các nghĩa vụ đã cam kết.
4. Hai bên thỏa thuận thanh lý.

Điều 9: Xử lý vi phạm Hợp đồng.

Nếu một trong hai bên tham gia ký kết Hợp đồng có hành vi vi phạm Hợp đồng thì bên kia có quyền thông báo cho bên vi phạm biết, khắc phục hoặc làm đơn yêu cầu cơ quan nhà nước có thẩm quyền xử lý.

Điều 10: Các thỏa thuận khác.

1. Bên A thu 20.000 đồng khi bên A đã có thông báo ngừng cấp nước cho bên B vì bên B không thanh toán tiền nước theo đúng Hợp đồng đã ký.

2. Bên A truy thu tiền nước theo khối lượng nước do bên B sử dụng nước không đúng quy định trong các trường hợp sau:

- Làm sai lệch đồng hồ đo nước với nhiều hình thức khác nhau.
- Lắp đặt thêm hệ thống cấp nước trước đồng hồ.
- Tự ý dịch chuyển đồng hồ, đồng hồ không còn niêm chì.

Khối lượng nước truy thu được tính dựa trên nhân khẩu, hoặc lượng nước bình quân dùng trong sản xuất vật chất và kinh doanh dịch vụ kể từ khi lắp đặt đồng hồ đo nước cho đến thời điểm lập biên bản vi phạm Hợp đồng theo biểu giá hiện hành.

3. Khi bên B phát hiện bể vỡ đường ống cấp nước phải báo ngay cho bên A theo số điện thoại 056.3646062 hoặc 056.3846507 để bên A sửa chữa kịp thời, giảm thiểu lượng nước thất thoát.

Điều 11: Cam kết thực hiện

Hai bên cam kết thực hiện đầy đủ các điều khoản đã thỏa thuận trong Hợp đồng này và chấp hành nghiêm chỉnh các quy định của Nhà nước ban hành có liên quan đến việc cung cấp và sử dụng dịch vụ cấp nước.

Trong quá trình thực hiện Hợp đồng, nếu xảy ra tranh chấp thì thực hiện theo điều 30 của Luật bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng.

Hợp đồng này có hiệu lực kể từ ngày ký và được lập thành hai bản có giá trị pháp lý như nhau, mỗi bên giữ một bản cùng nhau thực hiện./.



Trần Thị Cao Nguyên Vinh



Nguyễn Văn Châu

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

**HỢP ĐỒNG THU GOM VẬN CHUYỂN VÀ XỬ LÝ
RÁC THẢI SINH HOẠT THÔNG THƯỜNG**

Số :/HĐDVVS - ĐMT ..

Căn cứ Bộ luật Dân sự số 91/2015/QH13 ngày 24/11/2015 của Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam;

Căn cứ Luật Thương mại số 36/2005/QH11 ngày 14/6/2005 của Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và các Nghị định, Thông tư hướng dẫn thi hành;

Căn cứ Nghị định số 38/2015/NĐ-CP ngày 24/4/2015 của Chính phủ về Quản lý chất thải và phế liệu;

Căn cứ Quyết định số 17/2018/QĐ-UBND ngày 04/5/2018 của UBND tỉnh Bình Định về việc quy định giá tối đa dịch vụ xử lý chất thải rắn sinh hoạt trên địa bàn thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định lộ trình năm 2018-2019;

Căn cứ Quyết định số 18/2018/QĐ-UBND ngày 04/5/2018 của UBND tỉnh Bình Định về việc quy định giá tối đa dịch vụ thu gom, vận chuyển rác thải sinh hoạt trên địa bàn thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định lộ trình năm 2018-2019;

Căn cứ vào nhu cầu và sự thỏa thuận của hai bên.

Hôm nay, ngày/..../..../năm 2018...tại Công ty Cổ phần Môi trường đô thị Quy Nhơn, chúng tôi gồm có:

I. Bên A: Bên thuê thu gom, vận chuyển và xử lý rác thải SHTT

Tên đơn vị (Chủ hộ):

Địa chỉ :

Phường:, huyện, thành phố, tỉnh Bình Định

Điện thoại: Fax:

Tài khoản số: tại Ngân hàng (Kho bạc).....

Mã số thuế:

Đại diện là Ông (bà) : Chức vụ:

(Giấy ủy quyền số, do Giám đốc Công ty ký ngày, tháng, năm)

II. Bên B: Bên nhận thu gom, vận chuyển và xử lý rác thải SHTT

Tên đơn vị: Công ty Cổ phần Môi trường đô thị Quy Nhơn

Địa chỉ: 40 Phan Bội Châu, phường Lê Lợi, TP.Quy Nhơn, tỉnh Bình Định, Việt Nam

Điện thoại: 0256-3814600

Fax : 0256-3826609

Tài khoản số: 58010000001427 tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và phát triển Việt Nam – Chi nhánh Bình Định

Mã số thuế: 4100298570

Đại diện là Ông: **Võ Văn Hoan**

Chức vụ: **Phó Giám đốc**

(Giấy ủy quyền số 01/GUQ-CTMT do Giám đốc Công ty ký ngày 02/01/2018).

Hai bên thỏa thuận ký Hợp đồng thu gom, vận chuyển và xử lý rác thải sinh hoạt thông thường với những điều khoản sau:

Điều I. Nội dung công việc

Bên B thực hiện thu gom, vận chuyển và xử lý rác thải sinh hoạt thông thường cho bên A, với khối lượng khoảng...0.2...m³/tháng, mỗi tuần...0.2...lần vào các ngày thứ...2...1...6...trong tuần tại địa điểm:....Trang...Xã...Quận.....

Trách nhiệm bên A:

Để rác thải sinh hoạt thông thường trong giỏ (khoảng 50kg/giỏ), hoặc thùng đựng rác và tập kết tại 01 điểm cố định thuận lợi để bên B đưa xe vào vận chuyển.

Thực hiện phân loại chất thải tại nguồn theo quy định và theo hướng dẫn của bên B.

Không bỏ chung các loại chất thải y tế, rác thải nguy hại, sản phẩm thịt tươi sống kém phẩm chất, rác thải công nghiệp với rác thải sinh hoạt thông thường, nếu vi phạm bên B có quyền từ chối thực hiện Hợp đồng.

Bên A bố trí điểm rác thuận lợi để xe của bên B đến thu gom, vận chuyển.

Trách nhiệm bên B:

Bố trí xe và công nhân vào lấy rác thải sinh hoạt thông thường, vận chuyển lên bãi rác Long Mỹ để xử lý, đảm bảo vệ sinh môi trường và mỹ quan đô thị.

Điều II. Đơn giá, hình thức và thời gian thanh toán

Đơn giá dịch vụ thu gom, vận chuyển và xử lý rác thải SHTT :.....300.000...đồng / m³

Thành tiền hàng tháng (đơn giá nhân với khối lượng bình quân) :600.000...đồng

(Bằng chữ :Sáu trăm ngàn đồng / tháng.....)

(Giá trên đã bao gồm thuế GTGT 10%).

Hình thức thanh toán: Tiền mặt hoặc chuyển khoản.

Thời gian thanh toán : Thanh toán một lần, từ ngày 10 đến ngày 25 hàng tháng.

Điều III. Thời hạn Hợp đồng

Từ ngày ...01...6...2018...đến khi có sự thay đổi quy định về giá dịch vụ thu gom, vận chuyển và xử lý rác thải sinh hoạt thông thường của UBND tỉnh Bình Định, sự thay đổi về khối lượng rác thải hoặc theo thỏa thuận của hai bên; hai bên sẽ tiến hành thương thảo, ký lại Hợp đồng hoặc Phụ lục hợp đồng và có hiệu lực tại thời điểm ký kết.

Bên B có quyền đơn phương chấm dứt Hợp đồng trước thời hạn khi bên A chậm thanh toán cho bên B sau 10 ngày, kể từ ngày bên A nhận được hóa đơn giá trị gia tăng của bên B. Mọi thiệt hại của việc đơn phương chấm dứt Hợp đồng do bên A chịu trách nhiệm.

Điều IV. Điều khoản chung

Hai bên cam kết thực hiện đúng theo các điều khoản trong Hợp đồng đã ký, trong quá trình thực hiện nếu có gì vướng mắc hai bên tiến hành bàn bạc giải quyết và điều chỉnh Hợp đồng cho phù hợp. Trường hợp có tranh chấp thì tự thương lượng hoặc khiếu kiện đến Tòa án kinh tế Bình Định.

Hợp đồng xem như được thanh lý khi hai bên đã hoàn thành trách nhiệm và nghĩa vụ ghi trong Hợp đồng. Hợp đồng này được lập thành 02 bản có giá trị pháp lý như nhau, mỗi bên giữ 01 bản.



Võ Văn Hoàn

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

HỢP ĐỒNG

THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI

Số: 46 /2020/HĐ-XLNT

Căn cứ Luật Dân sự số 91/2015/QH13 được Quốc hội thông qua ngày 24/11/2015;

Căn cứ Quyết định số 4522/QĐ-UBND ngày 15/12/2015 của UBND tỉnh Bình Định về việc phê duyệt đơn giá xử lý nước thải của Trạm xử lý nước thải tập trung KCN Phú Tài;

Căn cứ Quyết định số 404/QĐ-ĐTXD ngày 13/4/2012 của Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Bình Định về việc quy định cấp độ xử lý nước thải theo từng loại hình sản xuất của các doanh nghiệp trong KCN Phú Tài và Long Mỹ.

Hôm nay, ngày 01 tháng 6 năm 2020 tại văn phòng Công ty CP Đầu tư và Xây dựng Bình Định, chúng tôi gồm các Bên dưới đây:

1. CÔNG TY TNHH HOÀNG ANH QUY NHƠN (gọi tắt là bên A):

- Địa chỉ : Lô B33, B34 và B38 KCN Phú Tài, P.Trần Quang Diệu, Tp.Quy Nhơn, tỉnh Bình Định.
- Người đại diện : Bà *Đoàn Thị Nguyễn Vinh* Chức vụ: Giám đốc
- Điện thoại : 0256 3641202
- Mã số thuế : 4101435124
- Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số: 4101435124 do Sở Kế hoạch & Đầu tư tỉnh Bình Định cấp lần đầu ngày 03/12/2014, đăng ký thay đổi lần thứ 02 ngày 21/12/2015.

2. CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG BÌNH ĐỊNH (gọi tắt là Bên B):

- Địa chỉ : 338 Lạc Long Quân, phường Trần Quang Diệu, TP. Quy Nhơn, tỉnh Bình Định.
- Người đại diện : Ông *Phạm Văn Thành* Chức vụ: Giám đốc
- Điện thoại : (0256) 3841517 - 3641270
- Mã số thuế : 41 01137 456
- Số tài khoản : 58110000026728 tại Chi nhánh Ngân hàng TMCP ĐTPT Phú Tài.
- Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4101137456 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Định cấp ngày 01/9/2010 và đăng ký thay đổi lần thứ ba ngày 30/11/2017.

Sau khi bàn bạc và thảo luận, hai Bên thống nhất ký Hợp đồng thực hiện thu gom, xử lý nước thải với các điều khoản sau:

Điều 1. Nội dung công việc, điều kiện tiếp nhận nước thải:

- Bên B nhận thu gom, xử lý nước thải sinh hoạt và nước thải sản xuất của Bên A đã qua xử lý sơ bộ vào hệ thống xử lý nước thải tập trung KCN tại hố ga góc tường rào phía Tây Bắc lô A35 và hố ga góc tường rào phía Đông Bắc lô B38, KCN Phú Tài.

- Yêu cầu chất lượng: Trước khi xả thải vào hệ thống xử lý nước thải tập trung KCN Phú Tài, nước thải của Bên A phải được xử lý sơ bộ và đạt cấp độ 1,5C theo Bảng quy định cấp độ xử lý nước thải ban hành kèm theo Quyết định số 404/QĐ-ĐTĐ ngày 13/4/2012 của Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Bình Định, được Bên B lấy mẫu nước thải làm phân tích thí nghiệm sau khi đạt kết quả tiêu chuẩn cho phép.

- Bên A chịu trách nhiệm tự kiểm soát cấp độ và chất lượng nước thải trong phạm vi doanh nghiệp cho phù hợp với yêu cầu trên. Trường hợp nồng độ nước thải từ doanh nghiệp chảy vào hệ thống xử lý tập trung không đảm bảo theo quy định (vượt quá cấp độ 1,5C) thì Bên B sẽ từ chối tiếp nhận nước thải của Bên A.

Điều 2. Khối lượng, thu gom xử lý nước thải:

- Khối lượng nước thải tiếp nhận vào Hệ thống xử lý tập trung được xác định trên cơ sở kiểm tra thực tế do hai Bên thỏa thuận theo từng thời điểm có phát sinh biến động về nước thải.

- Phương pháp đo kiểm: Thông qua bể đối chứng của bên A.

- Khối lượng và thời điểm xả thải: Tạm tính $03m^3$ /ngày đêm (theo Biên bản làm việc ngày 27/4/2014) sau này có biến động hai Bên sẽ xác định lại bằng biên bản điều chỉnh, bổ sung cho phù hợp.

Điều 3. Thời gian thực hiện:

Kể từ ngày 01/6/2020 đến hết ngày 31/12/2048 (tính cho cả vòng đời dự án thuê đất của doanh nghiệp).

Điều 4. Đơn giá, phương thức và hình thức thanh toán:

- Đơn giá thu gom xử lý nước thải: 7.590 đồng/ m^3 (Bảy nghìn năm trăm chín mươi đồng) đã có thuế giá trị gia tăng, tương ứng với đơn giá thu gom, xử lý nước thải đạt cấp độ 1,5C đã được UBND tỉnh phê duyệt tại Quyết định số 4522/QĐ-UBND ngày 15/12/2015. Đơn giá trên thay đổi (nếu có) khi cấp thẩm quyền phê duyệt điều chỉnh.

- Thanh toán 02 lần trong năm khi có thông báo thu tiền của Bên B.

- Hình thức thanh toán bằng tiền mặt hoặc chuyển khoản.

- Nếu quá thời hạn 15 ngày (so với ngày qui định trong thông báo) mà Bên A vẫn không thanh toán tiền thu gom xử lý nước thải, thì Bên B có quyền không tiếp nhận nước thải của Bên A để xử lý.

Điều 5. Quyền hạn, trách nhiệm của hai Bên:

a. Bên A có trách nhiệm:

- Dẫn nối nước thải đã qua xử lý sơ bộ vào Hệ thống tập trung KCN Phú Tài.

- Bồi thường thiệt hại khi nước thải không qua xử lý sơ bộ mà đưa vào Hệ thống thu gom xử lý tập trung, gây thiệt hại cho Bên B.

- Cử người cùng lấy mẫu nước thải để kiểm tra khi có yêu cầu của Bên B.

- Thanh toán đủ tiền và đúng hạn.

b. Bên B có quyền hạn, trách nhiệm:

- Thu gom, xử lý nước thải của Bên A đạt cấp độ A theo QCVN 40:2011 trước khi thải ra môi trường.

- Tổ chức lấy mẫu nước thải của Bên A tại bể đối chứng hoặc hồ ga tại vị trí đầu nổi để kiểm tra chất lượng nước thải, làm cơ sở tiếp nhận hoặc không tiếp nhận xử lý. Việc lấy mẫu kiểm tra được tiến hành đột xuất.

- Có quyền không tiếp nhận nếu nước thải của Bên A vượt quá cấp độ 1,5C theo Bảng quy định cấp độ xử lý nước thải ban hành kèm theo Quyết định số 404/QĐ-ĐTĐD ngày 13/4/2012 của Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Bình Định hoặc không nhận được tiền thanh toán sau 02 lần thông báo và sẽ không chịu bất kỳ trách nhiệm nào liên quan đến lượng nước thải của Bên A.

Điều 6. Hợp đồng này hết hiệu lực trong các trường hợp sau:

- Hết thời gian hiệu lực của hợp đồng.

- Một trong hai Bên vi phạm hợp đồng dẫn đến phương hại cho Bên kia.

Điều 7. Điều khoản chung:

- Hai Bên thống nhất thực hiện đúng các điều khoản trong hợp đồng, các thỏa thuận khác (nếu có) sẽ ký hợp đồng bổ sung.

- Trong quá trình thực hiện nếu có phát sinh tranh chấp, các Bên tự giải quyết trên tinh thần hòa giải. Trường hợp không giải quyết được sẽ được phân xử tại Tòa Kinh tế tỉnh Bình Định và phán quyết của Tòa là cuối cùng.

Hợp đồng được lập thành 04 bản có giá trị pháp lý như nhau, Bên A giữ 01 bản, Bên B giữ 03 bản, có hiệu lực kể từ ngày ký./.

ĐẠI DIỆN BÊN A



GIÁM ĐỐC
Đoàn Thị Nguyễn Việt

ĐẠI DIỆN BÊN B



GIÁM ĐỐC

Phạm Văn Thành



**TRUNG TÂM TƯ VẤN CÔNG NGHỆ MÔI TRƯỜNG
VÀ AN TOÀN VỆ SINH LAO ĐỘNG**

Consultancy Center of O.S.H & Environmental Technology

Trụ sở : 286/8A Tô Hiến Thành, P.15, Q.10, Tp.HCM
Điện thoại : 028.38680842 - Fax : 028.38680869
Email : trungtamcoshet@gmail.com



Tp.HCM, ngày 01 tháng 07 năm 2022

Số : 405-06/22-4.19 / KQPT

KẾT QUẢ KHẢO SÁT ĐO ĐẶC MÔI TRƯỜNG

- Đơn vị yêu cầu : CÔNG TY TNHH HOÀNG ANH QUY NHƠN
- 1/ Địa điểm lấy mẫu : NHÀ MÁY GỖ HOÀNG ANH QUY NHƠN
- 2/ Địa chỉ : KCN Phú Tài, P. Trần Quang Diệu, TP. Quy Nhơn, Tỉnh Bình Định
- 3/ Thời gian lấy mẫu: 21/06/2022
- 4/ Loại mẫu : Tiếng ồn
- 5/ Phương pháp thực hiện:

STT	Chỉ tiêu	Phương pháp thực hiện	Phạm vi đo
1	Tiếng ồn*	TCVN 7878-2: 2018	30+120 dBA

BẢNG KẾT QUẢ ĐO TIẾNG ỒN

Điểm Đo	Cường độ ồn (dBA)
Khu vực sản xuất (596728; 1523585)	80
QCVN 24:2016/BYT	≤ 85

Ghi chú: Đã loại trừ tiếng ồn do các phương tiện giao thông
(*): Các chỉ tiêu đã được Bộ Tài Nguyên và Môi Trường công nhận

**BỘ PHẬN ĐO ĐẶC
PHÂN TÍCH MÔI TRƯỜNG**

Bùi Mạnh Hiệp

**KIỂM GIÁM ĐỌC TRUNG TÂM
PHÓ GIÁM ĐỐC**

ThS. Thái Sanh Bảo Huy



TRUNG TÂM TƯ VẤN CÔNG NGHỆ MÔI TRƯỜNG VÀ AN TOÀN VỆ SINH LAO ĐỘNG

Consultancy Center of O.S.H & Environmental Technology

Trụ sở : 286/8A Tô Hiến Thành, P.15, Q.10, Tp.HCM

Điện thoại : 028.38680842 - Fax : 028.38680869

Email : trungtamcoshet@gmail.com



Số : 908-12/22-2.24 / KQPT

Tp.HCM, ngày 18 tháng 12 năm 2022

KẾT QUẢ KHẢO SÁT ĐO ĐẠC MÔI TRƯỜNG

Đơn vị yêu cầu : CÔNG TY TNHH HOÀNG ANH QUY NHƠN

1/ Địa điểm lấy mẫu : NHÀ MÁY GỖ HOÀNG ANH QUY NHƠN

2/ Địa chỉ : KCN Phú Tài, P. Trần Quang Diệu, TP. Quy Nhơn, Tỉnh Bình Định

3/ Thời gian lấy mẫu: 08/12/2022

4/ Loại mẫu : Khí thải

5/ Phương pháp lấy mẫu và phân tích:

STT	Chỉ tiêu	Phương pháp lấy và bảo quản mẫu	Phương pháp phân tích môi trường	Giới hạn phát hiện (MDL)/Phạm vi đo
1	Bụi (PM)*	US EPA Method 5	US EPA Method 5	7,2 mg/Nm ³
2	CO*	TCVN 7242:2003	TCVN 7242:2003	2,7 mg/Nm ³
3	NO _x (tính theo NO ₂)*	TCVN 7245:2003	TCVN 7245:2003	1,5 mg/Nm ³
4	SO ₂ *	TCVN 7246:2003	TCVN 7246:2003	5,4 mg/Nm ³
5	Lưu lượng*	US EPA Method 2	-	0 - 4.521.600 m ³ /h

KẾT QUẢ CHẤT LƯỢNG KHÍ THẢI

Chỉ tiêu	Lưu lượng	Bụi	CO	SO ₂	NO _x
Nguồn thải	P (m ³ /h)	(mg/Nm ³)	(mg/Nm ³)	(mg/Nm ³)	(mg/Nm ³)
Khí thải tại lò hơi 1 (X=596686; Y=1523717) (Đo tại nguồn thải)	P<20.000	97	426,9	14,3	106,8
QCVN 19 : 2009/BTNMT (Giá trị giới hạn B)	C _{max} = C x K _p x K _v với K _p = 1 và K _v = 1	200	1000	500	850

Ghi chú: Kết quả phân tích chỉ có giá trị tại thời điểm đo đạc

(*): Các chỉ tiêu đã được Bộ Tài Nguyên và Môi Trường công nhận

BỘ PHẬN ĐO ĐẠC
PHÂN TÍCH MÔI TRƯỜNG

KT. GIÁM ĐỐC TRUNG TÂM
PHÓ GIÁM ĐỐC



Bùi Mạnh Hiệp

ThS. Thái Sanh Bảo Huy



TRUNG TÂM KỸ THUẬT QUAN TRÁC MÔI TRƯỜNG
Environmental Monitoring Technical Center (EMC)
 Địa chỉ: Khu Đô thị mới Vạn Tường- Bình Trị- Bình Sơn- Quảng Ngãi
 Tel: (0255)3610704-3612206; Fax: (0255)3610704
 Web: Dungquatemc.com.vn; Email: emcdungquat@gmail.com



Số/No: 620/2023/QIPT

Quang Ngãi, 20/03/2023

PHIẾU THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

Đơn vị yêu cầu/Customer : CÔNG TY TNHH HOÀNG ANH QUY NHƠN

Loại mẫu/Type of sample : Nước thải

Kí hiệu/Sign	Tọa độ/ Coordinate	Ngày lấy mẫu/ Sampling date	Nguồn gốc/Source
NT 72/4/3	X: Y:	13/03/2023	Tại hố ga đầu nối vào hệ thống thu gom nước thải chung của KCN - Nhà máy chế biến lâm sản xuất khẩu - Công ty TNHH Hoàng Anh Quy Nhơn - Lô B33, B34, B38, KCN Phú Tài, thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định

PP lấy mẫu/Sampling method : TCVN 5999:1995

Ngày thí nghiệm/Testing date : 13/03 - 20/03/2023

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
Test Results

STT No	Các thông số Parameters	Phương pháp thử Test methods	Đơn vị Units	Kết quả Results NT 72/4/3	Ghi chú Note
1(*)	pH	TCVN 6492:2011		6,5	
2(*)	Chất rắn lơ lửng (TSS)	SMEWW 2540 D (2017)	mg/l	118	
3(*)	Nhu cầu oxy hóa học (COD)	SMEWW 5220 D (2017)	mg/l	114	
4(*)	Nhu cầu oxy sinh hóa (BOD ₅)	TCVN 6000-1:2008	mg/l	59	
5(*)	Amoni (N-NH ₄ ⁺)	TCVN 6179-1:1996	mg/l	1,64	
6(*)	Nitơ tổng	SMEWW 4500-N C (2017)	mg/l	17,3	
7(*)	P-tổng	SMEWW 4500-P B&E (2017)	mg/l	6,15	
8(*)	Tổng dầu, mỡ khoáng	SMEWW 5520 B&F (2017)	mg/l	KPH (LOD=0,3)	

Ghi chú/Note:

Dữ liệu (*) Các thông số được công nhận VILAS273 / Sign (*) The parameters has been accredited VILAS273
 Dữ liệu không được công nhận VILAS273 / Sign (*) Not recognized by VIMCERTS certificate



Hồ Minh Tuấn

KT. GIÁM ĐỐC/PHÓ GIÁM ĐỐC
 PP. Director/Vice Director





TRUNG TÂM KỸ THUẬT QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG
Environmental Monitoring Technical Center (EMC)
Địa chỉ: Khu Đô thị mới Vạn Tường- Bình Trị- Bình Sơn- Quảng Ngãi
Tel: (0255)3610704-3612206 ; Fax: (0255)3610704
Web: Dungquatemc.com.vn; Email: emcdungquat@gmail.com
VILAS 273; VIMCERTS 029; LAS-XD350; 505/TN-TĐL; 029/TN-QTMT; ISO 9001



Số/No: 586/2023/QTPT

Quang Ngãi, 16/03/2023

PHIẾU THỬ NGHIỆM TEST REPORT

- Đơn vị yêu cầu/Customer : CÔNG TY TNHH HOÀNG ANH QUY NHƠN
- Loại mẫu/Type of sample : Không Khí

Kí hiệu/Sign	Toạ độ Coordinate	Ngày lấy mẫu/ Sampling date	Nguồn gốc/Source
K 72/4/1	X: 1523585 Y: 596728	13/03/2023	Khu vực sản xuất - Nhà máy chế biến lâm sản xuất khẩu - Công ty TNHH Hoàng Anh Quy Nhơn - Lô B33, B34, B38, KCN Phú Tài, thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định

- PP lấy mẫu/Sampling method : Theo phương pháp thử
- Ngày thí nghiệm/Testing date : 13/03 - 16/03/2023

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM Test Results

STT No	Các thông số Parameters	Phương pháp thử Test methods	Đơn vị Units	Kết quả /Results K 72/4/1	Ghi chú Note
I	KHÔNG KHÍ				
1 th (a)	Bụi lơ lửng (TSP)	TCVN 5067:1995	mg/m ³	2,69	
2 th	Carbon monoxit (CO)	SOP-K7/EMC	mg/m ³	5,17	
3 th	Lưu huỳnh đioxit (SO ₂)	TCVN 5971:1995	mg/m ³	0,36	
4 th	Nitơ đioxit (NO ₂)	TCVN 6137:2009	mg/m ³	0,28	
II	TIẾNG ÒN				
5 th (a)	Mức âm (Leq)-HT	TCVN 7878-2:2010	dBA	81	

Ghi chú/Note:

Dữ liệu (a): Các thông số được công nhận VILAS273 / Sign (a): The parameters has been accredited VILAS273

Dữ liệu (b): Thông số được công nhận VIMCERTS 029 / Sign (b): Recognized by VIMCERTS certificate

HT: những thông số đo đạc tại địa điểm / HT: The parameters measure at location



VILAS 273

Hồ Minh Tuấn

KT. GIÁM ĐỐC/PHÓ GIÁM ĐỐC
PP. Director/Vice Director



Lê Anh Trà



TRUNG TÂM KỸ THUẬT QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG

Environmental Monitoring Technical Center (EMC)

Địa chỉ: Khu Đô thị mới Vạn Tường- Bình Trị- Bình Sơn- Quảng Ngãi

Tel: (0255)3610704-3612206 ; Fax: (0255)3610704

Web:Dungquatemc.com.vn; Email: emcdungquat@gmail.com



VILAS 273; VIMCERTS 029; LAS-XD350; 505/TN-TDL; 029/TN-QTMT; ISO 9001

Số/Ng: 581/2023/QTPT

Quang Ngãi, 16/05/2023

PHIẾU THỬ NGHIỆM TEST REPORT

- Đơn vị yêu cầu/Customer : CÔNG TY TNHH HOÀNG ANH QUY NHƠN

- Loại mẫu/Type of sample : Khí thải công nghiệp

Kí hiệu/Sign	Tọa độ Coordinate	Ngày lấy mẫu/ Sampling date	Nguồn gốc/Source
KT 72/4/2	X: 1522692 Y: 601836	13/03/2023	Tại ống khói lò sấy - Nhà máy chế biến lâm sản xuất khẩu - Công ty TNHH Hoàng Anh Quy Nhơn - Lô B33, B34, B38, KCN Phú Tài, thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định

- PP lấy mẫu/Sampling method : Theo phương pháp thử

- Ngày thí nghiệm/Testing date : 13/03 - 16/03/2023

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM Test Results

STT No	Các thông số Parameters	Phương pháp thử Test methods	Đơn vị Units	Kết quả /Results KT 72/4/2	Ghi chú Note
1 st	Bụi tổng	US EPA Method 5	mg/Nm ³	83	
2 nd	Carbon monoxit (CO)	SOP-QTK3/EMC	mg/Nm ³	795	
3 rd	Lưu huỳnh đioxit (SO ₂)	SOP-QTK3/EMC	mg/Nm ³	36	
4 th	Nitơ oxit (NOx)	SOP-QTK3/EMC	mg/Nm ³	64	

Ghi chú/Note:

Dấu "H" được công nhận VIMCERTS / Sign "H" Recognized by VIMCERTS certificate

TRƯỞNG PHÒNG
Manager

Hồ Minh Tuấn

KT. GIÁM ĐỐC/PHÓ GIÁM ĐỐC
PP. Director/Vice Director



Lê Anh Trà



Mã số: 111223/13684:1/QTMT/REC

Tp. HCM, ngày 18 tháng 12 năm 2023

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

- Đơn vị yêu cầu: CÔNG TY TNHH HOÀNH ANH QUY NHƠN
- Địa chỉ: KCN Phú Tài, Thành Phố Quy Nhơn, Tỉnh Bình Định
- Địa điểm lấy mẫu: CÔNG TY TNHH HOÀNH ANH QUY NHƠN
- Tên mẫu: Không khí

Số lượng: 01 mẫu.

STT	MÃ SỐ MẪU	KÝ HIỆU/VỊ TRÍ LẤY MẪU
1	KK4.111223	1211L/KK/AB-HAQN/1: Khu vực sản xuất (1523805; 0596724)

5. Ngày lấy mẫu: 11/12/2023

6. Kết quả thử nghiệm:

STT	THÔNG SỐ/ ĐƠN VỊ		PHƯƠNG PHÁP THỬ NGHIỆM	KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM KK4.111223	GIỚI HẠN	QUY CHUẨN SO SÁNH
1	Độ ồn ^{(a)(b)(c)}	dBA	TCVN 7878-2:2010	70,1	≤ 85	QCVN 24:2016/BYT
2	Bụi ^{(a)(b)}	mg/m ³	TCVN 5067:1995	0,25	8	QCVN 02:2019/BYT
3	CO ^(a)	mg/m ³	HDKK-CO/REC	5,73	40	QCVN 03:2019/BYT (giới hạn tiếp xúc ngắn)
4	NO ₂ ^{(a)(b)}	mg/m ³	TCVN 6137:2009	0,091	10	
5	SO ₂ ^{(a)(b)}	mg/m ³	TCVN 5971:1995	0,088	10	

P. Phòng thí nghiệm


Phạm Trúc Linh

P. Giám đốc




Nguyễn Thị Thúy Hạ



Mã số: 111223/13683:1/QTMT/REC

Tp. HCM, ngày 18 tháng 12 năm 2023

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

- Đơn vị yêu cầu: CÔNG TY TNHH HOÀNG ANH QUY NHƠN
- Địa chỉ: KCN Phú Tài, Thành Phố Quy Nhơn, Tỉnh Bình Định
- Địa điểm lấy mẫu: CÔNG TY TNHH HOÀNG ANH QUY NHƠN
- Tên mẫu: Khí thải Số lượng: 01 mẫu.

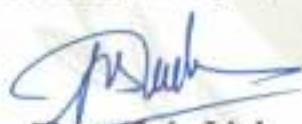
STT	MÃ SỐ MẪU	KÝ HIỆU/VỊ TRÍ LẤY MẪU
1	KT3.111223	1211L/KT/AB-HAQN/1: Ống khói lò hơi (1524011; 0596741)

5. Ngày lấy mẫu: 11/12/2023

6. Kết quả thử nghiệm:

STT	THÔNG SỐ/ĐƠN VỊ		PHƯƠNG PHÁP THỬ NGHIỆM	KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
1	Bụi ^(d)	mg/Nm ³	US EPA Method 5	81
2	CO ^{(a)(c)}	mg/Nm ³	HDKT-01	792
3	NO _x ^{(a)(c)}	mg/Nm ³	HDKT-01	215
4	SO ₂ ^{(a)(c)}	mg/Nm ³	HDKT-01	104

P. Phòng thí nghiệm


Phạm Trúc Linh

P. Giám đốc



Nguyễn Thị Thúy Hạ

QUY HOẠCH TỔNG MẶT BẰNG TỶ LỆ 1/500

CÔNG TY TNHH HOÀNG ANH QUY NHƠN
NHÀ MÁY CHẾ BIẾN LÂM SẢN XUẤT KHẨU VÀ TIÊU THỤ NỘI ĐỊA

A. THUYẾT MINH QUY HOẠCH:

STT	LOẠI ĐẤT	DIỆN TÍCH (M ²)	TỶ LỆ (%)
TỔNG DIỆN TÍCH LÔ ĐẤT		41.088,7	100,0
TRONG ĐÓ:			
A	ĐẤT XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH	25.816	62,83
1	NHÀ BẢO VỆ (16m ² + 30m ²)	46	
2	NHÀ ĐỂ XE CÔNG NHÂN 1	283,55	
3	GARA ÔTÔ	84	
4	KHO HOÀ CHẤT	72	
5	NHÀ LÀM VIỆC	222,72	
6	NHÀ VỆ SINH	29,12	
7	NHÀ CÁN TIN + MẪU ĐỐI CHỨNG	145,6	
8	BÃI CHỨA GỖ	882	
9	XUỐNG CỬA CỎ	931	
10	KHO CHỨA GỖ	1.064	
11	KHU VỰC NGẦM GỖ	280	
12	LÒ SẤY HƠI NƯỚC + LÒ HƠI	2.688	
13	KHO CHỨA CHẤT THẢI NGUY HẠI	13,23	
14	PHẦN XUỐNG XS SỐ 1	1.280	
15	XUỐNG TẠO PHÔI	2.944	
16	XUỐNG SX SỐ 2	2.940	
17	XUỐNG SX SỐ 3	4.368	
18	XUỐNG LẬP RÁP	2.119	
19	XUỐNG PHUN SƠN	1.411	
20	KHO THÀNH PHẨM	2.130	
21	LÒ HÚT BỤI (161m ² + 42,94m ² + 31,57m ²)	236	
22	XUỐNG CƠ KHÍ SỐ 1	108	
23	XUỐNG CƠ KHÍ SỐ 2	60	
24	NHÀ VỆ SINH SỐ 1	16	
25	ĐÀI NƯỚC	47	
26	TRẠM BIẾN ÁP	33	
27	BỂ XLNT	18	
28	BỂ NƯỚC PCCC (25m ² + 50m ²)	75	
29	NHÀ VỆ SINH SỐ 2	24	
30	NHÀ ĐÓNG GỖ BẢO BÌ	404	
31	LÒ SẤY HƠI	128,80	
32	BỂ NƯỚC	24	
34	KHO VẠN PHÒNG	9,60	
35	NHÀ TRƯNG BÀY SẢN PHẨM	376	
36	XUỐNG BẢO BÌ ĐÓNG GỖ	672	
B	ĐẤT CÂY XANH	9801,95	21,91
C	ĐẤT GIAO THÔNG NỘI BỘ	6.278,6	15,26

KÝ HIỆU:

- TẦNG CAO
- HẠNG MỤC HIỆN TRẠNG
- CÂY XANH, THẨM CỎ
- HẠNG MỤC XÂY DỰNG MỚI
- RANH GIỚI QUY HOẠCH
- NM — HỆ THỐNG THOÁT NƯỚC MƯA
- HW — HT THOÁT NƯỚC THẢI SẢN XUẤT
- NTSH — HT THOÁT NƯỚC THẢI SINH HOẠT
- D — HỆ THỐNG CẤP ĐIỆN
- HỆ THỐNG CẤP NƯỚC

BẢN CHẤM LƯU KÝ TÊN ĐƠN VỊ
PHÒNG CÔNG TRÌNH - XÂY DỰNG
Thư: Thuận Q.T.M.B. An Ban
05/11/2016 / BCL - Q.LQT.XD
Ngày: 21/11/2016

CƠ QUAN PHÊ DUYỆT:
BAN QUẢN LÝ KHU KINH TẾ TỈNH BÌNH ĐỊNH

CƠ QUAN THỎA THUẬN:
CẢNH SÁT PHÒNG CHÁY VÀ CHỮA CHÁY TỈNH BÌNH ĐỊNH
CẢNH SÁT PHÒNG CHÁY & CHỮA CHÁY TỈNH BÌNH ĐỊNH
ĐÃ THẨM DUYỆT THIẾT KẾ
VỀ PHÒNG CHÁY VÀ CHỮA CHÁY
Số: 42/2016/PCCP ngày 11/7/2016

CHỦ ĐẦU TƯ:
CÔNG TY TNHH HOÀNG ANH QUY NHƠN

CÔNG TRÌNH-ĐỊA ĐIỂM:
NHÀ MÁY CHẾ BIẾN LÂM SẢN XUẤT KHẨU
VÀ TIÊU THỤ NỘI ĐỊA

LÔ B33, B34, B38 KCN PHÙ TÀI, P. TRẦN QUANG ĐIỀU, TP QUY NHƠN

BẢN VẼ:
QH THOÁT NƯỚC SINH HOẠT

BẢN VẼ: QH 02/02 GHÉP: TL: 1/500 HT: 04/2016

THIẾT KẾ - THỂ HIỆN: KS: NGUYỄN THÀNH VŨ

CHỦ TRÌ: KTS: QUÁCH CÔNG BẢO

GIÁM ĐỐC: T. PHAN QUỐC DUY

ĐƠN VỊ TƯ VẤN, THIẾT KẾ:

CÔNG TY TNHH XÂY DỰNG
TÔ GIA

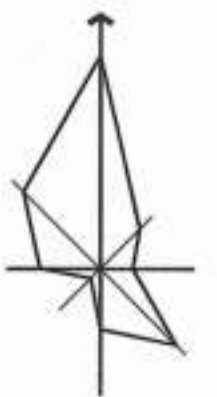
THUYẾT MINH:

- HỆ THỐNG NƯỚC THẢI SẢN XUẤT VÀ NƯỚC THẢI SINH HOẠT DÙNG ỐNG NHỰA UPVC D200, HỆ THỐNG NƯỚC THẢI SẢN XUẤT NỐI VÀO TRẠM XỬ LÝ NƯỚC THẢI CỦA NHÀ MÁY, SAU ĐÓ ĐẤU NỐI VÀO HỆ THỐNG THU GOM NƯỚC THẢI CỦA KCN TẠI ĐIỂM T. NẾU XẢY RA Ô NHIỄM MÔI TRƯỜNG, DOANH NGHIỆP CHỊU TRÁCH NHIỆM TRƯỚC PHÁP LUẬT.

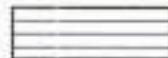
CÔNG TY TNHH HOÀNG ANH QUY NHƠN
NHÀ MÁY CHẾ BIẾN LÂM SẢN XUẤT KHẨU VÀ TIÊU THỤ NỘI ĐỊA



STT	LOẠI ĐẤT	DIỆN TÍCH (M2)	TỶ LỆ (%)
	TỔNG DIỆN TÍCH LÔ ĐẤT	41.088,7	100,0
	TRONG ĐÓ:		
A	ĐẤT XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH	25.816	62,83
1	NHÀ BẢO VỆ (16m2 + 30m2)	46	
2	NHÀ ĐỂ XE CÔNG NHÂN 1	283,55	
3	GA RA ÔTÔ	84	
4	KHO HOÀ CHẤT	72	
5	NHÀ LÀM VIỆC	222,72	
6	NHÀ VỆ SINH	29,12	
7	NHÀ CÁN TIN + MẪU ĐỒ CHỮNG	145,6	
8	BÀI CHỮA GỖ	882	
9	XƯỞNG CUA D	931	
10	KHO CHỨA GỖ	1.064	
11	KHU VỰC NGẤM GỖ	280	
12	LÒ SẤY HƠI NƯỚC + LÒ HƠI	2.688	
13	KHO CHỨA CHẤT THẢI NGUY HẠI	13,23	
14	PHẦN XƯỞNG XS SỐ 1	1.280	
15	XƯỞNG TẠO PHÔI	2.944	
16	XƯỞNG SX SỐ 2	2.940	
17	XƯỞNG SX SỐ 3	4.368	
18	XƯỞNG LẬP RÁP	2.119	
19	XƯỞNG PHỤ KIỆN SƠN	1.431	
20	KHO THÀNH PHẨM	2.130	
21	LÒ HÚT BỤI (16m2 + 42,94m2 + 31,57m2)	236	
22	XƯỞNG CỎ KHÉ SỐ 1	108	
23	XƯỞNG CỎ KHÉ SỐ 2	108	
24	NHÀ VỆ SINH SỐ 1	16	
25	ĐÀI NƯỚC	47	
26	TRAM BIẾN ÁP	33	
27	BỂ XLNT	18	
28	BỂ NƯỚC PCCC (25m2 + 50m2)	75	
29	NHÀ VỆ SINH SỐ 2	24	
30	NHÀ ĐÓNG GỖ BẢO HÌ	404	
31	LÒ SẤY HƠI	128,80	
32	BỂ NƯỚC	24	
33	KHO VẠN PHÒNG	9,60	
35	NHÀ TRƯNG BÀY SẢN PHẨM	376	
36	XƯỞNG BẢO HÌ ĐÓNG GỖ	672	
B	ĐẤT XÂY XANH	9.001,95	21,91
C	ĐẤT GIAO THÔNG NỘI BỘ	6.270,6	15,26



KÝ HIỆU:

- | | |
|---|-------------------------------------|
| ● | TẦNG CAO |
|  | HẠNG MỤC HIỆN TRẠNG |
|  | CÂY XANH, THẨM CỎ |
|  | HẠNG MỤC XÂY DỰNG MỚI |
|  | RANH GIỚI QUY HOẠCH |
| — NM — | HỆ THỐNG THOÁT NƯỚC MƯA |
| — HW — | HT THOÁT NƯỚC THẢI SẢN XUẤT |
| — NTSH — | HT THOÁT NƯỚC THẢI SINH HOẠT |
| — D — | HỆ THỐNG CẤP ĐIỆN |
| — ○ — | HỆ THỐNG CẤP NƯỚC |

BAN CHA NHU HOA HANG 100
 PHONG QUY HOACH - 217 PAGES
 Thưa thính QN TMB tại văn ban số
 1189 BAL-QC/NXD
 Ngày 21.1.2016

CƠ QUAN PHÊ DUYỆT:
BAN QUẢN LÝ KHU KINH TẾ TỈNH BÌNH ĐỊNH

CƠ QUAN THỎA THUẬN: **BỘ CÔNG AN**
CẢNH SÁT PHÒNG CHÁY VÀ CHỮA CHÁY TỈNH BÌNH ĐỊNH

ĐÃ THẨM DUYỆT THIẾT KẾ
VỀ PHÒNG CHÁY VÀ CHỮA CHÁY
Số: 100/TĐ-PCCC ngày 18/7/2016

CHỦ ĐẦU TƯ: **CTY TNHH HOÀNG ANH QUY NHƠN**

 *Trần Thị Nguyễn Vinh*

CÔNG TRÌNH-ĐỊA ĐIỂM:
NHÀ MÁY CHẾ BIẾN LÂM SẢN XUẤT KHẨU
VÀ TIÊU THỤ NỘI ĐỊA

LÔ B33, B34, B38 KCN PHÚ TÀI, P. TRẦN QUANG DIỆU, TP QUY NHƠN

BẢN VẼ:
QH CẤP ĐIỆN CẤP NƯỚC

BẢN VẼ: QH 02/02	GHÉP:	TL: 1/500	HT: 04/2016
------------------	-------	-----------	-------------

THIẾT KẾ - THỂ HIỆN	KS: NGUYỄN THÀNH VŨ	<i>[Signature]</i>
---------------------	---------------------	--------------------

1. <u>What is the purpose of the study?</u>	1. <u>To determine the effect of the independent variable on the dependent variable.</u>	✓
2. <u>What are the variables in the study?</u>	2. <u>The independent variable is the variable that is manipulated by the researcher.</u>	✓

CHỦ TRÌ	KTS: QUÁCH CÔNG BẢO	
---------	---------------------	--

GIÁM ĐỐC



TÔ PHAN QUỐC DUY

ĐƠN VỊ TƯ VẤN, THIẾT KẾ:

CÔNG TY TNHH XÂY DỰNG

CÔNG TY TNHH XÂY DỰNG

TỔ GIA

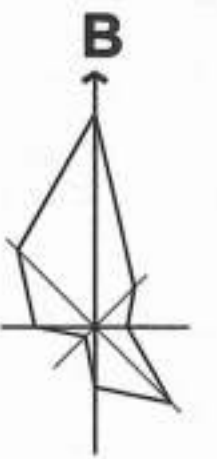
TO GIA

QUY HOẠCH TỔNG MẶT BẰNG TỶ LỆ 1/500

CÔNG TY TNHH HOÀNG ANH QUY NHƠN
NHÀ MÁY CHẾ BIẾN LÂM SẢN XUẤT KHẨU VÀ TIÊU THỤ NỘI ĐỊA

A. THUYẾT MINH QUY HOẠCH:

STT	LOẠI ĐẤT	DIỆN TÍCH (M ²)	TỶ LỆ (%)
TỔNG DIỆN TÍCH LÔ ĐẤT		41.088,7	100,0
TRONG ĐÓ:			
A	ĐẤT XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH	25.816	62,83
1	NHÀ BẢO VỆ (16m ² + 30m ²)	46	
2	NHÀ ĐỂ XE CÔNG NHÂN 1	283,55	
3	GA RA ÔTÔ	84	
4	KHO HOÀ CHẤT	72	
5	NHÀ LÀM VIỆC	222,72	
6	NHÀ VỆ SINH	29,12	
7	NHÀ CÁN TIN + MẪU DỐI CHỨNG	145,6	
8	BÃI CHỨA GỖ	882	
9	XƯỞNG CƯA CD	931	
10	KHO CHỨA GỖ	1.064	
11	KHU VỰC NGÂM GỖ	280	
12	LÒ SẤY HƠI NƯỚC + LÒ HƠI	2.688	
13	KHO CHỨA CHẤT THẢI NGUY HẠI	13,23	
14	PHẦN XƯỞNG XS SỐ 1	1.280	
15	XƯỞNG TẠO PHÔI	2.944	
16	XƯỞNG SX SỐ 2	2.940	
17	XƯỞNG SX SỐ 3	4.368	
18	XƯỞNG LẬP RÁP	2.119	
19	XƯỞNG PHUN SƠN	1.431	
20	KHO THÀNH PHẨM	2.130	
21	LÒ HÚT BUL (16m ² + 42,94m ² + 31,57m ²)	236	
22	XƯỞNG CƠ KHÍ SỐ 1	108	
23	XƯỞNG CƠ KHÍ SỐ 2	60	
24	NHÀ VỆ SINH SỐ 1	16	
25	ĐẠI NƯỚC	47	
26	TRẠM BIẾN ÁP	33	
27	BỂ XLNT	18	
28	BỂ NƯỚC PCCC (25m ² + 50m ²)	75	
29	NHÀ VỆ SINH SỐ 2	24	
30	NHÀ ĐÓNG GỖ BAO BÌ	404	
31	LÒ SẤY HƠI	128,80	
32	BỂ NƯỚC	24	
34	KHO VÁN PHÒNG	9,60	
35	NHÀ TRƯNG BÀY SẢN PHẨM	376	
36	XƯỞNG BAO BÌ ĐÓNG GỖ	672	
B	ĐẤT CÂY XANH	9001,25	21,91
C	ĐẤT GIAO THÔNG NỘI BỘ	6.270,6	15,26



KÝ HIỆU:

- TẦNG CAO
- HẠNG MỤC HIỆN TRẠNG
- CÂY XANH, THÂM CỎ
- HẠNG MỤC XÂY DỰNG MỚI
- RANH GIỚI QUY HOẠCH
- NM — HỆ THỐNG THOÁT NƯỚC MƯA
- HW — HT THOÁT NƯỚC THẢI SẢN XUẤT
- NTSH — HT THOÁT NƯỚC THẢI SINH HOẠT
- D — HỆ THỐNG CẤP ĐIỆN
- — — — — HỆ THỐNG CẤP NƯỚC

BẢN CHẾ BIẾN: 01/01/2016
PHẦN 2: QUY HOẠCH XÂY DỰNG
Thẩm Thuận QH TMB tại Văn ban
Số 189/BAL-CL&HXD
Ngày 29.1.6
2016

CƠ QUAN PHÊ DUYỆT:
BAN QUẢN LÝ KHU KINH TẾ TỈNH BÌNH ĐỊNH

CƠ QUAN THỎA THUẬN:
CÔNG AN
CẢNH SÁT PHÒNG CHÁY VÀ CHỮA CHÁY TỈNH BÌNH ĐỊNH
ĐÃ THẨM DUYỆT THIẾT KẾ
VỀ PHÒNG CHÁY VÀ CHỮA CHÁY
Số 189/TP-PCCC ngày 18.1.2016

CHỦ ĐẦU TƯ:
CTY TNHH HOÀNG ANH QUY NHƠN

CÔNG TY TNHH HOÀNG ANH QUY NHƠN
ĐƠN VỊ TƯ VẤN THIẾT KẾ

CÔNG TRÌNH-ĐỊA ĐIỂM:
NHÀ MÁY CHẾ BIẾN LÂM SẢN XUẤT KHẨU
VÀ TIÊU THỤ NỘI ĐỊA

LÔ B33, B34, B38 KCN PHÚ TÀI, P. TRẦN QUANG ĐIỀU, TP QUY NHƠN

BẢN VẼ:
QH THOÁT NƯỚC MƯA

BẢN VẼ: QH 02/02 GHÉP: TL: 1/500 HT: 04/2016

THIẾT KẾ - THỂ HIỆN: KS: NGUYỄN THÀNH VŨ

CHỦ TRÌ: KTS: QUÁCH CÔNG BẢO

GIÁM ĐỐC: T. PHAN QUỐC DUY

ĐƠN VỊ TƯ VẤN THIẾT KẾ:

CÔNG TY TNHH XÂY DỰNG

TÔ GIA

THUYẾT MINH:

- HỆ THỐNG THU ĐÓN NƯỚC MƯA: THIẾT KẾ THEO ĐỘ DỐC 0,5%, THEO SAN NỀN MẶT BẰNG, VÀ KẾT HỢP ĐIỂM KẾT NỐI DO CHỦ ĐẦU TƯ HẠ TẦNG CUNG CẤP.
HỆ THỐNG THU GOM NƯỚC MƯA CỦA NHÀ MÁY CÙNG THOÁT THEO ĐỊA HÌNH CÁC HẠNG MỤC, ĐƯỢC THU GOM ĐẦU NỐI VÀO CÁC HỐ GA NỘI BỘ ĐƯỢC DẪN QUA HỆ THỐNG MƯƠNG RỘNG 0.4M, SAU ĐÓ ĐẦU NỐI VÀO HỆ THỐNG THOÁT NƯỚC CỦA KCN TẠI ĐIỂM M1, M2, M3, M4

CÔNG TY TNHH HOÀNG ANH QUY NHƠN
NHÀ MÁY CHẾ BIẾN LÂM SẢN XUẤT KHẨU VÀ TIÊU THỤ NỘI ĐỊA



STT	LOẠI BÁT	DIỆN TÍCH (M2)	TỶ LỆ (%)
	TỔNG DIỆN TÍCH LÒ BÁT TRONG ĐC:	41.088,7	100
A	BÁT XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH	25.816	62,83
1	NHÀ BẢO VỆ (15m ² + 30m ²)	45	
2	NHÀ BẾ XỬ CHẾ NƯỚC 1	281,35	
3	GIA RA ÔTÔ	84	
4	KHO HOA CHUẬT	72	
5	NHÀ LÂM VIỆC	222,72	
6	NHÀ VỆ SINH	29,12	
7	NHÀ CÁN TÍN + MẪU BỒI CHƯỜNG	145,6	
8	BÀI CHỮA GỖ	882	
9	XUỐNG CỬA CĐ	931	
10	KHO CHỮA GỖ	1.054	
11	KHU VỰC NGẦM GỖ	200	
12	LÒ SẤY HỒI NƯỚC + LÒ HƠI	2.688	
13	KHO CHỮA CHÁY THỦY NGUY HẠI	13,25	
14	PHẦN XUỐNG XS SỐ 1	1.280	
15	XUỐNG TẠO PHỒI	2.944	
16	XUỐNG XS SỐ 2	2.940	
17	XUỐNG XS SỐ 3	4.308	
18	XUỐNG LẤP RÁP	2.119	
19	XUỐNG PHÂN SỬN	1.431	
20	KHO THUẬN PHẨM	2.130	
21	LÒ HƠI BẾ 1 (16m ² + 42,04m ² + 31,57m ²)	296	
22	XUỐNG CỎ KHÉ SỐ 1	108	
23	XUỐNG CỎ KHÉ SỐ 2	16	
24	NHÀ VỆ SINH SỐ 1	60	
25	ĐÀU NƯỚC	47	
26	TRẠM BIẾN ÁP	33	
27	ĐẾ XLNT	18	
28	ĐẾ NƯỚC PCCC (25m ² + 50m ²)	75	
29	NHÀ VỆ SINH SỐ 2	26	
30	NHÀ ĐÔNG GỒI BÔNG HỒ	405	
31	LÒ SẤY HƠI	128,80	
32	ĐẾ NƯỚC	24	
33	KHO VẬN CHUYỂN	9,60	
34	NHÀ THUẬN BẦY SẢN PHẨM	376	
35	XUỐNG BẢO HIỂM ĐONG GỒI	672	
B	BÁT CÂY XANH	9981,95	24,30
C	BÁT GIÁC THÔNG NỘI BỘ	6.270,6	15,27



KÝ HIỆU:

- | | |
|---|-----------------------|
| • | TẦNG CAO |
|  | HẠNG MỤC HIỆN TRẠNG |
|  | CÂY XANH, THẢM CỎ |
|  | HẠNG MỤC XÂY DỰNG MỚI |
|  | RANH GIỚI QUY HOẠCH |

BAN CHỈ ĐẠO ĐOÀN THANH NIÊN
 HUYỆN QUẢNG TRUNG - 254.74.607
 Thôn Thuận An HTM xã Thuận An
 PC 1169 BQL QUẢNG TRUNG
 254.74.16 2016
 CHƯNG THỰC BAN SAO HƯNG VU BAN CHỈ ĐẠO
 SECT. 673 Quận 6 HỒ CHÍ MINH
 Ngày 04 tháng 5 năm 2016
 BẾCH CHỮ TÍCH

Nguyễn Thị Hương

CƠ QUAN PHÊ DUYỆT:
BAN QUẢN LÝ KHU KINH TẾ TỈNH BÌNH ĐỊNH

CƠ QUAN THỎA THUẬN
CÁNH
ĐỘI CÔNG AN
ĐỘI PHÒNG CHÁY VÀ CHỮA CHÁY THỊNH BÌNH ĐỆNH
ĐÃ THẨM DUYỆT THIẾT KẾ
VỀ PHÒNG CHÁY VÀ CHỮA CHÁY
SE: 02/10/2011 ngày 02/10/2011 tại Đội

CHỦ ĐẦU TƯ
CÔNG TY TNHH HOÀNG ANH QUY NHƠN

 *Điền Thị Nguyễn Vinh*

CÔNG TRÌNH-ĐỊA ĐIỂM:
NHÀ MÁY CHẾ BIẾN LÂM SẢN XUẤT KHẨU
VÀ TIÊU THỤ NỘI ĐỊA

LÔ B33, B34, B36 KCN PHÚ TÀI, P. TRẦN QUANG DIỆU, TP QUY NHƠN
BẢN VẼ:

QUY HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT

BẢN VẼ: CH 0302	CHẾP	TỈ: 1:500	MẪY: 04/2016
-----------------	------	-----------	--------------

THIẾT KẾ - THIẾT HIỆN	KS: NGUYỄN THÁNH VŨ	
-----------------------	---------------------	---

		V
		B

CHỦ TRÌ	KTB: QUÁCH CÔNG BẢO	
CHỖ ĐÓNG		

GIAM BOC

CONFIDENTIAL

TỔ PHAN QUỐC DUY

BON VI TO VAN THIEP RE:

CÔNG TY TNHH XÂY DỰNG

TỔ CHỨC

TO GIA

© 2006 The Authors
Journal compilation © 2006 Blackwell Publishing Ltd

10. *Journal of the American Medical Association*, 277, 1996, 1211-1212.